TÀI LIỆU ÔN THI HỌC SINH GIỎI MÔN ĐỊA LÍ LỚP 6

Chủ đề 1. VỊ TRÍ, HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

I. Câu hỏi tự luận

Câu 1. ***Hệ Mặt Trời gồm có bao nhiêu hành tinh? Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ mấy?***

Đáp án

- Hệ Mặt Trời gồm có 8 hành tinh là sao Thủy, sao Kim, Trái Đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, Thiên Vương và Hải Vương.

- Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ ba.

Câu 2. ***Hãy cho biết vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Vị trí này có ý nghĩa như thế nào?***

Đáp án

- Trái Đất nằm ở vị trí thứ 3 trong số 8 hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời.

- Ý nghĩa: Vị trí thứ 3 của Trái Đất là 1 trong những điều kiện rất quan trọng để góp phần nên Trái Đất là hành tinh duy nhất có sự sống trong hệ Mặt Trời.

Câu 3. ***Trái Đất có hình dạng và kích thước như thế nào?***

Đáp án

Trái Đất có dạng hình cầu và kích thước rất lớn (bán kính 6.370 km, đường Xích đạo dài 40.076 km).

Câu 4. ***Em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến? Nêu ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến.***

Đáp án

- Kinh tuyến là đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu.

- Vĩ tuyến là vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến.

- Ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến: Nhờ có hệ thống kinh, vĩ tuyến có thể xác định được vị trí của mọi địa điểm trên quả địa cầu.

Câu 5. ***Thế nào vĩ tuyến gốc? vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam? Thế nào là kinh tuyến gốc? kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây?***

Đáp án

- Vĩ tuyến gốc (0^0) là vĩ tuyến lớn nhất trên quả Địa Cầu, chia quả Địa Cầu thành 2 nửa bằng nhau: nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Vĩ tuyến gốc còn gọi là Xích đạo.

- Vĩ tuyến Bắc là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Bắc.

- Vĩ tuyến Nam là những vĩ tuyến nằm từ Xích đạo đến cực Nam.

- Kinh tuyến gốc (0^0) là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh), đối diện với kinh tuyến gốc là kinh tuyến 180^0.

- Kinh tuyến Đông là những kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc.

- Kinh tuyến Tây là những kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 6. ***Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?***

A. Vị trí thứ 3 B. Vị trí thứ 5 C. Vị trí thứ 9 D. Vị trí thứ 7

Đáp án: A

Câu 7. ***Trong hệ Mặt Trời, Mộc tinh ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?***

A. Vị trí thứ 3 B. Vị trí thứ 5 C. Vị trí thứ 9 D. Vị trí thứ 7

Đáp án: B

Câu 8. ***Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào nằm gần Mặt Trời nhất?***

A. Kim tinh B. Thủy tinh C. Thổ tinh D. Hải Vương tinh

Đáp án: B

Câu 9. ***Mặt Trăng là vệ tinh của hành tinh nào?***

A. Trái Đất B. Thủy tinh C. Mộc tinh D. Hải Vương tinh

Đáp án: A

Câu 10. ***Nước ta nằm ở đâu trên quả Địa Cầu?***

A. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Đông B. Nửa cầu Bắc và nửa cầu Tây

C. Nửa cầu Nam và nửa cầu Tây D. Nửa cầu Nam và nửa cầu Đông

Đáp án: A

Câu 11. ***Nếu cách 1^0 ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu từ cực Nam đến cực Bắc có bao nhiêu vĩ tuyến?***

A. 181 B. 182 C. 180 D. 179

Đáp án: A

Câu 12. ***Kinh tuyến đối diện với kinh tuyến gốc là:***

A. Kinh tuyến 90^0 B. Kinh tuyến 180^0 C. Kinh tuyến 360^0 D. Kinh tuyến 160^0

Đáp án: B

Câu 13. ***Trên quả Địa Cầu, vĩ tuyến dài nhất là:***

A. Vĩ tuyến 60^0 B. Vĩ tuyến 30^0 C. Vĩ tuyến 0^0 D. Vĩ tuyến 90^0

Đáp án: C

Câu 14. ***Nếu xếp theo thứ tự khoảng cách xa dần Mặt Trời ta sẽ có:***

A. Kim Tinh, Trái Đất, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh

B. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Hoả Tinh, Trái Đất

C. Thuỷ Tinh, Kim Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh

D. Kim Tinh, Thuỷ Tinh, Trái Đất, Hoả Tinh

Đáp án: C

Câu 15. ***Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là:***

A. 149,6 nghìn km B. 149,6 triệu km

C. 149,6 tỉ km D. 140 triệu km

Đáp án: B

Chủ đề 2: BẢN ĐỒ

I. Câu hỏi tự luận

Câu 16. ***Bản đồ là gì?***

Đáp án

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ trên giấy tương đối chính xác về 1 khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất trên 1 mặt phẳng.

Câu 17. ***Hãy cho biết tỉ lệ bản đồ là gì? Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ?***

Đáp án

- Tỉ lệ bản đồ là tỉ số giữa khoảng cách trên bản đồ so với khoảng cách tương ứng trên thực tế.

- Ý nghĩa: Tỉ lệ bản đồ cho biết bản đồ được thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực địa.

Câu 18.

a. Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở mấy dạng? Tỉ lệ bản đồ cho chúng ta biết điều gì?

b. Cho biết cơ sở xác định bản đồ có tỉ lệ lớn, tỉ lệ trung bình và tỉ lệ nhỏ.

Đáp án

a.

- Tỉ lệ số: là một phân số luôn có tử số là 1. Mẫu số là số cho biết bản đồ được thu nhỏ lại bao nhiêu lần. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại. Tỉ lệ số cho biết ứng với một đơn vị trên bản đồ là bao nhiêu đơn vị trên thực địa.

- Tỉ lệ thước: tỉ lệ được vẽ cụ thể dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực địa.

b. Cơ sở xác định:

+ Những bản đồ có tỉ lệ trên 1:200.000 là bản đồ có tỉ lệ lớn.

+ Những bản đồ có tỉ lệ từ 1:200.000 đến 1:1000.000 là bản đồ có tỉ lệ trung bình.

+ Những bản đồ có tỉ lệ nhỏ hơn 1:1000.000 là bản đồ có tỉ lệ nhỏ.

Câu 19. ***Dựa vào số ghi tỉ lệ của các tờ bản đồ sau đây: 1:100.000 và 1:6.000.000.***

a. Cho biết bản đồ nào có tỉ lệ lớn, bản đồ nào có tỉ lệ nhỏ?

b. Cho biết 5cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

Đáp án

a.

- Bản đồ có tỉ lệ 1:100.000 là bản đồ có tỉ lệ lớn.

- Bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 là bản đồ có tỉ lệ nhỏ.

b.

- Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:100.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với 5 x 100.000 = 500.000cm = 5km trên thực địa. (Đổi từ cm sang km ta chia cho 100.000)

- Với tờ bản đồ có tỉ lệ 1:6.000.000 thì 5cm trên bản đồ ứng với 5 x 6.000.000 = 30.000.000cm = 300km trên thực địa.

Câu 20. ***Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:2.000.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 3 cm và Hà Nội - Phú Thọ là 6 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa các địa điểm trên là bao nhiêu km?***

Đáp án

- Khoảng cách thực địa giữa Hà Nội – Hải Dương là 3 x 2.000.000 = 6.000.000 cm = 60 km.

- Khoảng cách thực địa giữa Hà Nội – Phú Thọ là 6 x 2.000.000 = 12.000.000 cm = 120 km.

Câu 21. ***Nêu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ 1:6.000.000. Khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách này là 10,5cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?***

Đáp án

- Tỉ lệ bản đồ: 1:6.000.000 có ý nghĩa là kích thước trên bản đồ đã được thu nhỏ 6.000.000 lần so với kích thước thực của chúng trên thực địa.

- Đổi: 105km = 10.500.000cm (Đổi từ km sang cm ta nhân cho 100.000), bản đồ đã thu nhỏ số lần là: 10.500.000:10,5 = 1.000.000 (lần). Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:1.000.000.

Câu 22. ***Khoảng cách từ TPHCM đến Trường Sa là 670km. Trên một bản đồ Việt Nam đo được khoảng cách giữa hai địa điểm này là 13,4cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?***

Đáp án

Đổi: 670km = 67.000.000cm, bản đồ đã thu nhỏ số lần là: 67.000.000 : 13,4 = 5.000.000 (lần). Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:5.000.000.

Câu 23. ***Hãy vẽ sơ đồ các hướng chính được quy định trên bản đồ.***

Đáp án

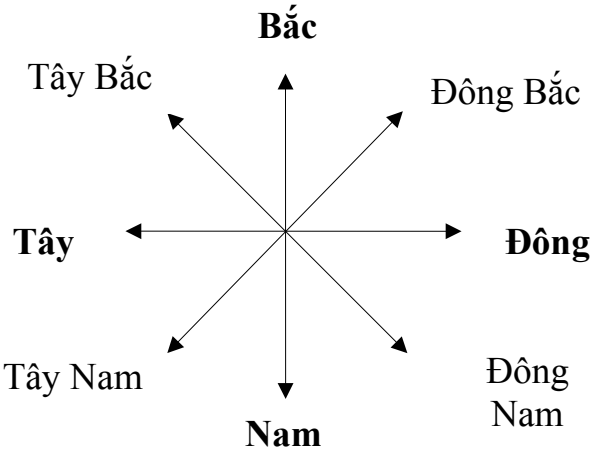

Câu 24. ***Muốn xác định phương hướng trên bản đồ ta phải dựa vào đâu?***

Đáp án

- Dựa vào các đường kinh tuyến và vĩ tuyến trên bản đồ.

- Dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ

Câu 25. ***Quan sát hình vẽ (khu vực Đông Bắc Á), cho biết các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D.***

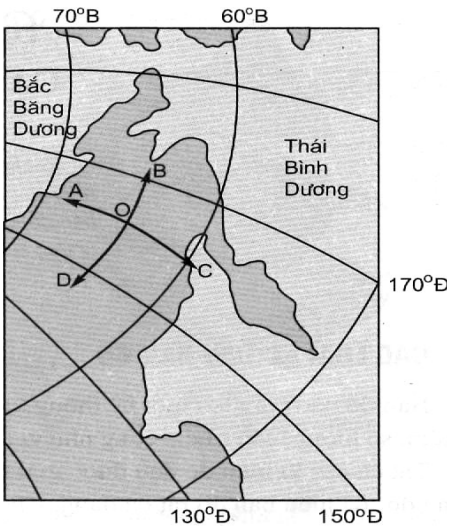

Đáp án

- Đầu tiên xác định các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trong hình. Đường song song với kinh tuyến là đường chỉ hướng bắc - nam; đường song song với vĩ tuyến là đường chỉ hướng đông - tây. Ta thấy AOC là đường song song với kinh tuyến, DOB là đường song song với vĩ tuyến.

- Các hướng đi từ điểm O đến các điểm A, B, C, D:

+ O đến A : theo hướng bắc.

+ O đến C : theo hướng nam.

+ O đến B : theo hướng đông .

+ O đến D : theo hướng tây.

Câu 26. ***Thế nào là kinh độ, vĩ độ, toạ độ địa lí của một điểm. Toạ độ địa lí của một điểm là*** $\begin{cases} 20^0\text{T} \\ 10^0\text{B} \end{cases}$ ***cho biết điều gì?***

Đáp án

- Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.

- Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (đường Xích đạo).

- Kinh độ và vĩ độ của một điểm được gọi chung là toạ độ địa lí của điểm đó.

- Điểm có toạ độ địa lí là $\begin{cases} 20^0\text{T} \\ 10^0\text{B} \end{cases}$ (nằm trên kinh tuyến 20^0T và vĩ tuyến 10^0B) nghĩa là điểm đó nằm cách kinh tuyến gốc 20^0 về phía tây và nằm cách Xích đạo 10^0 về phía bắc.

Câu 27. ***Kí hiệu bản đồ là gì? Nêu ý nghĩa của kí hiệu bản đồ.***

Đáp án

- Kí hiệu bản đồ là những dấu hiệu quy ước, dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.

- Kí hiệu bản đồ dùng để biểu hiện vị trí, đặc điểm… của các đối tượng địa lí được đưa lên bản đồ.

Câu 28. ***Dựa vào bản đồ Hình 12 dưới đây, em hãy:***

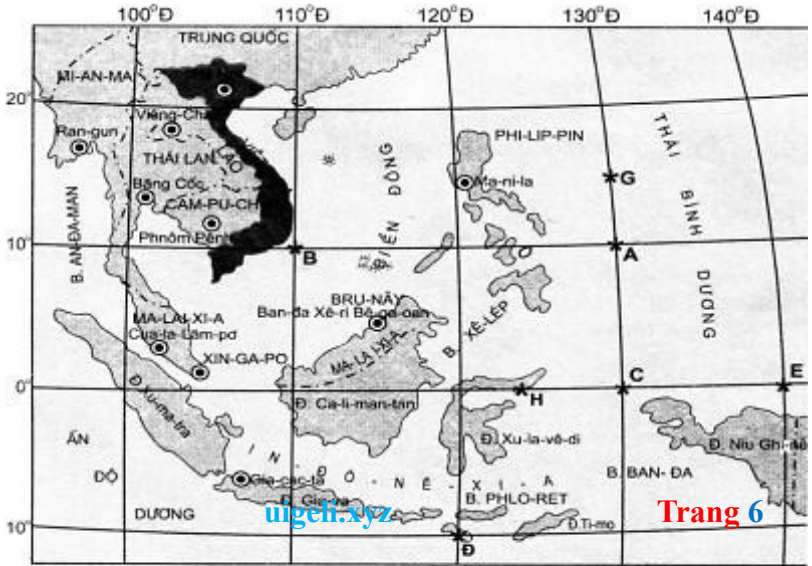

uigeli.xyz

a. ***Cho biết các hướng bay từ Băng Cốc đến Ran-gun, Cua-la Lăm-pơ đến Băng Cốc và Cua-la Lăm-pơ đến Ma-ni-la, Ma-ni-la đến Gia-cac-ta.***

b. ***Ghi tọa độ địa lí của các điểm A, Đ, E, B.***

Đáp án

a.

- Hướng bay từ Băng Cốc đến Ran-gun: tây bắc
- Hướng bay từ Cua-la Lăm-pơ đến Băng Cốc: bắc
- Hướng bay từ Cua-la Lăm-pơ đến Ma-ni-la: đông bắc
- Hướng bay từ Ma-ni-la đến Gia-cac-ta: tây nam

b. Tọa độ địa lí của các điểm:

A $\begin{cases} 130^0Đ \\ 10^0B \end{cases}$ Đ $\begin{cases} 120^0Đ \\ 10^0N \end{cases}$ E $\begin{cases} 140^0Đ \\ 0^0 \end{cases}$

B $\begin{cases} 110^0Đ \\ 10^0B \end{cases}$

Câu 29. ***Kể tên các loại kí hiệu bản đồ thường dùng và nêu ví dụ.***

Đáp án

Có 3 loại kí hiệu bản đồ thường dùng là:

- Kí hiệu điểm. Ví dụ: thể hiện các nhà máy, sân bay, cảng biển…
- Kí hiệu đường. Ví dụ: thể hiện đường giao thông, ranh giới quốc gia…
- Kí hiệu diện tích. Ví dụ: thể hiện vùng trồng lúa, vùng trồng cây công nghiệp…

Câu 30. ***Để thể hiện độ cao địa hình trên bản đồ, người ta thường sử dụng các phương pháp nào?***

Đáp án

- Độ cao của địa hình trên bản đồ được biểu hiện bằng các thang màu hoặc bằng đường đồng mức.

- Thang màu là những màu sắc có độ đậm nhạt khác nhau. Màu càng đậm thì thể hiện địa hình càng cao hoặc càng sâu.

- Đường đồng mức là những đường nối những điểm có cùng độ cao hoặc độ sâu. Đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng dốc.

Câu 31. ***Vì sao khi sử dụng bản đồ, trước hết chúng ta cần tìm đọc bảng chú giải?***

Đáp án

Bảng chú giải của bản đồ giúp chúng ta hiểu nội dung và ý nghĩa của các kí hiệu dùng trên bản đồ. Vì hệ thống các kí hiệu của bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ, trước hết chúng ta cần đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ.

Căn cứ vào Hình 44 dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi từ 32 đến 35:

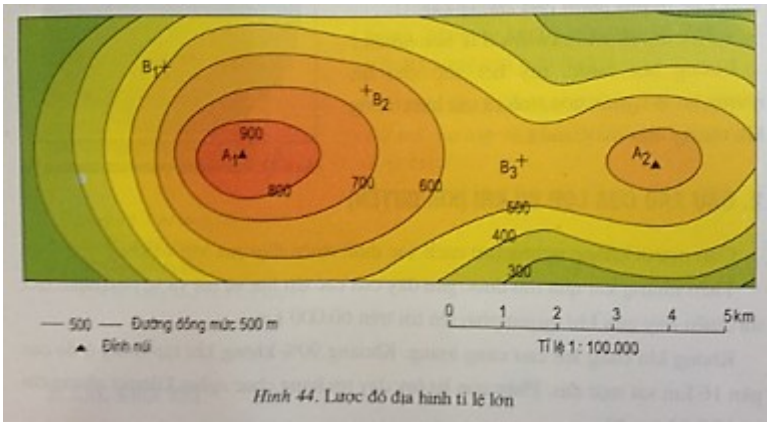

Hình 44. Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn

Câu 32. ***Thế nào là đường đồng mức? Tại sao dựa vào các đường đồng mức ta có thể biết được hình dạng của địa hình?***

Đáp án

- Đường đồng mức: là đường nối những điểm có cùng độ cao so với mực biển.

- Hình dạng địa hình được biết là do các điểm có độ cao sẽ nằm cùng trên 1 đường đồng mức, biết độ cao tuyệt đối của các điểm và đặc điểm hình dạng địa hình, độ dốc, hướng nghiêng.

Câu 33. ***Xác định hướng từ đỉnh núi A1 đến A2. Sự chênh lệch độ cao của các đường đồng mức là bao nhiêu? Xác định độ cao của A1, A2, B1, B2, B3.***

Đáp án

- Hướng từ đỉnh núi A1 đến A2 là từ tây sang đông.

- Sự chênh lệch độ cao của các đường đồng mức là 100 m.

- Độ cao của:

+ A1 = 900 m

+A2 là trên 600 m

+ B1 = 500 m

+ B2 = 650 m

+ B3 = trên 500 m và dưới 600 m

Câu 34. ***Dựa vào tỉ lệ lược đồ hãy tính khoảng cách theo đường chim bay từ đỉnh A1 đến A2.***

Đáp án

Khoảng cách theo đường chim bay từ đỉnh A1 đến A2 là 7,5 x 100.000 = 750.000 cm = 7,5 km.

Câu 35. ***Quan sát sườn Đông và Tây của núi A1 xem sườn bên nào dốc hơn? Vì sao.***

Đáp án

Sườn tây dốc hơn sườn Đông vì các đường đồng mức phía tây sát nhau hơn phía Đông.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 36. ***Nước ta nằm ở hướng nào của châu Á:***

A. Đông Nam B. Đông Bắc C. Tây Nam D. Tây Bắc

Đáp án: A

Câu 37. ***Dựa vào số ghi tỉ lệ đối với bản đồ 1:200.000, 6cm trên bản đồ tương ứng trên thực địa là:***

A. 10km B. 12km C. 16km D. 20km

Đáp án: B

Câu 38. ***Các dạng kí hiệu thường được sử dụng trong phương pháp kí hiệu là:***

A. Hình học B. Chữ

C. Tượng hình D. Tất cả các ý trên

Đáp án: D

Câu 39. ***Muốn xác định được phương hướng trên bản đồ cần phải dựa vào:***

A. kí hiệu bản đồ.

B. bảng chú giải.

C. các đường kinh tuyến, vĩ tuyến.

D. toạ độ của các địa điểm trên bản đồ.

Đáp án: C

Căn cứ vào hình 12 dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi từ 40 đến 44:

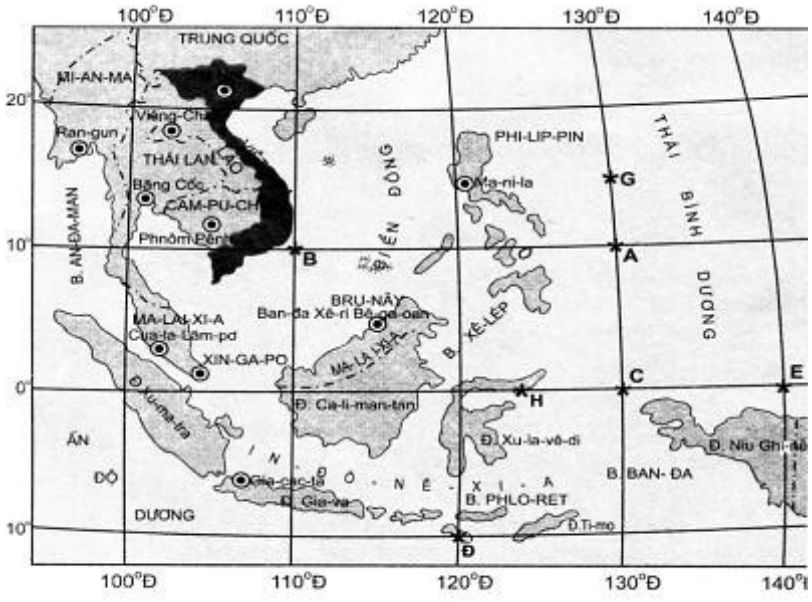

Hình 12. Bản đồ thủ đô các nước ở khu vực Đông Nam Á

Câu 40. ***Cho biết thủ đô của Thái Lan là:***

A. Viêng Chăn

B. Phnôm Pênh

C. Băng Cốc

D. Ran-gun

Đáp án: B

Câu 41. ***Cho biết hướng bay từ Xin-ga-po đến Ma-ni-la là:***

A. Đông Nam

B. Tây Nam

C. Đông Bắc

D. Tây Bắc

Đáp án: C

Câu 42. ***Cho biết Tây Bắc là hướng bay từ Băng Cốc đến:***

A. Ran-gun

B. Viêng Chăn

C. Phnôm-pênh

D. Ma-ni-la

Đáp án: A

Câu 43. Cho biết điểm nào có tọa độ địa lí là:

130^0Đ

0^0

A. Điểm A

B. Điểm B

C. Điểm C

D. Điểm Đ

Đáp án: C

Câu 44. ***Cho biết điểm G có tọa độ địa lí là:***

A. 130^0Đ / 15^0B

B. 130^0Đ / 15^0N

C. 130^0T / 15^0B

D. 130^0T / 15^0N

Đáp án: A

Câu 45. ***Bản đồ là:***

A. Hình vẽ của Trái Đất lên mặt giấy

B. Hình vẽ thu nhỏ trên giấy về khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất

C. Hình vẽ biểu hiện bề mặt Trái Đất lên mặt giấy

D. Mô hình của Trái Đất được thu nhỏ lại

Đáp án: B

Câu 46. ***Bản đồ nào dưới đây thể hiện các đối tượng địa lí có mức độ chi tiết cao nhất?***

A. Bản đồ có tỉ lệ 1:250.000

B. Bản đồ có tỉ lệ 1:50.000

C. Bản đồ có tỉ lệ 1:150.000

D. Bản đồ có tỉ lệ 1:5.000.000

Đáp án: B

Câu 47. ***Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh:***

A. Học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí

B. Học thay sách giáo khoa

C. Thư giản sau khi học xong bài

D. Xác định vị trái các bộ phận lãnh thổ học trong bài

Đáp án: A

Câu 48. ***Một bản đồ được gọi là hoàn chỉnh, đầy đủ khi:***

A. Có màu sắc và kí hiệu

B. Có bảng chú giải

C. Có đủ kí hiệu về thông tin, tỉ lệ xích, bảng chú giải

D. Cần có bản tỉ lệ xích và kí hiệu bản đồ

Đáp án: C

Câu 49. ***Dựa vào tỉ lệ bản đồ chúng ta biết được:***

A. Bản đồ đó lớn hay nhỏ.

B. Kích thước của các đối tượng địa lí trên bản đồ.

C. Trên bản đồ có nhiều hay ít đối tượng địa lí được biểu hiện.

D. Các khoảng cách giữa các đối tượng trên bản đồ đã được thu nhỏ bao nhiêu lần so với thực địa.

Đáp án: D

Câu 50. ***Kí hiệu bản đồ là:***

A. Phương pháp để vẽ bản đồ địa lí.

B. Kích thước của một bản đồ được thu nhỏ so với thực tế.

C. Dấu hiệu được quy ước dùng để biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.

D. Hình vẽ trên bản đồ để thay thế cho các đối tượng địa lí.

Đáp án: C

Câu 51. ***Dựa vào số ghi tỉ lệ bản đồ là 1:5.000.000, cho biết 8cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km trên thực địa:***

A. 40.000.000km B. 4.000.000km C. 4.000km D. 400km

Đáp án: D

Câu 52. ***Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:3.500.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội và Thanh Hóa là 4cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa 2 thành phố này là bao nhiêu km?***

A. 140km B. 1.400km

C. 14km D. 28km

Đáp án: A

Câu 53. ***Khoảng cách từ Huế đến Đà Nẵng là 84km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách giữa hai thành phố đo được là 2,1cm, vậy bản đồ có tỉ lệ:***

A. 1:250.000 B. 1:2.500.000

C. 1:400.000 D. 1:4.000.000

Đáp án: D

Câu 54. ***Một địa điểm nằm ở xích đạo và có kinh độ là 60^0 nằm bên trái kinh tuyến gốc. Cách viết tọa độ địa lí của điểm đó là:***

A. $\begin{cases} 20^0 N \\ 0^0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} 60^0 T \\ 90^0 N \end{cases}$

C. $\begin{cases} 60^0 T \\ 0^0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} 0^0 \\ 60^0 T \end{cases}$

Đáp án: C

Câu 55. ***Một địa điểm nằm ở kinh tuyến gốc và có vĩ độ là 20^0 nằm bên trên xích đạo. Cách viết tọa độ địa lí của điểm đó là:***

A. $\begin{cases} 20^0 B \\ 0^0 \end{cases}$ B. $\begin{cases} 60^0 T \\ 90^0 B \end{cases}$

C. $\begin{cases} 0^0 \\ 20^0 N \end{cases}$ D. $\begin{cases} 0^0 \\ 20^0 B \end{cases}$

Đáp án: D

Chủ đề 3. SỰ VẬN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT VÀ CÁC HỆ QUẢ

I. Câu hỏi tự luận

Câu 56. ***Hãy mô tả vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.***

Đáp án

- Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng $66^0$33' trên mặt phẳng quỹ đạo. Hướng tự quay là từ Tây sang Đông.

- Thời gian Trái Đất tự quay một vòng quanh trục là một ngày đêm (24 giờ).

Câu 57. ***Hãy mô tả sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.***

Đáp án

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình elip gần tròn. Thời gian chuyển động một vòng là 365 ngày 6 giờ.

- Khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất vẫn đồng thời tự quay quanh trục.

- Trong khi chuyển động trên quỹ đạo (quanh Mặt Trời), Trái Đất lúc nào cũng giữ nguyên độ nghiêng, đồng thời hướng nghiêng của trục không đổi. Sự chuyển động đó gọi là sự chuyển động tịnh tiến.

Câu 58. ***So sánh điểm giống và khác nhau giữa chuyển động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời.***

Đáp án

**** Giống nhau:***

- Chuyển động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời đều là chuyển động theo hướng từ Tây sang Đông.

- Cùng có chu kỳ là 1 vòng và trục Trái Đất luôn nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo 1 góc là 66°33´.

**** Khác nhau:***

- Chuyển động tự quay quanh mình với thời gian 1 vòng là 24 giờ và quay quanh Mặt Trời với 1 vòng là 365 ngày 6 giờ.

- Chuyển động tự quay quanh trục theo cách thức là quay, chuyển động quay quanh Mặt Trời theo cách thức là tịnh tiến theo quỹ đạo hình elip.

Câu 59. ***Nếu Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời nhưng không tự quay quanh trục thì sẽ có những hiện tượng gì xảy ra trên bề mặt Trái Đất?***

Đáp án

- Trái Đất vẫn có ngày và đêm. Một năm chỉ có một ngày và một đêm.

- Ngày dài sáu tháng, đêm dài sáu tháng.

- Ban ngày, mặt đất sẽ tích tụ một lượng nhiệt rất lớn và nóng lên dữ dội. Ban đêm trở nên rất lạnh.

- Sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn giữa ngày và đêm gây ra sự chênh lệch rất lớn về khí áp giữa hai nửa cầu ngày và đêm. Từ đó, hình thành những luồng gió cực mạnh.

- Bề mặt Trái Đất sẽ không còn sự sống.

Câu 60. ***Nếu trong quá trình chuyển động, trục Trái Đất vuông góc với mặt phẳng quỹ đạo (thay vì nghiêng 66°33´ như hiện nay) thì các hiện tượng tự nhiên sẽ thay đổi như thế nào?***

Đáp án

- Góc nhập xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất luôn cố định không thay đổi ở từng vùng (từ Xích đạo đến cực).

+ Nhiệt đới: Khí hậu không có sự thay đổi gì so với hiện nay (nóng quanh năm).

+ Ôn đới: Quanh năm có khí hậu "như mùa xuân".

+ Vùng cực: Quanh năm có ánh sáng và khí hậu bớt khắc nghiệt hơn.

- Ngày và đêm ở mọi nơi trên Trái Đất dài bằng nhau vì ánh sáng Mặt Trời luôn chiếu thẳng góc vào mặt đất ở Xích đạo.

- Hệ quả của Trái Đất tự quay quanh trục vẫn xãy ra như: Sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế và sự lệch hướng chuyển động của các vật thể (lực cô-ri-ô-lit).

Câu 61. ***Hãy nêu các hệ quả của vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.***

Đáp án

* Sự luân phiên ngày đêm: Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. Nhờ có sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên ở khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.

* Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế:

- Giờ địa phương (giờ Mặt Trời): các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau.

- Giờ quốc tế: giờ ở múi giờ số 0 được lấy làm giờ quốc tế hay giờ GMT.

- Bề mặt Trái Đất được chia làm 24 múi giờ, mỗi múi giờ rộng 15^0 kinh tuyến.

- Các múi được đánh số từ 0 đến 23. Múi số 0 là múi mà kinh tuyến giữa của nó đi qua đài thiên văn Greenwich, các múi tiếp theo được đánh số theo chiều quay của Trái Đất. Việt Nam thuộc múi giờ số 7.

- Đường chuyển ngày quốc tế: kinh tuyến 180^0:

+ Nếu đi từ Tây sang Đông qua kinh tuyến 180^0 thì phải lùi lại 1 ngày.

+ Nếu đi từ Đông sang Tây qua kinh tuyến 180^0 thì phải cộng thêm 1 ngày.

* Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể (lực cô-ri-ô-lit): Do sự chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất nên các vật chuyển động trên bề mặt Trái Đất bị lệch hướng. Ở nửa cầu Bắc, nếu nhìn xuôi theo hướng chuyển động thì vật chuyển động sẽ lệch về bên phải. Còn ở nửa cầu Nam, vật chuyển động sẽ lệch về bên trái.

Câu 62. ***Em hãy giải thích câu : Bằng kiến thức địa lí***

"Dòng sông bên lở bên bồi

Bên lở thì đục, bên bồi thì trong"

Đáp án

Là do lực làm lệch hướng chuyển động của các vật thể cô-ri-ô-lit. Lực này xuất hiện do Trái Đất tự quay trục. Lực này sẽ tác động lên các vật chuyển động trên Trái Đất như khối khí, dòng biển, đường đạn bay và dòng sông cũng thế, nó bị tác dụng bởi lực Cô-ri-ô-lit hướng về một phía của bờ sông, làm thay đổi hướng chảy, gây ra hiện tượng bên lở, bên bồi.

Câu 63. ***Một bức điện đánh từ Hà Nội (106^0Đ) vào hồi 11h ngày 1/3/2020 đến New York (74^0T), 1h sau thì trao cho người nhận, lúc ấy là mấy giờ và ngày, tháng nào ở New York? Điện trả lời được đánh từ New York hồi 1h ngày 1/3/2020, 1h sau thì trao cho người nhận, lúc đó là mấy giờ và ngày, tháng nào ở Hà Nội?***

Đáp án

** Tìm múi giờ Hà Nội và New York*

- Hà Nội thuộc Bán cầu Đông nên múi giờ ở Hà Nội là: $106^0 : 15^0 = 7{,}1$ làm tròn 7.

- New York thuộc Bán cầu Tây nên múi giờ ở New York là: $24 – (74^0 : 15^0) = 19{,}1$ làm tròn 19.

** Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ của Hà Nội và New York*

Do Hà Nội và New York khác Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 7 + (24 – 19) = 12 múi

** Tính giờ và ngày, tháng ở New York và Hà Nội*

- Khi bức điện đánh từ Hà Nội thì giờ và ngày, tháng ở New York (phía Tây Hà Nội) là: 11h ngày 1/3/2020 – 12h = –1h ngày 1/3/2020 + 24h = 23h ngày 29/2/2020 (do năm 2020 là năm nhuận).

Lưu ý: nếu – ra giờ âm thì ta + thêm 24h và lùi 1 ngày.

- Sau 1h thì trao cho người nhận tại New York, lúc đó người nhận được thư lúc 23h ngày 29/2/2012 + 1h = 24h ngày 29/2/2020 – 24h = 0h ngày 1/3/2020.

Lưu ý: nếu + ra giờ lớn hơn hoặc = 24h thì ta – đi 24h và tăng 1 ngày.

- Điện trả lời được đánh từ New York thì lúc đó giờ và ngày, tháng ở Hà Nội (phía Đông New York) là: 1h ngày 1/3/2020 + 12h = 13h ngày 1/3/2020.

- Sau 1h thì trao cho người nhận tại Hà Nội, lúc đó người nhận được thư lúc 13h ngày 1/3/2020 + 1h = 14h ngày 1/3/2020.

Câu 64. ***Một máy bay cất cánh tại Cai-rô (múi 2) lúc 8h ngày 8/8/2018 đến Ma-ni-la. Sau 11h bay, máy bay hạ cánh lúc 1h ngày 9/8/2018. Cho biết Ma-ni-la ở múi giờ thứ mấy?***

Đáp án

- Sau 11h máy bay hạ cánh lúc 1h ngày 9/8/2018, vậy khi máy bay cất cánh tại Cai-rô thì giờ ở Ma-ni-la là 1h ngày 9/8/2018 – 11h = – 10h ngày 9/8/2018 + 24h = 14h ngày 8/8/2018.

- Vậy ở cùng thời điểm khi máy bay cất cánh tại Cai-rô thì giờ ở Ma-ni-la sớm hơn Cai-rô và thời gian chênh lệch với Cai-rô là 14h ngày 8/8/2018 – 8h ngày 8/8/2018 = 6h.

- Vậy múi giờ ở Ma-ni-la = múi giờ ở Cai-rô + khoảng thời gian chênh lệch giữa Ma-ni-la và Cai-rô = 2 + 6 = 8.

Câu 65. Lễ khai mạc World Cup năm 2018 diễn ra vào lúc 17h ngày 14/6/2018 tại Ma-xcơ-va (múi giờ 3) được truyền hình trực tiếp. Hãy tính giờ, ngày các địa điểm xem truyền hình trực tiếp lễ khai mạc bằng cách hoàn thành bảng dưới đây:

Địa điểm	Kếp-tao (18^0Đ)	Thượng Hải (121^0Đ)	La-ha-ba-na (82^0T)	Hô-nô-lu-lu (158^0T)
Giờ	?	?	?	?
Ngày	?	?	?	?

Đáp án

* Tìm múi giờ của các địa điểm

- Kếp-tao thuộc Bán cầu Đông nên múi giờ ở Kếp-tao là: $18^0 : 15^0 = 1,2$ làm tròn 1.

- Thượng Hải thuộc Bán cầu Đông nên múi giờ ở Thượng Hải là: $121^0 : 15^0 = 8,1$ làm tròn 8.

- La-ha-ba-na thuộc Bán cầu Tây nên múi giờ ở La-ha-ba-na là: $24 – (82^0 : 15^0) = 18,5$ làm tròn 19.

- Hô-nô-lu-lu thuộc Bán cầu Tây nên múi giờ ở Hô-nô-lu-lu là: $24 – (158^0 : 15^0) = 13,5$ làm tròn 14.

* Tìm khoảng cách chênh lệch giữa múi giờ của Ma-xcơ-va với các địa điểm

- Do Ma-xcơ-va và Kếp-tao cùng Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 3 – 1 = 2 múi.

- Do Ma-xcơ-va và Thượng Hải cùng Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 8 – 3 = 5 múi.

- Do Ma-xcơ-va và La-ha-ba-na khác Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 3 + (24–19) = 8 múi.

- Do Ma-xcơ-va và Hô-nô-lu-lu khác Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 3 + (24–14) = 13 múi.

* Tính giờ và ngày, tháng ở các địa điểm

- Khi Ma-xcơ-va là 17h ngày 14/6/2018 thì lúc đó giờ và ngày ở Kếp-tao (phía Tây Ma-xcơ-va) là 17h – 2h = 15h ngày 14/6/2018.

- Khi Ma-xcơ-va là 17h ngày 14/6/2018 thì lúc đó giờ và ngày ở Thượng Hải (phía Đông Ma-xcơ-va) là 17h + 5h = 22h ngày 14/6/2018.

- Khi Ma-xcơ-va là 17h ngày 14/6/2018 thì lúc đó giờ và ngày ở La-ha-ba-na (phía Tây Ma-xcơ-va) là 17h – 8h = 9h ngày 14/6/2018.

- Khi Ma-xcơ-va là 17h ngày 14/6/2018 thì lúc đó giờ và ngày ở Hô-nô-lu-lu (phía Tây Ma-xcơ-va) là 17h – 13h = 4h ngày 14/6/2018.

* Hoàn thành bảng:

Địa điểm	**Kếp-tao (18^0Đ)**	**Thượng Hải (121^0Đ)**	**La-ha-ba-na (82^0T)**	**Hô-nô-lu-lu (158^0T)**
Giờ	15h	22h	9h	4h
Ngày	14/6/2018 .	14/6/2018.	14/6/2018.	14/6/2018.

Câu 66. ***Cho biết ở kinh tuyến số 100^0Đ ,100^0T, 115^0T, 176^0Đ thuộc múi giờ số mấy?***

Đáp án

- Kinh tuyến 100^0Đ thuộc múi giờ: $100^0 : 15^0 = 6,7$ làm tròn là 7.

- Kinh tuyến 100^0T thuộc múi giờ: $(360^0 - 100^0) : 15^0 = 17$.

- Kinh tuyến 115^0T thuộc múi giờ: $(360^0 - 115^0) : 15^0 = 16$.

- Kinh tuyến 176^0Đ thuộc múi giờ: $176^0 : 15^0 = 12$.

Câu 67. ***Việt Nam (múi 7), khu vực giờ gốc (múi 0). Hỏi :***

- Khi ở nước ta là 6h ngày 1/1/2021 thì ở khu vực giờ gốc là mấy giờ, ngày tháng năm nào?

- Khi ở khu vực giờ gốc là 22h30' ngày 1/1/2021 thì ở nước ta là mấy giờ, ngày tháng năm nào?

Đáp án

* Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ của nước ta và khu vực giờ gốc

Do nước ta nằm ở phía Đông khu vực giờ gốc nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 7 – 0 = 7 múi

* Tính giờ và ngày, tháng, năm ở nước ta và khu vực giờ gốc

- Khi nước ta là 6h ngày 1/1/2021 thì giờ và ngày, tháng, năm ở khu vực giờ gốc là 6h ngày 1/1/2021 – 7h = –1h ngày 1/1/2021 + 24h = 23h ngày 31/12/2020.

- Khi ở khu vực giờ gốc là 22h30' ngày 1/1/2021 thì giờ và ngày, tháng, năm ở nước ta là 22h30' ngày 1/1/2021 + 7h = 29h30' ngày 1/1/2021 – 24h = 5h30' ngày 2/1/2021.

Câu 68. Một tàu thủy chạy từ cảng Đà Nẵng (múi 7) lúc 7h ngày 7/7/2017 đến Mác-xây (múi 1), sau 23h chạy thì đến Mác-xây, lúc đó là mấy giờ và ngày, tháng nào ở Mác-xây?

Đáp án

* Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ của Đà Nẵng và Mác-xây

Do Đà Nẵng và Mác-xây cùng Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 7 – 1 = 6 múi

* Tính giờ và ngày, tháng ở Mác-xây

- Khi tàu thủy xuất phát từ cảng Đà Nẵng thì giờ và ngày, tháng ở Mác-xây (phía Tây Đà Nẵng) là: 7h ngày 7/7/2017 – 6h = 1h ngày 7/7/2017.

- Sau 23h chạy thì đến Mác-xây, lúc đó giờ và ngày, tháng ở Mác-xây là 1h ngày 7/7/2017 + 23h = 24h ngày 7/7/2017 – 24h = 0h ngày 8/7/2017.

Câu 69. ***Có một người sinh vào ngày 29 tháng 2, Năm nay người ấy đã 52 tuổi. Vậy, người đó đã tổ chức sinh nhật được bao nhiêu lần? Theo em, tại sao lại như thế?***

Đáp án

- Người đó đã tổ chức được 13 lần sinh nhật (thay vì là 52 lần).

- Bởi vì: Trái Đất quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình elip một vòng = 365 ngày 6 giờ. Phải đợi 4 năm mới góp: 6 giờ x 4 = 24 giờ = 1 ngày. Năm được thêm 1 ngày = 366 ngày được gọi là năm nhuận dương lịch. Tháng 2 năm bình thường có 28 ngày. Riêng năm nhuận dương lịch thì tháng 2 có 29 ngày. (52 : 4 = 13 lần)

Câu 70. ***Trình bày hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất.***

Đáp án

* Ở Bắc bán cầu:

- Mùa xuân, mùa hạ:

+ Từ 21/3 đến 23/9 ngày dài hơn đêm.

+ Ngày 21/3: mọi nơi ngày bằng đêm = 12 giờ.

+ Ngày 22/6: thời gian ngày dài nhất.

- Mùa thu và mùa đông:

+ Từ 23/9 đến 21/3 năm sau: ngày ngắn hơn đêm.

+ Ngày 23/9: mọi nơi ngày bằng đêm = 12 giờ.

+ Ngày 22/12: thời gian ngày ngắn nhất.

* Ở Nam bán cầu thì ngược lại với Bắc bán cầu.

Câu 71. ***Giải thích hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo mùa trên Trái Đất.***

Đáp án

- Trong khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất lúc nào cũng chỉ được chiếu sáng một nửa. Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương nên Trái Đất có lúc chúc nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.

- Vào mùa hạ của nửa cầu Bắc, nửa cầu Bắc chúc về phía Mặt Trời, diện tích nhận được ánh sáng (ban ngày) lớn hơn diện tích khuất Mặt Trời (ban đêm) nên ngày dài hơn đêm. Khi này nửa cầu Nam là mùa đông, diện tích nhận được ánh sáng nhỏ hơn diện tích khuất Mặt Trời nên đêm dài hơn ngày.

- Vào mùa hạ của nửa cầu Nam, tình hình xảy ra ngược lại: nửa cầu Nam có ngày dài hơn đêm, nửa cầu Bắc có đêm dài hơn ngày.

Câu 72. ***Hãy giải thích câu tục ngữ Việt Nam:***

"Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười chưa cười đã tối''

Đáp án

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất luôn nghiêng về một hướng không đổi nên lần lượt từng nửa cầu ngả về phía Mặt Trời còn nửa kia thì chếch xa.

- Vào khoảng tháng 5 âm lịch (nhằm tháng 6 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều nhất nên các vùng ở Bắc bán cầu nhận được nhiều nhiệt nhất, (là mùa hạ) đồng thời, thời gian ban ngày kéo dài, đêm ngắn hơn (Đêm tháng 5 chưa nằm đã sáng).

- Vào khoảng tháng 10 âm lịch (nhằm tháng 11 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc chếch xa Mặt Trời nhất nên nhận được ít nhiệt (là mùa Đông), lúc này thời gian ban ngày rất ngắn, đêm kéo dài (Ngày tháng 10 chưa cười đã tối).

- Câu tục ngữ này chỉ đúng với các vùng ở Bắc bán cầu. Những vùng nội chí tuyến thì độ chênh lệch này không đáng kể. Càng về hai cực thì độ chênh lệch ngày đêm càng lớn. Từ vòng Cực lên Cực Bắc thì có đến 6 tháng ngày (mùa hạ) và 6 tháng đêm (mùa đông) tùy vào vĩ độ.

Câu 73. ***Trình bày về hiện tượng các mùa trên Trái Đất.***

Đáp án

- Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động trên quỹ đạo nên Trái Đất có lúc ngả nửa cầu Bắc, có lúc ngả nửa cầu Nam về phía Mặt Trời.

- Nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu sáng lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa nóng của nửa cầu đó.

- Nửa cầu nào không ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt. Lúc ấy là mùa lạnh của nửa cầu đó.

Câu 74. ***Vẽ sơ đồ về hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo mùa và theo vĩ độ (ví dụ trong các ngày 22/6 và 22/12: tương ứng với hình a và b)***

Đáp án

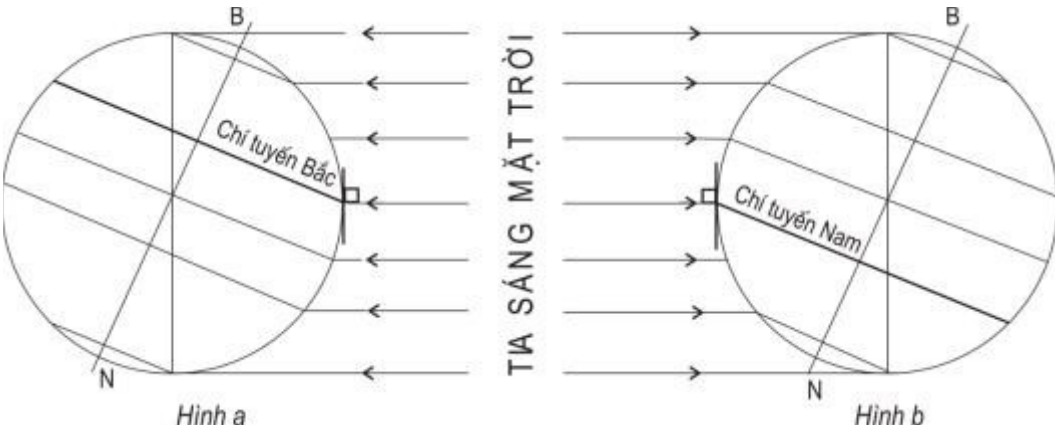

Hình a Hình b

Câu 75. ***Vào những ngày nào trong năm, hai nửa cầu Bắc và Nam đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?***

Đáp án

Vào các ngày 21-3, 23-9, hai nửa cầu có góc chiếu sáng của Mặt Trời như nhau nên nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau.

Câu 76. ***Vào các ngày 22-6 (hạ chí) và 22-12 (đông chí), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến bao nhiêu? Vĩ tuyến đó là đường gì?***

Đáp án

- Vào ngày 22-6 (hạ chí), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến $23^0$27'B. Vĩ tuyến đó là chí tuyến Bắc.

- Vào ngày 22-12 (đông chí), ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến $23^0$27'N. Vĩ tuyến đó là chí tuyến Nam.

Câu 77. ***Vào các ngày 22-6 và 22-12, độ dài ngày đêm ở hai điểm Cực như thế nào?***

Đáp án

- Vào ngày 22-6, cực Bắc có ngày dài 24 giờ (không có đêm) còn cực Nam đêm dài 24 giờ (không có ngày).

- Ngày 22-12 thì ngược lại, cực Bắc có đêm dài 24 giờ còn cực Nam có ngày dài 24 giờ.

Câu 78. ***Sự thay đổi của các mùa có tác động như thế nào đến cảnh quan thiên nhiên?***

Đáp án

Cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa:

- Mùa xuân: cây cối đâm chồi nảy lộc, sự sống phát triển.

- Mùa hạ: nắng nóng mưa nhiều, cây cối phát triển xanh tốt (điển hình có rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh, rừng cận nhiệt, rừng hỗn hợp...).

- Mùa thu: là thời kì rụng lá, cây cối ngả sắc vàng tạo nên những khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp (rừng lá phong).

- Mùa đông: cây trụi lá, cảnh quan rừng thưa rụng lá.

Câu 79. ***Sự thay đổi của các mùa có tác động như thế nào đến hoạt động sản xuất và đời sống con người?***

Đáp án

- Sự thay đổi các mùa tạo nên tính đa dạng của khí hậu trong năm -> thuận lợi để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng vật nuôi.

- Thời gian biểu của các hoạt động học tập, kinh tế - xã hội thay đổi theo mùa: mùa đông vào làm muộn; mùa hạ vào làm sớm.

- Các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng theo mùa: mùa hè phát triển du lịch biển.

Câu 80. ***Dựa vào bảng sau đây, hãy giải thích tại sao số ngày có ngày dài suốt 24 giờ lại tăng từ vòng cực đến cực?***

Vĩ độ	66°33'B	70°B	75°B	80°B	85°B	90°B
Số ngày có ngày dài suốt 24h	1	65	103	134	161	186

Đáp án

Từ vĩ độ 66°33' là đường vòng cực Bắc, bắt đầu ngày dài 24 giờ. Càng lên các vĩ độ cao thì góc chiếu Mặt Trời càng lớn, do đó số ngày có 24 giờ lại tăng đến Cực (90°B).

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 81. ***Khi chuyển động quanh Mặt Trời, trục của Trái Đất:***

A. không thay đổi độ nghiêng và hướng nghiêng.

B. luôn thay đổi độ nghiêng và hướng nghiêng.

C. thay đổi độ nghiêng, nhưng không thay đổi hướng nghiêng.

D. thay đổi hướng nghiêng, nhưng không thay đổi độ nghiêng.

Đáp án: A.

Câu 82. ***Trục Trái Đất là:***

A. Một đường thẳng tưởng tượng cắt mặt Trái Đất ở 2 điểm cố định

B. Một đường thẳng tưởng tượng xuyên tâm cắt mặt Trái Đất ở 2 điểm cố định

C. Một đường thẳng xuyên tâm cắt mặt Trái Đất ở 2 điểm cố định

D. Một đường thẳng cắt mặt Trái Đất ở 2 điểm cố định

Đáp án: B

Câu 83. ***Vào ngày nào trong năm ở cả hai nửa cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?***

A. Ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 12 B. Ngày 21 tháng 3 và ngày 23 tháng 9

C. Ngày 22 tháng 3 và ngày 22 tháng 9 D. Ngày 21 tháng 6 và ngày 23 tháng 12

Đáp án: B

Câu 84. ***So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc:***

A. $56^0 27'$ B. $23^0 27'$ C. $66^0 33'$ D. $32^0 27'$

Đáp án: C

Câu 85. ***Vùng nội chí tuyến là vùng nằm:***

A. Từ vòng cực đến cực B. Giữa hai chí tuyến

C. Giữa hai vòng cực D. Giữa chí tuyến và vòng cực

Đáp án: B

Câu 86. ***Những nơi trên Trái Đất có ngày hoặc đêm dài suốt 6 tháng là:***

A. Nằm ở 2 cực B. Nằm trên xích đạo

C. Nằm trên 2 vòng cực D. Nằm trên 2 chí tuyến

Đáp án: A

Câu 87. ***Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh là ngày nào?***

A. 23/9 thu phân B. 22/12 đông chí C. 22/6 hạ chí D. 12/3 xuân phân

Đáp án: A

Câu 88. ***Ở nửa cầu Bắc, ngày 22 tháng 6 là ngày:***

A. Hạ chí B. Thu phân C. Đông chí D. Xuân phân

Đáp án: A

Câu 89. ***Khi khu vực giờ gốc là 4 giờ, thì ở nước ta là:***

A. 12 giờ B. 10 giờ C. 9 giờ D. 11 giờ

Đáp án: D

Câu 90. ***Cùng một lúc, trên Trái Đất có bao nhiêu giờ khác nhau?***

A. 23 giờ B. 21 giờ C. 24 giờ D. 22 giờ

Đáp án: C

Câu 91. ***Vào ngày nào ở nửa cầu Nam ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc vào vĩ tuyến $23^0$27' Nam:***

A. Ngày 21 tháng 3 B. Ngày 23 tháng 9

C. Ngày 22 tháng 12 D. Ngày 22 tháng 6

Đáp án: C

Câu 92. ***Bề mặt Trái Đất được chia thành 24 khu vực giờ, mỗi khu vực giờ rộng bao nhiêu kinh tuyến:***

A. 20 B. 30 C. 25 D. 15

Đáp án: D

Câu 93. ***Ở vĩ tuyến $66^0$33' Bắc và Nam, ngày 22 tháng 6 và ngày 22 tháng 12 có ngày hoặc đêm dài:***

A. 22 giờ B. 24 giờ C. 12 giờ D. 20 giờ

Đáp án: B

Câu 94. ***Khi khu vực giờ gốc là 10 giờ thì ở New York (múi 19) là:***

A. 8 giờ B. 7 giờ C. 5 giờ D. 6 giờ

Đáp án: C

Câu 95. ***Trên Trái Đất, giờ khu vực phía Đông bao giờ cũng sớm hơn giờ khu vực phía Tây là do:***

A. Trái Đất quay từ Đông sang Tây B. Trái Đất quay từ Tây sang Đông

C. Trục Trái Đất nghiêng D. Trái Đất quay quanh Mặt Trời

Đáp án: B

Câu 96. ***Đường biểu hiện trục Trái Đất (BN) và đường phân chia sáng tối (ST) làm thành 1 góc:***

A. $66^0$33' B. $33^0$66' C. $23^0$27' D. $27^0$23'

Đáp án: C

Câu 97. Tìm múi giờ ở thành phố Tô-ky-ô biết kinh độ của thành phố này là 139^0Đ:

A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Đáp án: D

Câu 98. ***Khi ở Hà Nội (múi 7) là 1h ngày 1/1/2021 thì ở khu vực giờ gốc là mấy giờ, ngày tháng năm nào?***

A. 17h ngày 1/1/2021 B. 18h ngày 1/1/2021

C. 18h ngày 31/12/2020 D. 17h ngày 31/12/2020

Đáp án: C

Câu 99. ***Thời gian chuyển động một vòng quanh Mặt Trời là:***

A. 365 ngày B. 365 ngày 6 giờ

C. 366 ngày D. 366 ngày 6 giờ

Đáp án: B

Câu 100. ***Năm nào dưới đây không phải là năm nhuận?***

A. 2000 B. 2004

C. 2008 D. 2012

Đáp án: A

Câu 101. ***Một tàu thuỷ chạy từ cảng Hải Phòng lúc 5h ngày 1/3/2007 đi Mác-xây. Sau 20h thì tàu chạy tới Mác-xây vào lúc 19h ngày 1/3/2007. Cho biết Mác-xây ở múi giờ thứ mấy?***

A. 23 B. 0

C. 1 D. 2

Đáp án: C

Câu 102. ***Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục từ Tây sang Đông nên trong cùng một thời điểm:***

A. Người đứng ở các vĩ tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở độ cao khác nhau

B. Người đứng ở các kinh tuyến khác nhau sẽ nhìn thấy Mặt Trời ở độ cao khác nhau

C. Ở phía Tây sẽ thấy Mặt Trời xuất hiện sớm hơn

D. Mọi nơi trên Trái Đất sẽ thấy vị trí của Mặt Trời trên bầu trời giống nhau

Đáp án: B

Câu 103. ***Giờ quốc tế được lấy theo giờ của:***

A. Múi giờ số 0 B. Múi giờ số 1

C. Múi giờ số 23 D. Múi giờ số 7

Đáp án: A

Câu 104. ***Theo qui ước nếu đi từ phía Tây sang phía Đông qua đường chuyển ngày quốc tế thì:***

A. Tăng thêm 1 ngày lịch

B. Lùi lại 1 ngày lịch

C. Không cần thay đổi ngày lịch

D. Tăng thêm hay lùi lại 1 ngày lịch là tuỳ qui định của mỗi quốc gia

Đáp án B

Câu 105. ***Trong các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục, có ý nghĩa nhất đối với sự sống là hệ quả:***

A. Sự luân phiên ngày đêm

B. Giờ trên Trái Đất và đường chuyển ngày quốc tế

C. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể

D. Cả A và B đúng

Đáp án: A

Chủ đề 4. CẤU TẠO BÊN TRONG CỦA TRÁI ĐẤT. THẠCH QUYỂN

I. Câu hỏi tự luận

Câu 106. ***Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp? Là những lớp nào?***

Đáp án

Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm 3 lớp: lớp ngoài cùng là vỏ Trái Đất, lớp ở giữa là lớp trung gian và trong cùng là lõi.

Câu 107. ***Lớp trung gian của Trái Đất có cấu tạo như thế nào?***

Đáp án

Lớp trung gian có độ dày gần 3000km, vật chất ở trạng thái từ quánh dẻo đến lỏng, nhiệt độ trong lớp này dao động khoảng 1500^0C đến 4700^0C.

Câu 108. ***Lớp lõi Trái Đất có cấu tạo như thế nào?***

Đáp án

Lõi Trái Đất có độ dày trên 3000km, vật chất ở trạng thái lỏng ở ngoài và rắn ở trong, nhiệt độ cao nhất khoảng 5000^0C.

Câu 109. ***Trình bày cấu tạo của lớp vỏ Trái Đất. Nêu vai trò của nó đối với đời sống và hoạt động của con người.***

Đáp án

- Cấu tạo của lớp vỏ Trái Đất :

+ Là lớp đá rắn chắc ở ngoài cùng Trái Đất, mỏng (độ dày dao động từ 5km ở đại dương đến 70km ở lục địa) chiếm 1% thể tích và 0,5% khối lượng của Trái Đất.

+ Vỏ Trái Đất được cấu tạo do một số địa mảng nằm kề nhau; các địa mảng này có bộ phận nổi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo, còn bộ phận trũng, thấp bị nước bao phủ là đại dương.

- Vai trò đối với đời sống và hoạt động của con người : là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên khác (không khí, nước, sinh vật,...) và là nơi sinh sống, hoạt động của xã hội loài người.

Câu 110. ***Căn cứ vào hình dưới đây, hãy kể tên 7 địa mảng chính của lớp vỏ Trái Đất. Các địa mảng có mấy cách di chuyển? các cách di chuyển đó gây ra những hiện tượng gì?***

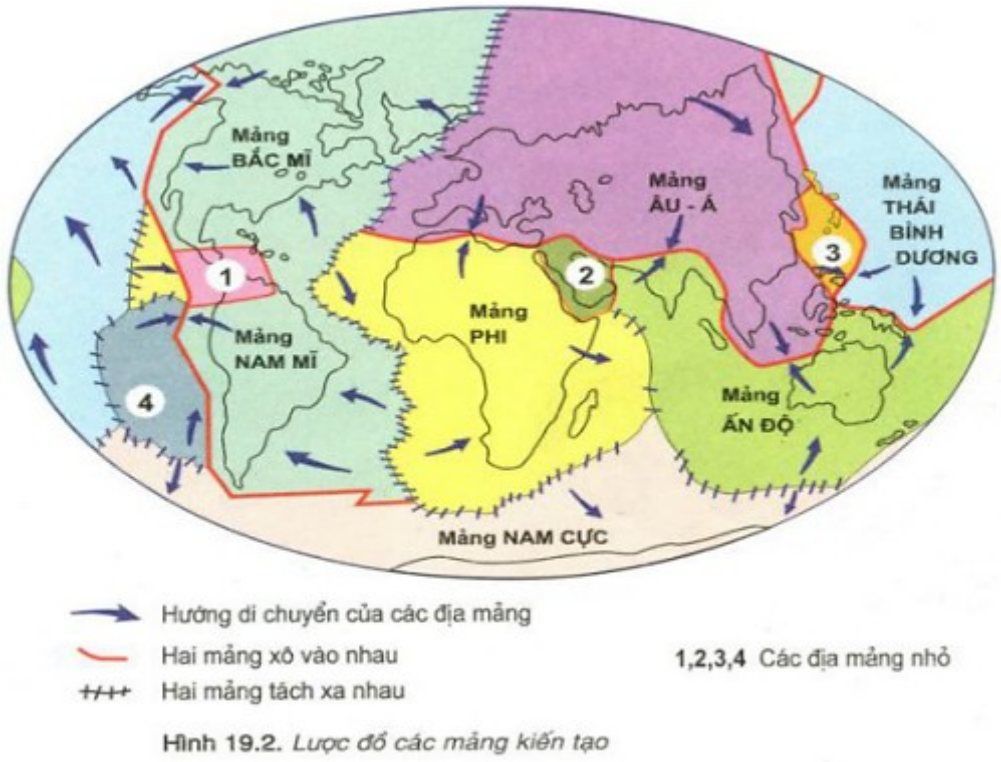

Hình 19.2. *Lược đồ các mảng kiến tạo*

Đáp án

- 7 địa mảng chính: Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Phi, Âu-Á, Ấn Độ, Nam Cực, Thái Bình Dương.

- Các địa mảng di chuyển rất chậm bằng 2 cách:

+ Hai mảng tách xa nhau, ở chổ tiếp xúc của chúng, vật chất dưới sâu sẽ trào lên hình thành dãy núi ngầm dưới đại dương.

+ Hai mảng xô vào nhau thì ở chổ tiếp xúc của chúng, đá sẽ bị nén ép, sẽ nhô lên thành núi, đồng thời cũng sinh ra động đất, núi lửa.

Câu 111. ***Căn cứ vào hình dưới đây, hãy cho biết tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương trên Trái Đất.***

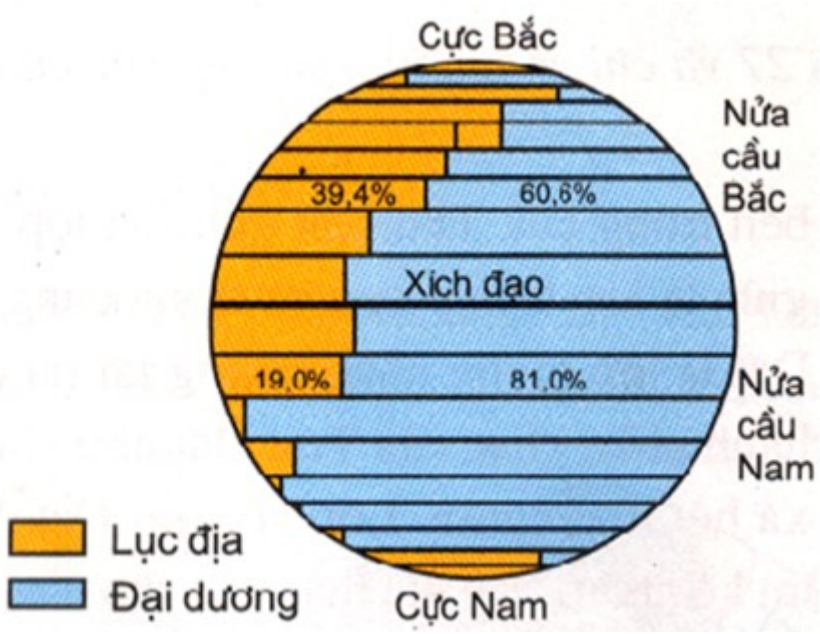

Đáp án

- Nửa cầu Bắc:

+ Diện tích lục địa: 39,4%

+ Diện tích đại dương: 60,6%

- Nửa cầu Nam:

+ Diện tích lục địa: 19,0%

+ Diện tích đại dương: 81,0%

Câu 112. ***Căn cứ vào bảng dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi sau:***

Đất nổi trên Trái Đất	**Diện tích** *(triệu km²)*
– Lục địa Á – Âu	50,7
– Lục địa Phi	29,2
– Lục địa Bắc Mĩ	20,3
– Lục địa Nam Mĩ	18,1
– Lục địa Nam cực	13,9
– Lục địa Ô-xtrây-li-a	7,6
– Các đảo ven lục địa	9,2

- Lục địa nào có diện tích lớn nhất? Lục địa đó nằm ở nửa cầu nào?

- Lục địa nào có diện tích nhỏ nhất? Lục địa đó nằm ở nửa cầu nào?

- Các lục địa nào nằm hoàn toàn ở nửa cầu Nam? Các lục địa nào nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc?

- Các lục địa nào nằm ở cả hai nửa cầu Bắc và Nam?

Đáp án

- Lục địa Á-Âu có diện tích lớn nhất, nằm ở nửa cầu Bắc.

- Lục địa Ô-xtrây-li-a có diện tích nhỏ nhất, nằm ở nửa cầu Nam.

- Lục địa Ô-xtrây-li-a và Nam Cực nằm hoàn toàn ở nửa cầu Nam.

- Lục địa Á-Âu và Bắc Mĩ nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.

- Lục địa Phi và Nam Mỹ nằm ở cả 2 nửa cầu Bắc và Nam.

Câu 113. ***Căn cứ vào bảng dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi sau:***

Các đại dương trên Trái Đất	Diện tích (triệu km^2)
Thái Bình Dương	179,6
Đại Tây Dương	93,4
Ấn Độ Dương	74,9
Bắc Băng Dương	13,1

- Nếu diện tích bề mặt Trái Đất là 510 triệu km^2, thì diện tích của bề mặt các đại dương chiếm bao nhiêu %?

- Kể tên các đại dương trên thế giới.

- Đại dương nào nào có diện tích nhỏ nhất? Đại dương nào có diện tích lớn nhất?

Đáp án

- Tỉ lệ diện tích các đại dương = 361 x 100 : 510 = 70,8%.

- Thế giới có 4 đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương và Bắc Băng Dương.

- Bắc Băng Dương có diện tích nhỏ nhất. Thái Bình Dương có diện tích lớn nhất.

Câu 114. ***Thế nào là quá trình nội lực? Nêu những tác động của nội lực đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.***

Đáp án

- Nội lực là những lực sinh ra ở bên trong Trái Đất, có tác động nén ép vào các lớp đá, làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hay đẩy các vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất thành hiện tượng núi lửa hoặc động đất.

- Tác động tới địa hình: có nơi được nâng cao hình thành các dãy núi, có nơi bị hạ thấp... làm cho địa hình gồ ghề.

Câu 115. ***Thế nào là quá trình ngoại lực? Nêu những tác động của ngoại lực đến địa hình trên bề mặt Trái Đất.***

Đáp án

- Ngoại lực là những lực sinh ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu gồm có hai quá trình: quá trình phong hoá các loại đá và quá trình xâm thực (do gió, nước chảy...).

- Do tác động của nhiệt độ, gió, mưa, nước chảy,... nên bề mặt địa hình bị bào mòn, hạ thấp hoặc lấp trũng... làm cho địa hình bằng phẳng hơn.

Câu 116. ***Thế nào là hiện tượng động đất? Nêu tác hại của động đất.***

- Động đất là hiện tượng các lớp đất đá gần mặt đất bị rung chuyển do những chuyển động trong lòng Trái Đất.

- Những trận động đất lớn làm cho nhà cửa, đường sá, cầu cống... bị phá hủy và làm nhiều người chết.

Câu 117. ***Mác ma là gì? Thế nào là hiện tượng núi lửa? Nêu tác hại của núi lửa.***

Đáp án

- Những vật chất nóng chảy ở dưới sâu trong lòng Trái Đất được gọi là mác ma.

- Núi lửa là hình thức phun trào mácma ở dưới sâu lên mặt đất. Trên thế giới có rất nhiều núi lửa, có những núi lửa tắt hoặc đang hoạt động.

- Tác hại của núi lửa: Núi lửa phun thường gây tác hại cho vùng lận cận. Tro bụi và dung nham của núi lửa có thể vùi lấp các thành thị, làng mạc, ruộng nương...

Câu 118. ***Nêu các biện pháp phòng tránh núi lửa và động đất.***

Đáp án

- Giữ đồ vật trong nhà tránh xa nơi nguy hiểm, giữ an toàn cho bản thân và cho gia đình.

- Xây dựng nhà kiên cố, lập trạm dự báo trước khi có động đất để kịp thời sơ tán người dân ra khỏi vùng nguy hiểm.

- Tránh xa những nơi có núi lửa sắp hoặc đang hoạt động.

- Tập luyện kĩ năng ứng phó với động đất , thiên tai.

- Dự trữ nước, thực phẩm.

Câu 119. ***Tại sao ở vùng gần núi lửa hoạt động rất nguy hiểm nhưng dân cư lại tập trung đông đúc?***

Đáp án

Vì quanh các núi lửa, dung nham núi lửa phân huỷ, tạo thành đất đỏ phì phiêu, có sức hấp dẫn rất lớn về nông nghiệp đối với dân cư.

Câu 120. ***Núi là gì? Nêu các đặc điểm của núi.***

Đáp án

Núi là một dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên bề mặt đất. Núi thường có độ cao trên 500m so với mực nước biển (độ cao tuyệt đối), có đỉnh nhọn, sườn dốc. Nơi tiếp giáp giữa núi và mặt đất bằng phẳng ở xung quanh là chân núi.

Câu 121. ***Hãy phân biệt độ cao tương đối và độ cao tuyệt đối của núi.***

Đáp án

- Độ cao tương đối là độ cao (theo chiều thẳng đứng) tính từ chỗ thấp nhất của chân núi đến đỉnh núi.

- Độ cao tuyệt đối là độ cao (theo chiều thẳng đứng) tính từ mực trung bình của nước biển đến đỉnh núi.

Câu 122. ***Quan sát hình vẽ dưới đây hãy phân biệt sự khác nhau giữa địa hình núi trẻ và núi già.***

Đáp án

Núi trẻ	**Núi già**
- Hình thành cách đây khoảng vài chục triệu năm. - Đỉnh nhọn, cao - Sườn dốc - Thung lũng hẹp, sâu	- Hình thành từ rất lâu, cách đây hàng trăm triệu năm. - Đỉnh tròn, thấp - Sườn thoải - Thung lũng rộng.

Câu 123. ***Bình nguyên là gì? Nêu các đặc điểm của bình nguyên.***

Đáp án

- Bình nguyên (đồng bằng) là dạng địa hình thấp, có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng.

- Bình nguyên thường có độ cao tuyệt đối dưới 200 m, nhưng cũng có những bình nguyên cao gần 500 m.

Câu 124. ***Hãy nêu ý nghĩa của bình nguyên đối với sản xuất nông nghiệp. Cho ví dụ.***

Đáp án

- Bình nguyên có địa hình bằng phẳng nên thường thuận lợi cho con người sinh sống và sản xuất nông nghiệp.

- Những bình nguyên (đồng bằng) do phù sa bồi tụ thuận lợi cho tưới tiêu, gieo trồng các loại cây lương thực, thực phẩm, dân cư đông đúc.

- Đây là vùng kinh tế phát triển, nhất là nông nghiệp. Ví dụ: vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng.

Câu 125. ***Cao nguyên là gì? Nêu các đặc điểm của cao nguyên.***

Đáp án

- Cao nguyên là dạng địa hình thường có độ cao tuyệt đối trên 500 m.

- Cao nguyên cũng có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, nhưng có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh.

Câu 126. ***Hãy nêu ý nghĩa của cao nguyên đối với sản xuất nông nghiệp. Cho ví dụ.***

Đáp án

- Cao nguyên có địa hình tương đối bằng phẳng nên thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.

- Nhiều cao nguyên được hình thành từ dung nham núi lửa, có đất ba dan tốt, rất thích hợp với trồng cây công nghiệp và có nhiều đồng cỏ lớn thuận lợi cho chăn nuôi gia súc lớn. Điển hình ở Việt Nam là vùng Tây Nguyên.

Câu 127. ***Đồi là gì? độ cao tương đối là bao nhiêu? Vùng đồi có thuận lợi gì cho việc phát triển nông nghiệp.***

Đáp án

- Đồi là dạng địa hình nhô cao, có đỉnh tròn, sườn thoải.

- Độ cao tương đối không quá 200m.

- Thuận lợi: trồng cây công nghiệp và cây màu lương thực.

Câu 128. ***Phân tích những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồi núi đến phát triển kinh tế xã hội nước ta.***

Đáp án

- Thuận lợi:

+ Khoáng sản: đồng, chì, thiếc, sắt, apatit, than đá, …Thuận lợi cho nhiều ngành công nghiệp phát triển.

+ Thuỷ năng: sông dốc, nhiều nước, nhiều hồ chứa…Có tiềm năng thuỷ điện lớn.

+ Rừng: chiếm phần lớn diện tích, trong rừng có nhiều gỗ quý nên thuận lợi cho bảo tồn hệ sinh thái, bảo vệ đất, khai thác gỗ…

+ Đất trồng và đồng cỏ: Thuận lợi cho trồng cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè… đồng cỏ thuận lợi cho chăn nuôi đại gia súc.

+ Du lịch: với nhiều cảnh đẹp Sa Pa, Đà Lạt, Tam Đảo, vịnh Hạ Long…

- Khó khăn: xói mòn đất, địa hình hiểm trở đi lại khó khăn, nhiều thiên tai: lũ quét, mưa đá, sương muối…

Câu 129. ***Phân tích những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồng bằng đến phát triển kinh tế xã hội nước ta.***

Đáp án

- Thuận lợi:

+ Đất phù sa màu mỡ, sông ngòi dày đặc thuận lợi cho trồng lúa, cây ăn quả, thực phẩm, phát triển thủy sản.

+ Thuận lợi cho việc định cư, phát triển các thành phố, khu công nghiệp, giao thông vận tải…

- Hạn chế: bão, lũ lụt, hạn hán …thường xảy ra.

Câu 130. ***Cho biết Địa hình đồi núi có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu nước ta?***

Đáp án

Địa hình đồi núi đã góp phần tạo nên sự phân hoá khí hậu làm cho khí hậu nước ta đa dạng hơn:

- Các dãy núi cao chính là ranh giới khí hậu giữa các vùng miền, tạo nên các tiểu vùng khí hậu khác nhau. Ví dụ, dãy Bạch Mã chính là ranh giới khí hậu giữa miền Bắc (từ Huế trở ra) và miền Nam (từ Đà Nẵng trở vào), dãy Bạch Mã đã ngăn gió mùa Đông Bắc nên từ Đà Nẵng trở vào rất ít khi chịu sự tác động của loại gió này; dãy Hoàng Liên Sơn là ranh giới khí hậu giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc ; dãy Trường Sơn đã tạo nên gió phơn khô nóng cho một số tỉnh Bắc Trung Bộ vào đầu mùa hạ…

- Độ cao của địa hình đã tạo nên sự phân hoá khí hậu theo đai cao, tại các khối núi cao xuất hiện các vành đai khí hậu á nhiệt đới và vành đai khí hậu ôn đới. Một số vùng lãnh thổ có địa hình cao ở nước ta có khí hậu quanh năm mát mẻ như Sa Pa, Đà Lạt,…

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 131. ***Đặc điểm hình thái của núi trẻ là*:**

A. đỉnh nhọn, sườn dốc. C. đỉnh nhọn, sườn thoải.

B. đỉnh tròn, sườn ít thoải. D. đỉnh tròn, sườn dốc.

Đáp án: A

Câu 132. ***Đặc điểm hình thái của núi già là:***

A. đỉnh nhọn, sườn thoải. C. đỉnh tròn, sườn dốc.

B. đỉnh nhọn, sườn dốc. D. đỉnh tròn, sườn thoải.

Đáp án: D

Câu **133.** ***Ở các dãy núi cao, mưa nhiều về phía:***

A. Sườn núi đón gió B. Sườn núi khuất gió

C. Đỉnh núi D. Chân núi

Đáp án: A

Câu 134. ***Ngọn núi có độ cao tương đối là 1.000m, người ta đo chỗ thấp nhất của chân núi đến mực nước biển trung bình là 150m. Vậy độ cao tuyệt đối của ngọn núi này là:***

A. 1.100m B. 1.150m C. 950m D. 1.200m

Đáp án: B

Câu 135. ***Trên Trái Đất, lục đại nào nằm hoàn toàn ở nửa cầu Nam?***

A. Lục địa Nam Mỹ B. Lục địa Phi

C. Lục địa Á – Âu D. Lục địa Ô-xtrây-li-a

Đáp án: D

Câu 136: ***Cho biết trạng thái lớp vỏ Trái Đất:***

A. Lỏng B. Từ lỏng tới quánh dẻo

C. Rắn chắc D. Lỏng ngoài, rắn trong

Đáp án: C

Câu 137. ***Trên thế giới châu lục có diện tích lớn nhất là:***

A. Châu Phi B. Châu Á C. Châu Âu D. Châu Mĩ

Đáp án: B

Câu 138. ***Vùng đồi tập trung lớn gọi là đồi bát úp của nước ta thuộc:***

A. Trung du Bắc Bộ B. Cao nguyên nam Trung Bộ

C. Thượng du Bắc Trung Bộ D. Đông Nam Bộ

Đáp án: A

Câu 139. ***Động Phong Nha là hang động đá vôi nổi tiếng ở tỉnh:***

A. Thanh Hóa B. Nghệ An C. Quảng Nam D. Quảng Bình

Đáp án: D

Câu 140. ***Thềm lục địa có độ sâu:***

A. 300 m B. 150 m C. 200 m D. 250 m

Đáp án: C

Câu 141. ***Lục địa nào có diện tích nhỏ nhất trong các lục địa:***

A. Lục địa Phi B. Lục địa Nam Cực

C. Lục địa Ô-xtrây-li-a D. Lục địa Bắc Mỹ

Đáp án: C

Câu 142. ***Hãy cho biết vành đai lửa Thái Bình Dương có khoảng bao nhiêu ngọn núi lửa đang hoạt động?***

A. 300 B. 100 C. 400 D. 200

Đáp án: A

Câu 143. ***Núi già thường có đỉnh:***

A. Bằng phẳng B. Nhọn C. Cao D. Tròn

Đáp án: D

Câu 144. ***Độ cao tương đối của đồi:***

A. Từ 200 -300m B. Từ 400- 500m C. Từ 300 – 400m D. Dưới 200 m

Đáp án: D

Câu 145. ***Các thung lũng và các đồng bằng châu thổ được hình thành do tác động của yếu tố tự nhiên nào?***

A. Nhiệt độ B. Dòng nước C. Gió D. Nước ngầm

Đáp án: B

Câu 146. ***Lõi Trái Đất có độ dày:***

A. Trên 3000km B. 1000 km C. 1500 km D. 2000 km

Đáp án: A

Câu 147. ***Dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết đồng bằng nào dưới đây được gọi là đồng bằng bào mòn?***

A. Đồng bằng A-ma-dôn B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Đồng bằng châu Âu D. Đồng bằng Hoàng Hà

Đáp án: C

Câu 148. ***Cao nguyên là dạng địa hình có độ cao tuyệt đối là:***

A. Từ 300 – 400m B. Từ 400- 500m C. Từ 200 – 300m D. Trên 500m

Đáp án: D

Câu 149. ***Cho biết vành đai lửa lớn nhất trên Trái Đất hiện nay:***

A. Vành đai Địa Trung Hải B. Vành đai Thái Bình Dương

C. Vành đai Ấn Độ Dương D. Vành đai Đại Tây Dương

Đáp án: B

Câu 150. ***Trên Trái Đất có 4 đại dương, cho biết đại dương nào lớn thứ 2?***

A. Bắc Băng Dương B. Thái Bình Dương

C. Ấn Độ Dương D. Đại Tây Dương

Đáp án: D

Câu 151. ***Trên Trái Đất có sáu lục địa, lục địa lớn nhất là:***

A. Lục địa Nam Mĩ B. Lục địa Phi

C. Lục địa Bắc Mĩ D. Lục địa Á – Âu

Đáp án: D

Câu 152. ***Trong các đại dương trên thế giới, đại dương có diện tích nhỏ nhất là:***

A. Đại Tây Dương B. Bắc Băng Dương

C. Thái Bình Dương D. Ấn Độ Dương

Đáp án: B

Câu 153. ***Hai châu thổ lớn nhất, nhì nước ta là các đồng bằng:***

A. Sông Thái Bình, sông Đà B. Sông Cả, sông Đà Nẵng

C. Sông Cửu Long, sông Hồng D. Sông Mã, sông Đồng Nai

Đáp án: C

Câu 154. ***Vỏ Trái Đất chiếm khoảng 1% về thể tích và khoảng 0,5% khối lượng Trái Đất, điều đó cho thấy:***

A. Vỏ Trái Đất có vai trò rất quan trong đối với thiên nhiên và đời sống con người

B. Vật liệu cấu tạo nên vỏ Trái Đất nhẹ hơn so với các lới bên dưới

C. Vỏ Trái Đất cấu tạo chủ yếu bằng những vật chất cứng rắn

D. Tất cả các ý trên

Đáp án: B

Câu 155. ***Theo thuyết kiến tạo mảng, dãy Himalaya được hình thành do:***

A. Mảng Ấn Độ – Ôxtrâylia xô vào mảng Thái Bình Dương

B. Mảng Thái Bình Dương xô vào mảng Âu – Á

C. Mảng Ấn Độ – Ôxtrâylia xô vào mảng Âu – Á

D. Mảng Phi xô vào mảng Âu – Á

Đáp án: C

Chủ đề 5. KHOÁNG SẢN

I. Câu hỏi tự luận

Câu 156. ***Khoáng sản là gì? Mỏ khoáng sản là gì?***

Đáp án

- Những khoáng vật và đá có ích, được con người khai thác, sử dụng gọi là khoáng sản.

- Những nơi tập trung khoáng sản thì gọi là mỏ khoáng sản.

Câu 157. ***Thế nào là mỏ nội sinh? Ngoại sinh?***

Đáp án

- Những khoáng sản được hình thành do mác ma rồi được đưa lên gần mặt đất thành mỏ thì gọi là các mỏ khoáng sản nội sinh, như các mỏ: đồng, chì, kẽm, thiếc, vàng, bạc...

- Những khoáng sản được hình thành trong quá trình tích tụ vật chất, thường ở những chỗ trũng cùng với các loại đá trầm tích thì gọi là các mỏ khoáng sản ngoại sinh, như các mỏ: than, đá vôi, cao lanh...

Câu 158. ***Hãy nêu công dụng một số loại khoáng sản phổ biến.***

Đáp án

Một số loại khoáng sản chủ yếu:

- Sắt: là khoáng sản kim loại phổ biến nhất, được khai thác và đưa vào sử dụng từ lâu đời. Sắt được sử dụng làm công cụ sản xuất, các máy móc, thiết bị…

- Than: là khoáng sản năng lượng được sử dụng phổ biến trong sản xuất (nhà máy nhiệt điện) và sinh hoạt.

- Dầu mỏ: sử dụng phổ biến làm nhiên liệu cho các phương tiện giao thông, các nhà máy điện, nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất…

- Vàng: là kim loại quý sử dụng làm đồ trang sức và nguyên liệu trong công nghiệp…

Câu 159. ***Than đá được hình thành như thế nào? Ở nước ta, than đá được khai thác chủ yếu ở đâu?***

Đáp án

- Than đá được hình thành do các vết tích bị nén chặt của thực vật sống trong đầm lầy từ hàng trăm triệu năm trước.

- Ở nước ta, than đá được khai thác chủ yếu ở Quảng Ninh.

Câu 160. ***Nêu nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản và biện pháp bảo vệ.***

Đáp án

- Nguyên nhân làm cạn kiệt tài nguyên khoáng sản: Quản lí lỏng lẻo, tự do khai thác bừa bãi (than, vàng, sắt, thiếc, đá quý...), kĩ thuật khai thác lạc hậu, hàm lượng quặng còn nhiều trong chất thải, thăm dò đánh giá không chính xác về trữ lượng, phân bố làm cho khai thác gặp khó khăn và đầu tư lãng phí.

- Biện pháp bảo vệ: Cần sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản. Thực hiện nghiêm luật khoáng sản.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 161. ***Các khoáng sản như dầu mỏ, khí đốt, than đá thuộc nhóm khoáng sản:***

A. Kim loại màu B. Kim loại đen C. Phi kim loại D. Năng lượng

Đáp án: D

Câu 162. ***Ở thềm lục địa biển Đông nước ta có mỏ dầu và khí đốt hiện đang khai thác, đó là vùng biển thuộc tỉnh:***

A. Bà Rịa – Vũng Tàu B. Khánh Hòa

C. Bình Thuận D. Quảng Ngãi

Đáp án: A

Câu 163. ***Mỏ nội sinh là mỏ được hình thành do nội lực, gồm có các mỏ:***

A. Đá vôi, hoa cương B. Apatit, dầu lửa

C. Đồng, chì , sắt D. Than đá, cao lanh

Đáp án: C

Câu 164. ***Loại khoáng sản nào là phi kim loại?***

A. Than đá, dầu mỏ B. Sắt, mangan

C. Đồng, chì D. Muối mỏ, apatit

Đáp án: D

Câu 165. ***Khoáng sản là:***

A. Những tích tụ tự nhiên của khoáng vật

B. Khoáng vật và các loại đá có ích

C. Các loại đá do nhiều loại khoáng vật khác nhau kết hợp lại

D. Các loại nham thạch ở trong lớp vỏ Trái Đất

Đáp án: B

Câu 166. ***Các khoáng sản như đồng, chì, kẽm thuộc nhóm khoáng sản:***

A. Kim loại màu B. Kim loại đen C. Phi kim loại D. Năng lượng

Đáp án: A

Câu 167. ***Địa phương nào sau đây ở nước ta có nghề làm muối nổi tiếng?***

A. Vũng Tàu B. Nha Trang

C. Sa huỳnh D. Phan Thiết

Đáp án: C

Câu 168. ***Mỏ ngoại sinh là mỏ được hình thành do ngoại lực, gồm có các mỏ:***

A. Thiếc, vàng, bạc B. Apatit, chì, kẽm

C. Đồng, chì, sắt D. Than đá, cao lanh

Đáp án: D

Câu 169. ***Loại khoáng sản nào là kim loại đen:***

A. Than đá, dầu mỏ B. Sắt, mangan, Crôm

C. Đồng, chì, sắt D. Muối mỏ, apatit, mangan

Đáp án: B

Câu 170. ***Khoáng sản Apapit được phân bố nhiều ở tỉnh nào của nước ta?***

A. Lào Cai B. Quảng Ninh

C. Yên Bái D. Hà Giang

Đáp án: A

Chủ đề 6. KHÍ QUYỂN

I. Câu hỏi tự luận

Câu 171. ***Hãy nêu các thành phần của không khí và vai trò của hơi nước trong không khí.***

Đáp án

- Trong không khí có các thành phần chủ yếu sau: khí Nitơ (chiếm 78%), khí Ôxi (chiếm 21%), còn lại là hơi nước và các khí khác (chiếm 1%).

- Lượng hơi nước tuy chiếm tỉ lện rất nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa…

Câu 172. ***Lớp vỏ khí (khí quyển) gồm mấy tầng? đó là những tầng nào? Nêu các hiện tượng thời tiết xảy ra ở tầng đối lưu.***

Đáp án

- Lớp vỏ khí (khí quyển) gồm 3 tầng là: tầng đối lưu, tầng bình lưu và các tầng cao của khí quyển.

- Các hiện tượng thời tiết xảy ra ở tầng đối lưu: mây, mưa, sấm, chớp, cầu vồng, bão cát, bão nhiệt đới, vòi rồng và ti sét…

Câu 173. ***Hãy trình bày vị trí và đặc điểm của tầng đối lưu.***

Đáp án

- Tầng đối lưu là tầng nằm gần mặt đất, có độ cao từ 0 - 16 km, chiếm khoảng 90% lượng không khí.

- Trong tầng đối lưu luôn luôn có sự chuyển động của không khí theo chiều thẳng đứng và là nơi sinh ra các hiện tượng: mây, mưa, sấm, chớp… có ảnh hưởng lớn tới đời sống của các sinh vật sống trên Trái Đất.

- Nhiệt độ trong tầng đối lưu giảm dần khi lên cao. Trung bình, cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ lại giảm đi $0,6^0$C.

Câu 174. ***Hãy trình bày vị trí và đặc điểm của tầng bình lưu và các tầng cao của khí quyển.***

Đáp án

- Tầng bình lưu: nằm trên tầng đối lưu có độ cao từ 16 - 80km. Lớp ô dôn trong tầng này có tác dụng ngăn cản những tia bức xạ có hại cho sinh vật và con người.

- Các tầng cao của khí quyển: Các tầng cao nằm trên tầng bình lưu, không khí của tầng này cực loãng.

Câu 175. ***Nêu vai trò của khí quyển đối với đời sống trên Trái Đất.***

Đáp án

Khí quyển rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật, con người trên Trái Đất, là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất.

- Tầng đối lưu:

+ Chiếm khoảng 90% lượng không khí, cung cấp oxi duy trì sự sống của con người và sinh vật.

+ Có vai trò hấp thụ một phần bức xạ mặt trời, nhờ đó mà ban ngày mặt đất đỡ nóng, ban đêm đỡ lạnh, là hạt nhân ngưng tụ tạo thành mây, mưa…

- Tầng bình lưu có lớp ô dôn với tác dụng hấp thụ các tia bức xạ có hại cho sức khỏe, sự sống con người và sinh vật.

- Tầng ion (trong các tầng cao của khí quyển): chứa nhiều ion mang điện tích có tác dụng phản hồi những sóng vô tuyến từ mặt đất truyền lên, được ứng dụng để phát triển mạnh công nghệ vũ trụ, viễn thông...

Câu 176. ***Khối khí nóng và lạnh hình thành ở đâu? Nêu tính chất của mỗi loại. Khối khí đại dương và lục địa hình thành ở đâu? Nêu tính chất của mỗi loại.***

Đáp án

- Khối khí nóng hình thành trên các vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao. Khối khí lạnh hình thành trên các vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp.

- Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn. Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô.

Câu 177. ***Thế nào là nhiệt độ không khí? Tại sao khi đo nhiệt độ không khí người ta phải để nhiệt kế trong bóng râm và cách mặt đất 2m?***

Đáp án

- Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống Trái Đất, mặt đất hấp thụ rồi bức xạ vào không khí làm cho không khí nóng lên. Độ nóng lạnh đó gọi là nhiệt độ của không khí.

- Nếu để nhiệt kế dưới ánh nắng Mặt Trời thì nhiệt độ đo được không phải là nhiệt độ không khí, đó là nhiệt độ của tia bức xạ mặt trời. Nếu để sát mặt đất đo, thì nhiệt độ đo được là nhiệt độ của bề mặt đất. Do đó khi đo nhiệt độ không khí người ta phải để nhiệt kế trong bóng râm và cách mặt đất 2m.

Câu 178. ***Giả sử có một ngày ở Hà Nội, người ta đo nhiệt độ lúc 5 giờ được 20°C, lúc 13 giờ được 24°C và lúc 21 giờ được 22°C. Hỏi nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu? Em hãy nêu cách tính.***

Đáp án

- Nhiệt độ trung bình = $(20^0C + 24^0C + 22^0C) : 3 = 22^0C$

- Cách tính: Nhiệt độ trung bình = Tổng nhiệt độ các lần đo chia cho số lần đo.

Câu 179. Cho bảng số liệu

Nhiệt độ của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội ***(Đơn vị: ^oC)***

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
TPHCM	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2

a. Vẽ biểu đồ 2 đường biểu diễn thể hiện nhiệt độ của TPHCM và Hà Nội.

b. Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm của TPHCM và Hà Nội.

c. So sánh nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm của TPHCM và Hà Nội.

Đáp án

a. Vẽ biểu đồ

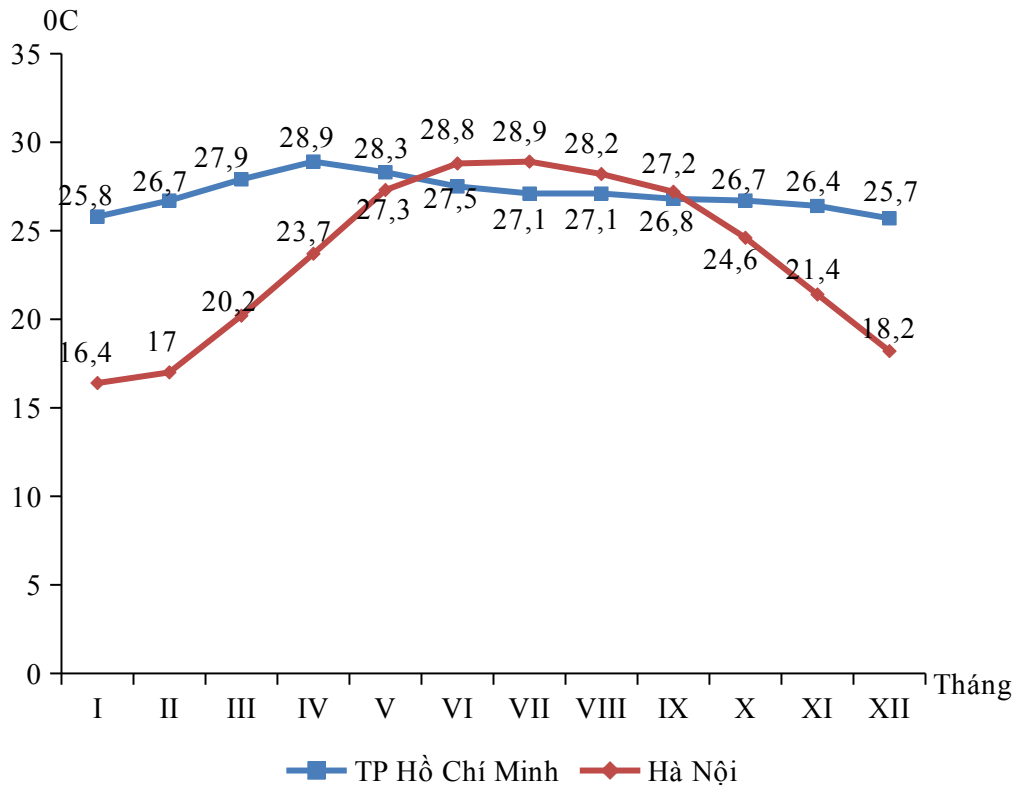

Biểu đồ thể hiện nhiệt độ của TPHCM và Hà Nội

b.

- TPHCM:

+ Nhiệt độ trung bình năm = (25,8 + 26,7 + 27,9 + 28,9 + 28,3 + 27,5 + 27,1 + 27,1 + 26,8 + 26,7 + 26,4 + 25,7) : 12 = 27,1^{0}C (lấy tổng nhiệt độ 12 tháng chia 12)

+ Biên độ nhiệt năm = 28,9 – 25,7 = 3,2^{0}C (lấy nhiệt độ tháng cao nhất – nhiệt độ tháng thấp nhất)

- Hà Nội:

+ Nhiệt độ trung bình năm = (16,4 + 17,0 + 20,2 + 23,7 + 27,3 + 28,8 + 28,9 + 28,2+ 27,2+ 24,6 + 21,4 + 18,2) : 12 = 23,5^{0}C

+ Biên độ nhiệt năm = 28,9 – 16,4 = 12,5^{0}C

c.

- TPHCM có nhiệt độ trung bình năm cao hơn Hà Nội, chênh lệch 27,1 – 23,5 = 3,6^{0}C.

- TPHCM có biên độ nhiệt năm nhỏ hơn Hà Nội, chênh lệch 12,5 – 3,2 = 9,3^{0}C.

Câu 180. ***Quan sát sơ đồ dưới đây, hãy:***

a. Sơ đồ thể hiện quá trình hình thành của loại gió gì? Giải thích nguyên nhân hình thành loại gió này.

b. Tính độ cao của đỉnh núi (C) và nhiệt độ dưới chân sườn khuất gió (B)?

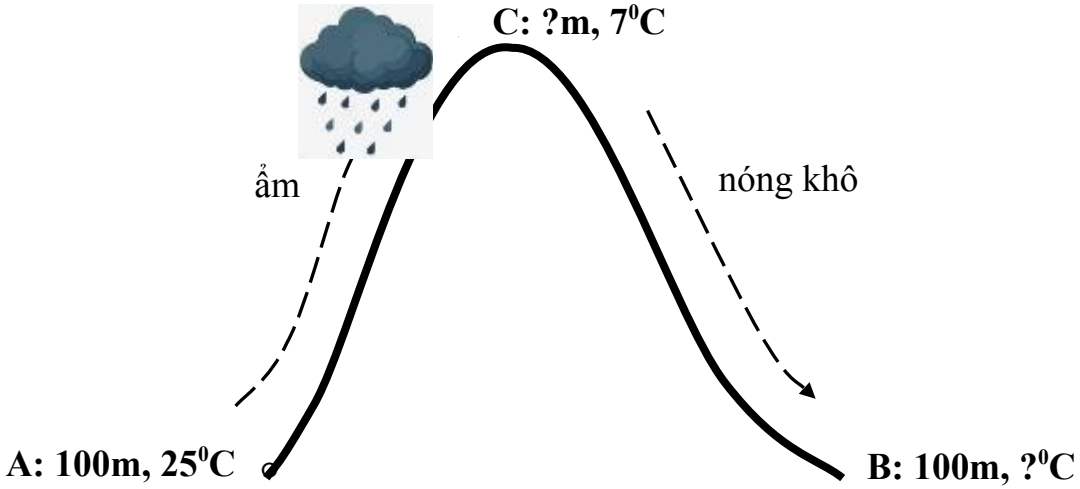

Đáp án

a. - Sơ đồ thể hiện quá trình hình thành gió fơn.

- Giải thích : Cứ lên cao 100 mét : nhiệt độ (t^0) sẽ giảm 0,6°C. Đến độ cao nào đó, gió ẩm sẽ gây mưa ở phía sườn đón gió. Khi gió vượt qua sườn núi bên kia và đi xuống bên phía sườn khuất gió sẽ trở nên khô nóng: cứ xuống 100 mét thì t° lại tăng 1°C.

- Từ A lên C nằm ở phía sườn đón gió nên độ cao của C = 100m + (25^{0}C – 5^{0}C) : 0,6^{0}C x 100m = 3100m.

- Từ C xuống B nằm ở phía sườn khuất gió nên nhiệt độ của B = 7^{0}C + [(3100m – 100m) : 100m] x 1^{0}C = 37^{0}C

Câu 181. ***Tại sao về mùa hạ ở gần biển mát hơn còn về mùa đông lại ấm hơn trong đất liền?***

Đáp án

- Về mùa hạ Mặt Trời chiếu sáng nhiều hơn, đất đá trên đất liền nhanh nóng hơn còn nước biển nóng chậm hơn vì thế nhiệt độ ở vùng gần biển mát hơn so với trong đất liền.

- Ngược lại, về mùa đông nước biển lạnh chậm hơn so với đất liền nên vùng ven biển ấm hơn so với trong đất liền.

Câu 182. ***Tại sao càng xa Xích đạo, nhiệt độ không khí càng giảm?***

Đáp án

- Do Trái Đất hình cầu nên góc chiếu của tia sáng mặt trời giảm dần từ Xích đạo về phía 2 cực.

- Ở Xích đạo, quanh năm nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn nên nhiệt độ không khí cao, càng xa Xích đạo, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn nên nhiệt độ không khí cũng giảm đi.

Câu 183. ***Khí áp là gì? Tại sao có khí áp? Nêu nguyên nhân làm thay đổi khí áp.***

Đáp án

- Khí áp là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.

- Không khí tuy nhẹ nhưng vẫn có trọng lượng, vì khí quyển rất dày nên trọng lượng của nó cũng tạo ra một sức ép lớn lên bề mặt Trái Đất.

- Nguyên nhân thay đổi khí áp

+ Khí áp thay đổi theo độ cao: Càng lên cao, khí áp càng giảm (không khí loãng).

+ Khí áp thay đổi theo nhiệt độ: Nhiệt độ càng tăng, khí áp càng giảm và ngược lại (t^0 tăng không khí nở ra làm giảm tỉ trọng).

+ Khí áp thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa nhiều hơi nước, khí áp giảm.

Dựa vào sơ đồ các đai khí áp và gió trên Trái Đất và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi từ 184 đến 187:

Câu 184. ***Các đai khí áp thấp và khí áp cao nằm ở những vĩ độ nào?***

Đáp án

- Khí áp được phân bố trên Trái Đất thành các đai khí áp thấp và khí áp cao từ xích đạo về cực.

+ Các đai khí áp thấp nằm ở khoảng vĩ độ 0^0 và 60^0 Bắc và Nam.

+ Các đai khí áp cao nằm ở khoảng vĩ độ 30^0 Bắc và Nam và 90^0 Bắc và Nam.

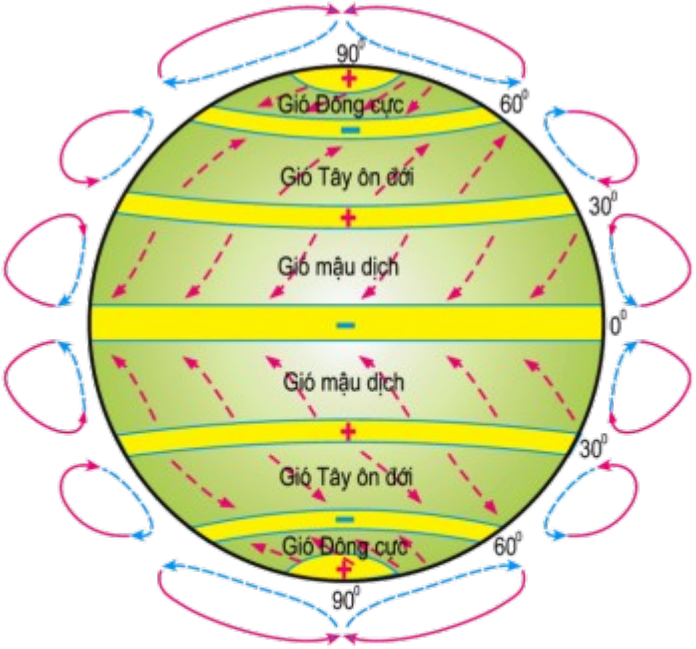

Các đai khí áp và gió trên Trái Đất

Câu 185. ***Gió là gì? Theo em, gió có những tác dụng và tác hại gì trong cuộc sống?***

Đáp án

- Gió là sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.

- Tác dụng của gió: tạo ra nguồn năng lượng gió, giúp tàu thuyền để di chuyển xuôi theo chiều gió.

- Tác hại: gió gây mưa to, sóng lớn, bão, lốc xoáy, cát bay, …

Câu 186. ***Nêu đặc điểm của gió Đông cực.***

Đáp án

- Phạm vi hoạt động: 60^0 B và N đến 90^0 B và N ở mỗi bán cầu (áp cao cực về hạ áp ôn đới).

- Thời gian: Gần như quanh năm.

- Hướng: đông bắc ở Bắc bán cầu, đông nam ở Nam bán cầu.

- Nguyên nhân: chênh lêch khí áp giữa áp cao cực và áp thấp ôn đới.

- Tính chất: lạnh, rất ít mưa.

Câu 187. ***So sánh đặc điểm của gió Mậu dịch (Tín phong) và Tây ôn đới***

Đáp án

- Giống nhau: là 2 loại gió hoạt động thường xuyên trên Trái Đất.

- Khác nhau:

Yếu tố	**Gió Tín phong**	**Gió Tây ôn đới**
Phạm vi	30^0 B và N về xích đạo.	30^0 B và N đến 60^0 B và N ở mỗi bán cầu (áp cao cận nhiệt về hạ áp ôn đới).
Hướng	đông bắc ở Bắc bán cầu, đông nam ở Nam bán cầu.	Tây nam ở Bắc bán cầu, Tây bắc ở Nam bán cầu.
Nguyên nhân	chênh lệch khí áp giữa áp cao chí tuyến và áp thấp xích đạo.	chênh lêch khí áp giữa áp cao chí tuyến và áp thấp ôn đới.
Tính chất	khô, ít mưa.	ẩm, mang nhiều mưa.

Câu 188. ***Một ngọn núi có độ cao (tương đối) là 1.500m, nhiệt độ ở vùng chân núi phía sườn đón gió là 20°C. Hãy tính nhiệt độ ở đỉnh núi.***

Đáp án

- Biết ngọn núi cao 1.500m, nhiệt độ ở chân núi là 20°C và cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6°C, nên tá có:

- Số nhiệt độ bị giảm đi khi đi từ chân núi đến đỉnh núi là: 1500 x 0,6 / 100 = 9°C.

- Nhiệt độ tại đỉnh núi là: 20 – 9 = 11°C.

Câu 189. ***Vì sao không khí có độ ẩm? Nhiệt độ không khí có ảnh hưởng như thế nào tới khả năng chứa hơi nước của không khí?***

Đáp án

- Không khí có độ ẩm vì: Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định, lượng hơi nước đó làm cho không khí có độ ẩm.

- Nhiệt độ có ảnh hưởng đến khả năng chứa hơi nước của không khí. Nhiệt độ không khí càng cao, lượng hơi nước chứa được càng nhiều.

Câu 190. ***Trong điều kiện nào, hơi nước trong không khí sẽ ngưng tụ?***

Đáp án

- Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định. Khi không khí đã chứa được lượng hơi nước tối đa thì gọi là không khí đã bão hoà hơi nước.

- Không khí đã bão hoà mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước hoặc bị lạnh đi do bốc lên cao, hay do tiếp xúc với một khối không khí lạnh thì hơi nước trong không khí sẽ ngưng tụ, tạo thành hạt nước.

Câu 191. ***Trình bày sự hình thành mây và mưa. Nêu cách tính lượng mưa tháng? Cách tính lượng mưa trong năm?***

Đáp án

- Không khí khi bốc lên cao, bị lạnh dần, không khí sẽ ngưng tụ thành các hạt nước nhỏ, tạo thành mây. Gặp điều kiện thuận lợi, hơi nước tiếp tục ngưng tụ, làm các hạt nước to dần, rồi rơi xuống đất thành mưa.

- Tính lượng mưa trong tháng: Cộng tất cả lượng mưa các ngày trong tháng.

- Tính lượng mưa trong năm: Cộng toàn bộ lượng mưa trong cả 12 tháng lại.

Câu 192. Dựa vào bảng số liệu sau:

Nhiệt độ và lượng mưa ở Huế

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8
Lượng mưa (mm)	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

a. Hãy tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm ở Huế.
b. Hãy tính tổng lượng mưa trong năm và tổng lượng mưa trong các tháng mùa mưa (tháng 9, 10, 11, 12) ở Huế.

Đáp án

- Nhiệt độ trung bình năm: $25,1^0C$

- Biên độ nhiệt năm: $9,7^0C$

- Tổng lượng mưa trong năm: 2867,7mm

- Tổng lượng mưa trong các tháng mùa mưa: 2147mm

Câu 193. ***Hãy trình bày những nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa.***

Đáp án

- Khí áp: Khu vực áp thấp thường mưa nhiều, khu vực áp cao ít mưa hoặc không mưa.

- Frông: Frông đi qua thường có mưa nhiều.

- Gió: Gió Tây ôn đới và gió mùa mưa nhiều, gió Mậu dịch ít mưa.

- Dòng biển: Dòng biển nóng đi qua thường mưa nhiều, dòng biển lạnh đi qua ít mưa.

- Địa hình: Sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít hoặc không mưa.

Câu 194. ***Trình bày sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất. Vì sao vùng xích đạo lại là nơi có lượng mưa nhiều nhất trên Trái Đất?***

Đáp án

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều theo vĩ độ: Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở hai vùng chí tuyến Bắc và Nam, mưa nhiều ở hai vùng ôn đới, mưa càng ít, khi càng về gần hai cực Bắc và Nam.

- Lượng mưa trên Trái Đất còn phân bố không đều do ảnh hưởng của đại dương: Mưa nhiều hay ít còn phụ thuộc vào vị trí gần hay xa đại dương và dòng biến nóng hay dòng biển lạnh chảy ven bờ.

- Vùng xích đạo là nơi có lượng mưa nhiều nhất do:

+ Khí áp thấp, nhiệt độ cao, nước bốc hơi mạnh.

+ Khu vực chủ yếu là đại dương và rừng xích đạo ẩm ướt chứa nhiều hơi ẩm.

Câu 195. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (^oC)	16,4	17	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4

a. Vẽ biểu đồ cột kết hợp đường thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội. Qua biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét.

b. Xác định nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất và biên độ nhiệt năm của Hà Nội.

c. Xác định lượng mưa trung bình năm, lượng mưa cao nhất, lượng mưa thấp nhất của Hà Nội.

Đáp án

a. Vẽ biểu đồ

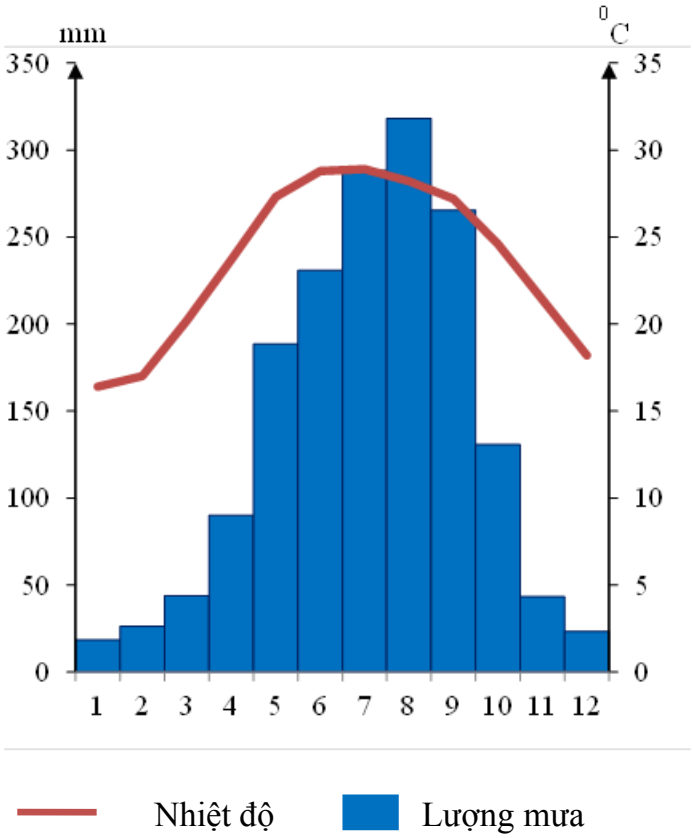

Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội

b. Nhiệt độ trung bình năm là 23,5^{0}C, nhiệt độ cao nhất là 28,9^{0}C (tháng 7), nhiệt độ thấp nhất là 16,4^{0}C (tháng 1), biên độ nhiệt năm là 12,5^{0}C.

c. Lượng mưa trung bình năm là 1676mm, lượng mưa cao nhất là 318mm (tháng 8), lượng mưa thấp nhất là 18,6mm (tháng 1).

Câu 196. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm (^{0}C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Lạng Sơn	21,2
Hà Nội	23,5
Huế	25,1
Đà Nẵng	25,7
Quy Nhơn	26,8
TPHCM	27,1

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm trên.

b.Qua biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét.

Đáp án

a. Vẽ biểu đồ

^{0}C

Địa điểm

Biểu đồ thể hiện nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm

b. Nhận xét

- Nhiệt độ trung bình năm của các địa điểm tăng dần từ Bắc vào Nam.

- Nhiệt độ cao nhất là TPHCM: 27,1^{0}C, thấp nhất là Lạng Sơn: 21,2^{0}C, chênh lệch 5,9^{0}C.

Dựa vào hình 58 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi từ 197 đến 200:

Câu 197. ***Phân biệt thời tiết và khí hậu. Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu, đó là những đới nào?***

Đáp án

- Thời tiết là sự biểu hiện các hiện tượng khí tượng ở một địa phương trong một thời gian ngắn nhất định.

- Khí hậu là sự lặp đi lặp lại của tình hình thời tiết ở một địa phương trong thời gian dài và trở thành quy luật.

- Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu: đới nóng (hay nhiệt đới), hai đới ôn hòa (hay ôn đới), hai đới lạnh (hay hàn đới)

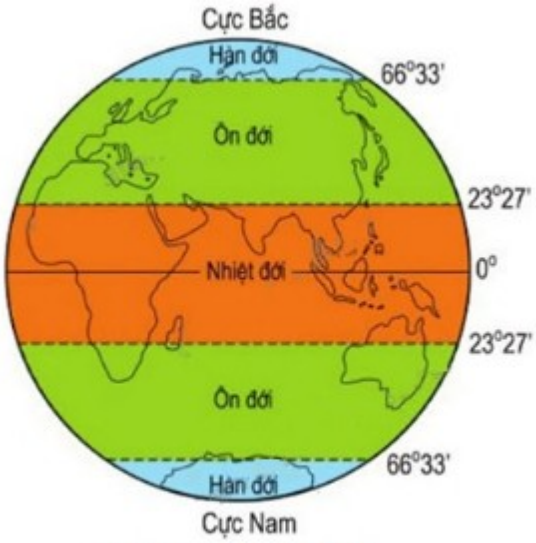

Hình 58. Các đới khí hậu

Câu 198. ***Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới nóng.***

Đáp án

- Giới hạn từ khoảng chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam ($23^0$27'B - $23^0$27'N).

- Đặc điểm khí hậu đới nóng:

+ Lượng nhiệt hấp thụ được tương đối nhiều nên nóng quanh năm.

+ Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là Tín phong.

+ Lượng mưa trung bình năm từ 1000 mm đến trên 2000 mm.

Câu 199. ***Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới ôn hòa.***

Đáp án

- Có 2 đới ôn hòa, khoảng từ chí tuyến Bắc ($23^0$27'B) đến vòng cực Bắc ($66^0$33'B) và từ chí tuyến Nam ($23^0$27'N) đến vòng cực Nam ($66^0$33'N).

- Đặc điểm khí hậu đới ôn hòa:

+ Lượng nhiệt nhận được trung bình, bốn mùa thể hiện rất rõ trong năm.

+ Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Tây ôn đới.

+ Lượng mưa trung bình năm từ 500 mm đến trên 1.000 mm.

Câu 200. ***Trình bày giới hạn và đặc điểm của đới lạnh.***

Đáp án

- Có 2 đới ôn lạnh, từ vòng cực Bắc ($66^0$33'B) đến cực Bắc và từ vòng cực Nam ($66^0$33'N) đến cực Nam.

- Đặc điểm khí hậu đới lạnh:

+ Lượng nhiệt nhận được rất thấp, lạnh giá quanh năm.

+ Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Đông cực.

+ Lượng mưa trung bình năm thường dưới 500 mm.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 201. ***Đới khí hậu quanh năm giá lạnh (hàn đới) có lượng mưa trung bình năm là:***

A. Dưới 500mm

B. Từ 1.000 đến 2.000 mm

C. Từ 500 đến 1.000 mm

D. Trên 2.000mm

Đáp án: A

Câu 202. ***Khả năng thu nhận hơi nước của không khí càng nhiều khi:***

A. Nhiệt độ không khí tăng B. Không khí bốc lên cao

C. Nhiệt độ không khí giảm D. Không khí hạ xuống thấp

Đáp án: A

Câu 203. ***Lượng hơi nước tối đa mà không khí chứa được khi có nhiệt độ 20^0C là:***

A. $20g/ cm^3$ B. $15g/ cm^3$ C. $30g/ cm^3$ D. $17g/ cm^3$

Đáp án: D

Câu 204. ***Trên Trái Đất gồm tất cả 7 đai khí áp cao và thấp, trong đó có:***

A. 4 đai áp cao và 3 đai áp thấp B. 2 đai áp cao và 5 đai áp thấp

C. 3 đai áp cao và 4 đai áp thấp D. 5 đai áp cao và 2 đai áp thấp

Đáp án: A

Câu 205. ***Ở vùng biển nước ta có loại gió biển và gió đất thổi ngược chiều nhau vào ban ngày và ban đêm giữa đất liền và biển. Gió biển là gió thổi:***

A. Từ đất liền ra biển vào ban đêm B. Từ đất liền ra biển vào ban ngày

C. Từ biển vào đất liền vào ban ngày D. Từ biển vào đất liền vào ban đêm

Đáp án: C

Câu 206. ***Về mùa đông, khối khí ôn đới lục địa (Pc) phương Bắc tràn xuống miền Bắc nước ta làm cho thời tiết:***

A. Mát mẻ, ôn hòa B. Nóng ẩm, nhiều mưa

C. Khô ráo, giá lạnh D. Khô nóng

Đáp án: C

Câu 207. ***Đới khí hậu nhiệt đới có lượng mưa trung bình:***

A. 1000mm – 1500mm B. 500mm – 1000 mm

C. 2000mm – 2.500mm D. 1000mm – 2000mm

Đáp án: D

Câu 208. ***Việc đặt tên cho các khối khí dựa vào:***

A. Nhiệt độ

B. Khí áp và độ ẩm

C. Vị trí nơi chúng được hình thành và bề mặt tiếp xúc

D. Độ cao

Đáp án: C

Câu 209. ***Ở tầng đối lưu, càng lên cao nhiệt độ không khí*:**

A. càng tăng. B. không thay đổi.

C. càng giảm. D. thay đổi tùy từng thời điểm.

Đáp án: C

Câu 210. ***Khí áp là:***

A. sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.

B. sức ép của không khí lên các đồ vật.

C. trọng lượng của không khí.

D. Sức ép của cột thuỷ ngân có tiết diện $1cm^2$ và cao 760 mm.

Đáp án: A

Câu 211. ***Dụng cụ và đơn vị đo khí áp là:***

A. nhiệt kế, mm thủy ngân B. khí áp kế, ^0C

C. nhiệt kế, ^0C D. khí áp kế, mm thủy ngân

Đáp án: D

Câu 212. ***Hướng gió Tín phong ở bán cầu bắc là:***

A. đông bắc B. đông nam

C. tây bắc D. tây nam

Đáp án: A

Câu 213. ***Hướng gió Tây ôn đới ở bán cầu nam là:***

A. đông bắc B. đông nam

C. tây bắc D. tây nam

Đáp án: C

Câu 214. ***Việt Nam có lượng mưa trung bình năm là:***

A. 1000mm – 1500mm B. 500mm – 1000 mm

C. 1500mm – 2000mm D. 2000mm – 2500mm

Đáp án: C

Câu 215. Khí oxi chiếm bao nhiêu % thành phần không khí?

A. 1% B. 78%

C. 12% D. 21%

Đáp án: D

Câu 216. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ sẽ giảm đi bao nhiêu ^{0}C:

A. 1^0C B. 10^0C

C. $0,6^0$C D. 6^0C

Đáp án: C

Câu 217. Cứ lên cao 3500m nhiệt độ sẽ giảm đi bao nhiêu ^{0}C:

A. 12^0C B. 21^0C

C. $1,2^0$C D. $2,1^0$C

Đáp án: B

Câu 218. ***Trong năm khu vực nhận được lượng nhiệt lớn nhất từ Mặt trời:***

A. Cực B. Xích đạo

C. Vòng cực D. Chí tuyến

Đáp án: B

Câu 219. ***Đặc điểm nào dưới đây không phải là của tầng đối lưu:***

A. Là tầng có chiều dày nhỏ nhất so với bốn tầng còn lại

B. Độ dày của tầng có tính đồng nhất cao ở mọi khu vực

C. Là nơi tập trung phần lớn khối lượng không khí của khí quyển

D. Không khí trong tầng chuyển động chủ yếu theo chiều thẳng đứng

Đáp án: B

Câu 220. ***Dụng cụ và đơn vị đo lượng mưa là:***

A. vũ kế, mm B. vũ kế kế, ^{0}C

C. nhiệt kế, ^{0}C D. khí áp kế, mm

Đáp án: A

Đáp án:

Câu 221. ***Nhiệt độ trung bình năm trên Trái Đất có xu hướng giảm dần từ vùng vĩ thấp về các vĩ độ cao chủ yếu do:***

A. Càng về vùng vĩ độ cao thời gian được mặt trời chiếu sáng trong năm càng ít

B. Càng về vùng vĩ độ cao thì góc nhập xạ trong năm càng nhỏ

C. Tầng đối lưu ở vùng vĩ độ cao mỏng hơn ở vùng vĩ độ thấp

D. Tất cả các ý trên

Đáp án: B

Câu 222. ***Dụng cụ và đơn vị đo nhiệt độ là:***

A. nhiệt kế, mm B. khí áp kế, ^{0}C

C. nhiệt kế, ^{0}C D. khí áp kế, mm

Đáp án: C

Câu 223. ***Các hoang mạc lớn trên thế giới thường phân bố ở khu vực cận chí tuyến là do:***

A. Đây là khu vực nhận được nguồn bức xạ từ mặt trời lớn

B. Chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh

C. Đây là khu vực áp cao

D. Có lớp phủ thực vật thưa thớt

Đáp án: C

Dựa vào biểu đồ dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi từ 224 – 227:

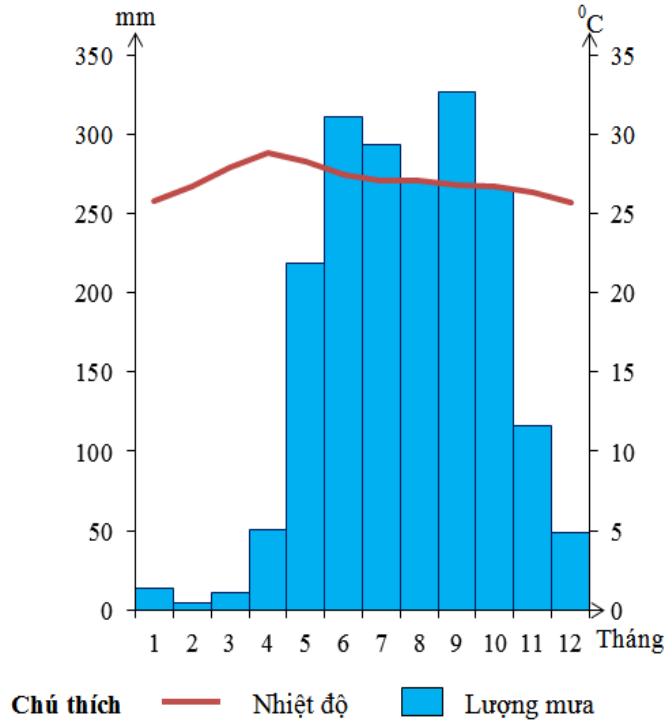

Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của TPHCM

Câu 224. ***Tháng có nhiệt độ thấp nhất là:***

A. tháng 1 C. tháng 11

B. tháng 2 D. tháng 12

Đáp án: D

Câu 225. ***Tháng có nhiệt độ cao nhất là:***

A. tháng 3 C. tháng 5

B. tháng 4 D. tháng 6

Đáp án: B

Câu 226. ***Tháng có lượng mưa thấp nhất là:***

A. tháng 1 C. tháng 11

B. tháng 2 D. tháng 12

Đáp án: B

Câu 227. ***Tháng có lượng mưa cao nhất là:***

A. tháng 7 C. tháng 9

B. tháng 8 D. tháng 10

Đáp án: C

Câu 228. ***Khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa thường có lượng mưa lớn vì:***

A. Gió mùa mùa đông thường đem mưa đến

B. Gió mùa mùa hạ thổi từ biển vào thường xuyên đem mưa đến

C. Cả gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông đều đem mưa lớn đến

D. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của áp thấp

Đáp án: B

Câu 229. ***Phần lớn những khu vực có lượng mưa lớn ở nước ta như Móng Cái, Huế… đều nằm ở khu vực:***

A. Khuất gió

B. Đón gió

C. Thường xuyên chịu ảnh hưởng của áp thấp

D. Chịu tác động của gió mùa

Đáp án: B

Câu 230. ***Hướng thổi thường xuyên của gió Đông cực ở 2 bán cầu là:***

A. Tây bắc ở bán cầu bắc và tây nam ở bán cầu nam

B. Đông bắc ở bán cầu bắc và đông nam ở bán cầu nam

C. Đông bắc ở cả 2 bán cầu

D. Tây nam ở cả 1 bán cầu

Đáp án: B

Chủ đề 7. THỦY QUYỂN

I. Câu hỏi tự luận

Câu 231. ***Thế nào là sông, lưu vực sông, hệ thống sông, lưu lượng nước sông?***

Đáp án

- Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa, được các nguồn nước mưa, nước ngầm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng.

- Lưu vực sông là diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

- Dòng sông chính cùng các chi lưu, phụ lưu họp thành hệ thống sông.

- Lưu lượng sông là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó, trong một giây đồng hồ (m^3/s)

Câu 232. ***Thế nào là hồ? Hãy kể tên một số hồ ở nước ta.***

Đáp án

- Hồ là những khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền.

- Phân loại hồ: hồ kiến tạo, hồ móng ngựa (hình thành từ đoạn sông cũ), hồ nhân tạo (hình thành do đắp đập ngăn sông)...

- Một số hồ nổi tiếng ở nước ta: Hồ Tây (hồ móng ngựa), hồ Ba Bể (hồ kiến tạo), hồ Hòa Bình, Trị An (hồ nhân tạo)...

Câu 233. ***Trình bày các vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất.***

Đáp án

- Vòng tuần hoàn nhỏ: Nước biển và đại dương bốc hơi (do tác dụng của gió, nhiệt độ...) và ngưng tụ trên cao tạo thành mây, gây mưa ngay trên mặt biển và đại dương.

Vòng tuần hoàn lớn: Nước bốc hơi ngoài mặt biển, đại dương và hình thành mây. Gió đưa mây vào đất liền và gây mưa tại đây. Một phần nước mưa tụ lại thành các dòng sông rồi chảy ra biển; một phần khác ngấm xuống đất thành nước ngầm, cuối cùng chảy ra sông suối rồi chảy ra biển.

Câu 234. ***Chế độ mưa, băng tuyết, nước ngầm ảnh hưởng tới chế độ nước sông? Cho ví dụ.***

Đáp án

- Miền khí hậu nóng hoặc nơi địa hình thấp của khu vực khí hậu ôn đới, thủy chế sông phụ thuộc vào chế độ mưa.

Ví dụ: Sông Hồng, mùa lũ (từ tháng 6-10) trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô, ít mưa.

- Miền ôn đới lạnh và những sông bắt nguồn từ núi cao, thủy chế còn phụ thuộc vào lượng tuyết băng tan.

Ví dụ: Sông Ô bi, Lênítxây, Lêna khi mùa xuân đến nhiệt độ tăng làm băng tuyết tan, mực nước sông dâng.

- Ở các vùng đất đá bị thấm nước nhiều, nước ngầm đóng vai trò đáng kể (đá vôi).

Câu 235. ***Địa thế, thực vật, hồ đầm ảnh hưởng tới chế độ nước sông?***

Đáp án

* Địa thế: Nơi nào có độ dốc lớn, nước sông chảy mạnh, lũ lên nhanh; còn nơi nào bằng phẳng thì nước chảy chậm, lũ lên chậm và kéo dài.

* Thực vật:

- Lớp phủ thực vật phát triển mạnh có tác dụng điều hòa dòng chảy sông ngòi, giảm lũ lụt; lớp phủ thực vật bị phá hủy làm cho chế độ dòng chảy thất thường, tốc độ dòng chảy nhanh, dễ xảy ra lũ lụt.

- Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn hạn chế lũ.

* Hồ đầm nối với sông có tác dụng điều hòa chế độ nước sông:mùa nước lên nước sông chảy vào hồ đầm; mùa nước cạn: từ hồ đầm chảy ra.

Câu 236. ***Nêu những thuận lợi và khó khăn mà sông ngòi mang lại.***

Đáp án

- Thuận lợi: cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển thủy điện, thủy lợi, giao thông vận tải đường sông, du lịch, nuôi trồng thủy sản...

- Khó khăn: Chế độ nước thất thường, gây lũ lụt ở đồng bằng, lũ quét ở miền núi...

Câu 237. ***Nêu các nguyên nhân làm sông ngòi bị ô nhiễm và biện pháp khắc phục.***

Đáp án

- Nguyên nhân: Do ý thức con người, mất rừng, chất thải nông nghiệp, công nghiệp, chất thải sinh hoạt...

- Biện pháp: Giáo dục ý thức của con người, bảo vệ rừng. Xây dựng các hệ thống xử lí nước thải trước khi thải ra sông.

Câu 238. ***Giải thích vì sao Lũ trên các sông ở Trung Bộ Nước ta lại lên rất nhanh?***

Đáp án

Lũ trên các sông ở Trung Bộ Nước ta lại lên rất nhanh do:

- Do địa hình có độ dốc lớn làm lượng nước tập trung nhanh.

- Các con sông Trung Bộ chủ yếu là sông ngắn, nhỏ do địa hình hẹp ngang, núi lan sát ra biển, sông bắt nguồn từ sườn Tây dãy Trường Sơn đổ ra biển Đông.

- Trong năm có mùa mưa với lượng mưa lớn tập trung vào thu đông, mùa cạn mực nước sông thấp do mưa rất ít.

- Lớp phủ thực vật bị hạn chế.

Câu 239. ***Có ý kiến cho rằng: "Lũ ở đồng bằng sông Cửu Long hàng năm gây nhiều thiệt hại nhưng cũng mang đến một số nguồn lợi cho đồng bằng này". Dựa vào kiến thức và hiểu biết của bản thân, em thấy ý kiến này đúng hay sai, em hãy làm rõ ý kiến trên.***

Đáp án

- Ý kiến này đúng hoàn toàn. Vì:

- Thiệt hại của lũ:

+ Với nông nghiệp: Gây ngập úng các đồng lúa chưa thu hoạch.

+ Với thủy sản: Vỡ bè, tràn ao.

+ Với đời sống: đi lại, sinh hoạt khó khăn, dịch bệnh phát triển.

- Nguồn lợi do lũ mang lại:

+ Bồi đắp phù sa màu mỡ.

+ Nước ngọt để tháo chua rửa mặn.

+ Cung cấp nguồn tôm cá theo lũ.

+ Làm nhà bè nuôi trồng thủy sản sống chung với lũ.

Câu 240. ***Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là bao nhiêu? Độ muối của các biển và đại dương có giống nhau không? Vì sao?***

Đáp án

- Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là 35‰.

- Có sự khác nhau về độ muối của các biển và đại dương. Độ muối của các biển và đại dương không giống nhau tuỳ thuộc vào nguồn nước sông đổ vào nhiều hay ít và độ bốc hơi lớn hay nhỏ.

Câu 241. ***Nước biển và đại dương có những hình thức vận động nào? Sóng biển là gì? Nguyên nhân nào sinh ra sóng biển?***

Đáp án

- Nước biển và đại dương có 3 hình thức vận động là: sóng, thủy triều và dòng biển.

- Sóng biển là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương.

- Nguyên nhân sinh ra sóng biển chủ yếu là gió. Động đất ngầm dưới đáy biển sinh ra sóng thần.

Câu 242. ***Nêu đặc điểm sóng bạc đầu và sóng thần.***

Đáp án

- Sóng bạc đầu: Những giọt nước biển chuyển động lên cao khi rơi xuống va đập vào nhau, vỡ tung tóe tạo thành bọt trắng.

- Sóng thần: Là sóng thường có chiều cao 20- 40m, truyền theo chiều ngang với tốc độ 400 - 800km/h.

+ Nguyên nhân: do động đất, núi lửa phun ngầm dưới đáy biển, bão.

+ Tác hại:có sức tàn phá khủng khiếp.

Câu 243. ***Thủy triều là gì? Nêu đặc điểm và nguyên sinh ra thủy triều.***

Đáp án

- Khái niệm:Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên, có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương.

- Đặc điểm:

+ Khi Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời nằm thẳng hàng (lực hút kết hợp) thủy triều lớn nhất (triều cường, ngày 1 và 15: không trăng, trăng tròn).

+ Khi Mặt Trăng, Trái Đất, Mặt Trời ở vị trí vuông góc (lực hút đối nghịch) thủy triều kém nhất (triều kém, ngày 8 và 23: trăng khuyết).

- Nguyên nhân: Được hình thành chủ yếu do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.

Câu 244. ***Nêu lợi ích và tác hại của thủy triều?***

Đáp án

- Lợi ích:

+ Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.

+ Bồi đắp phù sa màu mỡ do các đồng bằng.

+ Có giá trị về thủy điện và thủy lợi.

+ Giao thông vận tải và du lịch.

+ Cải tạo môi trường.

+ Nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản.

- Tác hại: Triều cường lên cao gây ngập úng, xâm nhập mặn.

Câu 245. ***Dòng biển là gì? Nguyên nhân nào sinh ra dòng biển?***

Đáp án

- Dòng biển là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương.

- Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như Tín phong, gió Tây ôn đới...

Câu 246. ***Các dòng biển nóng thường chuyển động từ vĩ độ nào đến vĩ độ nào, các dòng biển lạnh thường chuyển động từ vĩ độ nào đến vĩ độ nào?***

Đáp án

- Các dòng biển nóng thường chảy từ các vùng vĩ độ thấp lên các vùng vĩ độ cao.

- Các dòng biển lạnh thường chảy từ các vùng vĩ độ cao về các vùng vĩ độ thấp.

Câu 247. ***Trình bày sự phân bố các dòng biển trên thế giới.***

Bài làm

- Dòng biển nóng: Thường phát sinh ở hai bên đường xích đạo chảy theo hướng tây, gặp lục địa chuyển hướng chảy về cực.

- Dòng biển lạnh: Xuất phát từ vĩ tuyến 30 - 40^0 gần bờ đông các đại dương chảy về xích đạo.

- Dòng biển nóng, lạnh hợp lại thành vòng hoàn lưu ở mỗi bán cầu. Ở vĩ độ thấp hướng chảy của các vòng hoàn lưu Bắc Bán Cầu cùng chiều kim đồng hồ, Nam Bán Cầu ngược chiều.

- Ở Bắc Bán Cầu có dòng biển lạnh xuất phát từ cực men theo bờ Tây các đại dương chảy về xích đạo.

- Các dòng biển nóng, lạnh đối xứng nhau qua bờ đại dương.

- Vùng có gió mùa, dòng biển đổi chiều theo mùa.

Câu 248. Dựa vào hình 65 dưới đây hãy trả lời câu hỏi sau:

- So sánh nhiệt độ ở các địa điểm A, B, C, D cùng nằm trên vĩ độ 60^0B?

- Từ so sánh trên, nêu ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh đến khí hậu ngữ vùng ven biển mà chúng chảy qua?

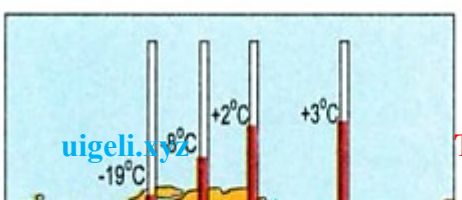

Hình 65. Nhiệt độ của các vùng ven biển có hải lưu chảy qua

uigeli.xyz

Đáp án

- Trên vĩ độ 60^0B, ta thấy nhiệt độ tăng dần từ điểm A đến điểm D: địa điểm A: - 19^0C; địa điểm B: - 8^0C; địa điểm C: + 2^0C; địa điểm D: + 3^0C. Chênh lệch nhiệt độ giữa điểm A và D lên đến 21^0C. Có sự chênh lệch là do ảnh hưởng của dòng biển (nóng, lạnh).

- Các dòng biển nóng làm cho nhiệt độ các vùng ven biển cao hơn, ngược lại các dòng biển lạnh làm cho nhiệt độ các vùng biển thấp hơn các vùng cùng vĩ độ.

Câu 249. Cho bảng số liệu sau:

Lưu lượng nước trên sông Hồng *(đơn vị : m^3/s)*

Tháng Sông	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Sông Hồng	1318	1100	914	1071	1893	4692	7896	9246	6690	4122	2813	1746

Tính tổng lưu lượng 12 tháng của sông Hồng, xác định tháng có lưu lượng nước lớn nhất, nhỏ nhất.

Đáp án

- Tổng lưu lượng 12 tháng: 43591 m^3/s

- Tháng có lưu lượng lớn nhất là tháng 8: 9246 m^3/s.

- Tháng có lưu lượng nhỏ nhất là tháng 3: 914 m^3/s.

Câu 250. Cho bảng số liệu sau:

Lưu lượng nước trên sông Gianh *(đơn vị : m^3/s)*

Tháng Sông	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Sông Gianh	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185	178	94,1	43,7

Tính tổng giá trị trung bình lưu lượng của sông Gianh, từ đó xác định các tháng mùa lũ có giá trị lớn hơn giá trị trung bình và xác định các tháng mùa cạn có giá trị nhỏ hơn giá trị trung bình.

Đáp án

- Giá trị trung bình lưu lượng sông Gianh: 740,4 m^3/s : 12 = 61,7 m^3/s

- Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 11, kéo dài 3 tháng.

- Mùa cạn từ tháng 12 đến tháng 8 (năm sau), kéo dài 9 tháng.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 251. ***Chế độ nước sông sẽ phức tạp nếu sông có nguồn cung cấp nước là***

A. nước mưa.

B. nước ngầm và nước mưa.

C. băng tuyết tan.

D. nhiều nguồn cung cấp nước.

Đáp án: D

Câu 252. ***Nếu nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là do băng tuyết tan thì lưu lượng của sông sẽ lớn về mùa***

A. hạ.

B. xuân.

C. thu.

D. đông.

Đáp án: B

Câu 253. ***Nguyên nhân sinh ra thuỷ triều là do:***

A. sức hút của các hành tinh trong hệ Mặt Trời.

B. sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời.

C. sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

D. chênh lệch mực nước biển giữa ngày và đêm.

Đáp án: B

Câu 254. ***Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là do:***

A. chênh lệch về độ mặn giữa các biển và đại dương.

B. chênh lệch về mực nước giữa các biển và đại dương.

C. các loại gió trên Trái Đất.

D. các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

Đáp án: D

Câu 255. ***So với những vùng cùng vĩ độ, khí hậu nơi có dòng biển nóng đi qua thường:***

A. ấm hơn, mưa nhiều hơn.

B. lạnh hơn, mưa ít hơn.

C. ấm hơn, mưa ít hơn.

D. lạnh hơn, mưa nhiều hơn.

Đáp án: A.

Câu 256. ***Sông có hàm lượng phù sa (tỉ lệ phù sa trong nước sông) lớn nhất nước ta là:***

A. Sông Cửu Long B. Sông Đồng Nai C. Sông Hồng D. Sông Đà Rằng

Đáp án: C

Câu 257. ***Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng là do:***

A. Gió B. Động đất C. Núi lửa phun D. Thủy triều

Đáp án: A.

Câu 258. ***Hồ Tây ở Hà Nội nước ta có nguồn gốc hình thành từ:***

A. Nhân tạo B. Miệng núi lửa đã tắt

C. Vùng đá vôi bị xâm thực D. Khúc sông cũ

Đáp án: D

Câu 259. ***Đại dương lớn nhất là đại dương nào?***

A. Đại Tây Dương B. Thái Bình Dương

C. Bắc Băng Dương D. Ấn Độ Dương

Đáp án: B

Câu 260. ***Độ muối hay độ mặn trung bình của nước biển và đại dương là bao nhiêu phần ngàn?***

A. 35‰ B. 15‰ C. 25‰ D. 45‰

Đáp án: A

Câu 261. ***Lưu vực của một con sông là:***

A. Vùng hạ lưu

B. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông

C. Vùng đất đai đầu nguồn

D. Chiều dài từ nguồn đến cửa sông

Đáp án: B

Câu 262. ***Cửa sông là nơi dòng sông chính:***

A. Tiếp nhận các sông nhánh B. Đổ ra biển (hồ)

C. Phân nước ra cho sông phụ D. Xuất phát

Đáp án: B

Câu 263. ***Sông có tổng lượng nước chảy trong năm lớn nhất nước ta là:***

A. Sông Đồng Nai B. Sông Hồng C. Sông Đà D. Sông Cửu Long

Đáp án: D

Câu 264. ***Mực nước ngầm phụ thuộc vào các yếu tố:***

A. Nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi nhiều hay ít

B. Địa hình và cấu tạo của đất, đá

C. Lớp phủ thực vật

D. Tất cả các ý trên

Đáp án: D

Câu 265. ***Hồ nào dưới đây có nguồn gốc hình thành từ miệng núi lửa đã tắt:***

A. Hồ Ba Bể B. Hồ Hồ Bình

C. Hồ Núi Cốc D. Hồ Tơ – Nưng

Đáp án: D

Câu 266. ***Sông có chiều dài lớn nhất Thế Giới là:***

A. Sông Nin B. Sông Amadôn

C. Sông Trường Giang D. Sông Missisipi

Đáp án: B

Câu 267. ***Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là:***

A. Độ dốc và chiều rộng của lòng sông

B. Độ dốc và vị trí của sông

C. Chiều rộng của sông và hướng chảy

D. Hướng chảy và vị trí của sông

Đáp án: A

Câu 268. ***Trong quá trình phát triển, hồ sẽ cạn dần và hình thành dạng địa hình:***

A. Sa mạc B. Đồng bằng

C. Đầm lầy D. Rừng cây

Đáp án: C

Câu 269. ***Biển Đỏ có nồng độ lớn hơn so với mức trung bình các biển, đại dương trên thế giới do:***

A. Nằm ở vùng khí hậu khô nóng quanh năm nên bốc hơi mạnh

B. Không thông với các biển, đại dương khác

C. Có nhiều con sông lớn nào chảy vào

D. Ý A và C đúng

Đáp án: A

Câu 270. ***Phần lớn các hồ ở Phần Lan và Canađa có nguồn gốc hình thành từ*:**

A. Các khúc uốn cũ của những con sông lớn

B. Băng hà bào mòn mặt đất

C. Miệng những núi lửa đã ngừng hoạt động

D. Các vụ sụt đất

Đáp án: B

Chủ đề 8. THỔ NHƯỠNG QUYỂN VÀ SINH QUYỂN

I. Câu hỏi tự luận

Câu 271. ***Nêu khái niệm về đất, độ phì của đất.***

Đáp án

- Đất là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa và đảo, được đặc trưng bởi độ phì gọi là lớp đất (hay thổ nhưỡng).

Độ phì của đất là khả năng cung cấp nhiệt, khí, nước các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật sinh trưởng và phát triển.

Câu 272. ***Hãy trình bày các thành phần chính của đất.***

Đáp án

Lớp đất có hai thành phần chính là thành phần khoáng và thành phần hữu cơ.

- Thành phần khoáng chiếm phần lớn trọng lượng của đất, gồm những hạt khoáng có màu sắc loang lổ và kích thước to nhỏ khác nhau.

- Thành phần hữu cơ chiếm một tỉ lệ nhỏ, tồn tại chủ yếu trong tầng trên cùng của lớp đất; chất hữu cơ tạo thành chất mùn có màu đen hoặc xám thẫm. Chất mùn là nguồn thức ăn dồi dào, cung cấp những chất cần thiết cho thực vật trên mặt đất.

Câu 273. ***Đá mẹ có vai trò như thế nào trong việc hình thành đất?***

Đáp án

- Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất. Đá mẹ có ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất.

- Những loại đất hình thành trên đá mẹ là ba dan hoặc đá vôi có chứa nhiều chất làm thức ăn cho cây trồng, đó là những loại đất tốt trong nông nghiệp.

Câu 274. ***Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào trong việc hình thành đất?***

Đáp án

- Khí hậu, đặc biệt là nhiệt độ và lượng mưa tạo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng và chất hữu cơ trong đất.

- Nhiệt, ẩm ảnh hưởng đến sự hòa tan, rửa trôi, tích tụ vật chất.

- Khí hậu ảnh hưởng gián tiếp qua tác động: khí hậu => sinh vật => đất.

Câu 275. ***Địa hình có ảnh hưởng như thế nào trong việc hình thành đất?***

Đáp án

- Địa hình dốc: đất bị xói mòn, tầng phong hóa mỏng.

- Địa hình bằng phẳng: bồi tụ là chủ yếu, tầng phong hóa dày.

- Địa hình: Ảnh hưởng đến khí hậu tạo nên các vành đai đất khác nhau theo độ cao.

Câu 276. ***Sinh vật có ảnh hưởng như thế nào trong việc hình thành đất?***

Đáp án

- Thực vât: Cung cấp vật chất hữu cơ, rễ phá hủy đá.

- Vi sinh vật: Phân giải xác súc vật tạo mùn.

- Động vật: sống trong đất là biến đổi tính chất đất (giun, kiến mối).

Câu 277. ***Nêu các tác động tích cực và tiêu cực của con người trong việc hình thành đất?***

Đáp án

- Các tác động tích cực: nâng độ phì cho đất, chống xói mòn bằng các biện pháp trồng rừng phụ xanh đồi trọc, luân canh, xem canh cây trồng, thau chua, rửa mặn, bón vôi cải tạo đất…

- Các tác động tiêu cực tiêu cực: hóa chất từ nông nghiệp như phân bón, thuốc trừ sâu gây ô nhiễm đất, chặt phá rừng, đốt rừng làm nương rẫy gây xói mòn, sạt lở đất…

Câu 278. ***Thế nào là lớp vỏ sinh vật (sinh quyển)? Nêu phạm vi của sinh quyển.***

Đáp án

- Sinh vật sống trong các lớp đất đá, không khí và lớp nước, tạo thành một lớp vỏ mới liên tục bao quanh Trái Đất. Đó là lớp vỏ sinh vật hay sinh quyển.

- Phạm vi của sinh quyển:

+ Phía trên: tiếp xúc với tầng ô dôn.

+ Phía dưới: đến đáy đại dương nơi sâu nhất trên 11km, trên lục địa đáy của lớp vỏ phong hóa.

Câu 279. ***Khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến phân bố thực vật? Cho ví dụ.***

Đáp án

- Khí hậu có ảnh hưởng rõ rệt nhất đến sự phân bố thực vật: tùy theo đặc điểm khí hậu ở mỗi nơi mà có các loài thực vật khác nhau. Mức độ phong phú hay nghèo nàn của thực vật ở một nơi chủ yếu do khí hậu quyết định.

- Ví dụ: Khu vực xích đạo quanh năm có khí hậu nóng, ẩm nên rừng rậm phát triển với nhiều loại cây, mọc thành nhiều tầng; miền gần cực có khí hậu giá lạnh, thực vật phát triển khó khăn, chỉ có rêu, địa y... sinh trưởng trong mùa hạ.

Câu 280. ***Địa hình ảnh hưởng như thế nào đến sự phân bố thực vật? Cho ví dụ.***

Đáp án

- Độ cao: Lên cao nhiệt độ thay đổi, độ ẩm thay đổi, thực vật phân bố thành vành đai khác nhau.

- Hướng sườn: Hướng sườn có ánh sáng khác nhau, thực vật phân bố khác nhau.

- Ví dụ: đi từ độ cao 0 – 3000m ở dãy núi An-pơ ở châu Âu sẽ có các vành đai thực vật khác nhau: rừng hỗn hợp, rừng lá kim, cỏ và cây bụi, đồng cỏ núi cao, băng tuyết.

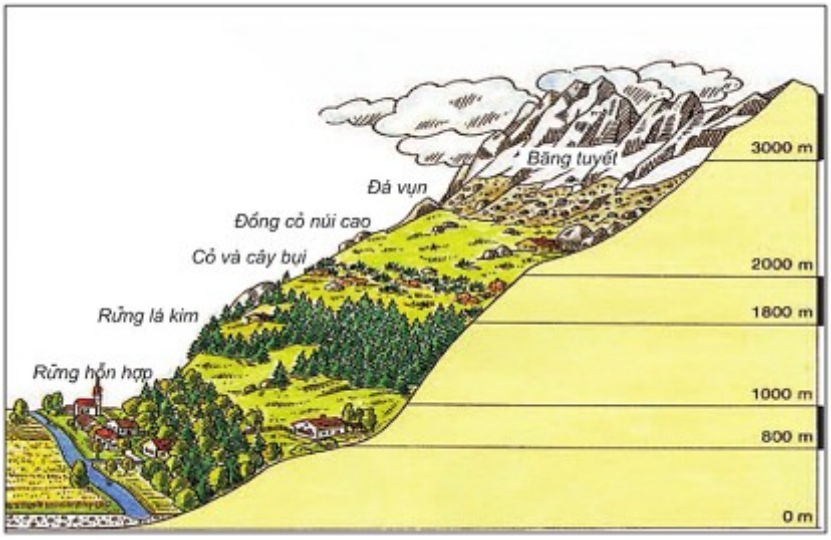

Câu 281. ***Đất đai ảnh hưởng như thế nào đến sự phân bố thực vật. Cho ví dụ.***

Đáp án

- Đặc điểm: Các đặc tính lí, hóa, độ phì ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của thực vật.

- Ví dụ: Đất ngập mặn có rừng ngập mặn; đất feralit đỏ vàng có rừng xích đạo, cây lá rộng; đất chua phèn có cây tràm, cây lác,...

Câu 282. ***Thực vật có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phân bố động vật?***

Đáp án

Thực vật và động vật có mối quan hệ chặt chẽ với nhau bởi thực vật là thức ăn của động vật ăn cỏ, động vật ăn cỏ là thức ăn của động vật ăn thịt; nơi thực vật phong phú thì động vật cũng phong phú,...

Câu 283. ***Con người có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phân bố động vật và thực vật?***

Đáp án

- Ảnh hưởng tích cực: con người đã mở rộng phạm vi phân bố của thực vật và động vật bằng cách mang các giống cây trồng, vật nuôi từ nơi này đến nơi khác.

- Ảnh hưởng tiêu cực: con người đã thu hẹp nơi sinh sống của nhiều loài động, thực vật; việc khai thác rừng bừa bãi làm cho nhiều loài động vật mất nơi cư trú.

Câu 284. ***Theo em, việc phá rừng dẫn đến những hậu quả gì?***

Đáp án

- Khí hậu bị thay đổi ; lũ lụt, hạn hán xảy ra thường xuyên.

- Đất bị xói mòn trở nên bạc màu.

- Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài đã bị tuyệt chủng và một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng.

Câu 285. ***Theo em, cần làm gì để bảo vệ tài nguyên rừng và động vật?***

Đáp án

- Biện pháp bảo vệ rừng:

+ Ban hành chính sách bảo vệ rừng và đẩy mạnh việc trồng rừng.

+ Phòng cháy chữa cháy rừng, kiểm lâm chặt chẽ, giáo dục ý thức người dân…

- Biện pháp bảo vệ động vật:

+ Không phá rừng, cấm săn bắt và khai thác bừa bãi, ban hành Sách đỏ.

+ Xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên.

II. Câu hỏi trắc nghiệm

Câu 286. ***Thổ nhưỡng là:***

A. Lớp vật chất tơi xốp trên bề mặt lục địa

B. Nơi con người sinh sống

C. Lớp vật chất tươi xốp trên bề mặt lục địa, được đặc trưng bởi độ phì nhiêu của đất

D. Ý B và C đúng

Đáp án: C

Câu 287. ***Độ phì của đất có khả năng cung cấp cho thực vật:***

A. Nước và khí B. Nhiệt

C. Các chất dinh dưỡng D. Tất cả các ý trên

Đáp án: D

Câu 288. ***Đá mẹ cung cấp cho đất các thành phần:***

A. Vô cơ B. Mùn

C. Hữu cơ D. Ý A và C đúng

Đáp án: A

Câu 289. ***Hai yếu tố của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành đất là:***

A. Độ ẩm và lượng mưa B. Lượng bức xạ và lượng mưa

C. Nhiệt độ và độ ẩm D. Nhiệt độ và nắng

Đáp án: C

Câu 290. ***Các hoạt động của con người có tác động xấu đến tính chất đất là:***

A. Đốt rừng làm nương rẫy B. Bón quá nhiều các hố chất vào đất

C. Canh tác quá nhiều vụ trong một năm D. Tất cả các ý trên

Đáp án: D

Câu 291. ***Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật là:***

A. Khí hậu và đất B. Địa hình và sinh vật

C. Con người D. Tất cả các ý trên

Đáp án: D

Câu 292. ***Trong các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phân bố thực vật, động vật trên Trái Đất, nhân tố ảnh hưởng rõ nhất đối với thực vật là:***

A. Địa hình B. Nguồn nước C. Khí hậu D. Đất đai

Đáp án: C

Câu 293. ***Toàn bộ các loại thực vật khác nhau sinh sống trên một vùng rộng lớn được gọi là:***

A. Hệ thực vật B. Nguồn nước

C. Thảm thực vật D. Rừng

Đáp án: C

Câu 294. ***Loại thực vật nào dưới đây không đặc trưng cho thảm thực vật đài nguyên:***

A. Rêu B. Địa y

C. Thông D. Ý B và C đúng

Đáp án: C

Câu 295. ***Các loài động vật nào thuộc loài động vật di cư:***

A. Gấu trắng Bắc Cực B. Thú túi đuôi quấn châu Phi

C. Vượn cáo nhiệt đới D. Các loài chim, rùa

Đáp án: D

Câu 296. ***Trong sản xuất nông nghiệp, loại đất thích hợp để trồng các loại cây công nghiệp lâu năm:***

A. Đất cát pha B. Đất phèn

C. Đất phù sa D. Đất đỏ badan

Đáp án: D

Câu 297. ***Một số thực vật rừng và cây trồng tiêu biểu ở miền khí hậu nhiệt đới ẩm là:***

A. Dừa, cao su B. Táo, nho, củ cải đường

C. Thông, tùng D. Chà là, xương rồng

Đáp án: A

Câu 298. ***Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu cận cực lục địa là:***

A. Băng tuyết và đất đài nguyên B. Đài nguyên và đất đài nguyên

C. Đài nguyên và đất pốtdôn D. Rừng lá nguyên và đất đài nguyên

Đáp án: B

Câu 299. ***Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu ôn đới lục địa lạnh là:***

A. Rừng lá kim – đất nâu B. Rừng lá kim – đất pôtdôn

C. Rừng lá rộng – đất đen D. Rừng lá kim – đất xám

Đáp án: B

Câu 300. ***Thảm thực vật và nhóm đất chính phát triển trên kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là:***

A. Rừng nhiệt đới ẩm – đất đỏ vàng B. Rừng lá rộng – đất đỏ nâu

C. Xavan – đất đỏ vàng D. Rừng nhiệt đới ẩm – đất nâu

Đáp án: A

Chủ đề 9. CÁC ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN THAM KHẢO

1. ĐỀ 1

Câu 1: (3,5 điểm)

Em hãy cho biết kinh tuyến gốc; kinh tuyến Đông; kinh tuyến Tây; Vĩ tuyến gốc; vĩ tuyến Bắc; vĩ tuyến Nam được xác định như thế nào? Nêu ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến.

Câu 2: (4 điểm)

Dựa vào số ghi tỉ lệ của các bản đồ sau đây:

a) Bản đồ A có tỉ lệ 1:100.000, cho biết 6cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

b) Bản đồ B có tỉ lệ 1:2.000.000, cho biết 10cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

c) Bản đồ C có tỉ lệ 1:1.500.000 cho biết 3cm trên bản đồ ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

d) Căn cứ vào tỉ lệ của 3 bản đồ A, B, C cho biết bản đồ nào có tỉ lệ lớn? Tỉ lệ trung bình? Tỉ lệ nhỏ?

Câu 3: (2,5 điểm)

Một máy bay cất cánh từ TPHCM (múi 7) đến Mê-hi-cô Xi-ti (múi 17) vào lúc 19h30' ngày 30/8/2020, 19h sau máy bay hạ cánh xuống Mê-hi-cô Xi-ti. Hỏi lúc đó ở Mê-hi-cô Xi-ti là mấy giờ, ngày, tháng nào?

Câu 4: (3 điểm)

Em hãy so sánh sự vận động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.

Câu 5: (4 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học em hãy:

a) Nêu khái niệm nội lực, ngoại lực.

b) So sánh sự khác nhau giữa động đất và núi lửa. Nêu tác hại của động đất và núi lửa đến sự sống trên bề mặt Trái Đất. Để hạn chế bớt những thiệt hại do động đất gây ra, con người đã có những biện pháp nào?

Câu 6: (3 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của một số địa điểm (^{0}C)

Tháng / Địa điểm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Thành phố Hạ Long	17	18	19	24	27	29	29	27	27	27	24	19
Thành phố Vũng Tàu	26	27	28	30	29	29	28	28	28	28	28	27

a. Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ năm của Hạ Long và Vũng Tàu.

b. So sánh nhiệt độ trung bình năm và biên độ năm ở hai thành phố trên.

**********Hết**********

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Đáp án	Thang điểm
1	- Kinh tuyến gốc (0^0) là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (Nước Anh). - Kinh tuyến Đông: Là những kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc. - Kinh tuyến Tây: Là những kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc. - Vĩ tuyến gốc (0^0) là vĩ tuyến lớn nhất trên Địa cầu, chia quả địa cầu	**0,5** **0,5** **0,5**

	thành 2 nửa bằng nhau: Nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Vĩ tuyến gốc còn gọi là đường xích đạo. - Vĩ tuyến Bắc: Là những vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Bắc. - Vĩ tuyến Nam: Là những vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Nam. - Ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến: Nhờ có hệ thống kinh, vĩ tuyến có thể xác định được vị trí của mọi địa điểm trên quả địa cầu.	**0,5** **0,5** **0,5** **0,5**
2	a. Bản đồ A: 6 x 10.000 = 600.000cm = 6km b. Bản đồ B: 10 x 2.000.000 = 20.000.000cm = 200km c. Bản đồ C: 3 x 500.000 = 1.500.000cm = 15km d. + Bản đồ A là bản đồ tỉ lệ lớn + Bản đồ B là bản đồ tỉ lệ nhỏ + Bản đồ C là bản đồ tỉ lệ trung bình	**1,0** **1,0** **1,0** **0,25** **0,25** **0,5**
3	Do TPHCM và Mê-hi-cô Xi-ti khác Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 7 + (24 – 17) = 14 múi Khi máy bay cất cánh tại TPHCM thì giờ và ngày, tháng ở Mê-hi-cô Xi-ti (phía Tây TPHCM) là: 19h30’ ngày 30/8/2020 – 14h = 5h30’ ngày 30/8/2020 19h sau máy bay hạ cánh xuống Mê-hi-cô Xi-ti. Lúc đó giờ và ngày, tháng ở Mê-hi-cô Xi-ti là 5h30’ ngày ngày 30/8/2020 + 19h = 24h30’ ngày 31/12/2020 – 24h = 0h30’ ngày 31/8/2020.	**0,5** **1,0** **1,0**
4	- Giống nhau: + Chuyển động tự quay quanh trục và quay quanh Mặt Trời đều là chuyển động theo hướng từ Tây sang Đông. + Cùng có chu kỳ là 1 vòng và trục Trái Đất luôn nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo 1 góc là 66°33´. - Khác nhau: + Chuyển động tự quay quanh mình với thời gian 1 vòng là 24 giờ và quay quanh Mặt Trời với 1 vòng là 365 ngày 6 giờ. + Chuyển động tự quay quanh trục theo cách thức là quay, chuyển động quay quanh Mặt Trời theo cách thức là tịnh tiến theo quỹ đạo hình elip.	**0,5** **0,5** **1,0** **1,0**

5	a. - Nội lực: Là những lực sinh ở bên trong Trái Đất - Ngoại lực: Là những lực sinh ở bên ngoài trên bề mặt Trái Đất b. - Sự khác nhau: + Núi lửa là hình thức phun trào mắc ma ở dưới sâu lên mặt đất. + Động đất là hiện tượng các lớp đất đá gần mặt đất bị rung chuyển. - Tác hại: + Núi lửa phun thường gây tác hại cho vùng lận cận. Tro bụi và dung nham của núi lửa có thể vùi lấp các thành thị, làng mạc, ruộng nương... + Những trận động đất lớn làm cho nhà cửa, đường sá, cầu cống... bị phá hủy và làm nhiều người chết. - Biện pháp hạn chế những thiệt hại do động đất gây ra: + Xây nhà chịu được những chấn động lớn. + Lắp các trạm nghiên cứu dự báo động đất. + Sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm.	**0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,25** **0,25**
6	a. - Hạ Long: + Nhiệt độ trung bình năm 23,9^{0}C + Biên độ nhiệt năm: 12^{0}C - Vũng Tàu: + Nhiệt độ trung bình năm 28^{0}C + Biên độ nhiệt năm: 4^{0}C b. - Hạ Long có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn Vũng Tàu, chênh lệch 4,1^{0}C - Hạ Long có biên độ nhiệt năm cao hơn Vũng Tàu, chênh lệch 8^{0}C	**0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5** **0,5**

Hết

2. ĐỀ 2

Câu 1: (3,0 điểm)

a) Kinh độ, vĩ độ của một địa điểm là gì? Nêu ý nghĩa của chúng.

b) Địa điểm A nằm trên kinh tuyến 110^0 ở bên phải kinh tuyến gốc và trên vĩ tuyến 30^0 phía dưới xích đạo. Viết tọa độ địa lí của địa điểm A.

Câu 2: (5,0 điểm)

a) Trình bày chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

b) Một máy bay bay từ Hà Nội (múi giờ số 7) lúc 8 giờ sáng ngày 01/01/2011, đến Đức (múi giờ số 1) lúc 13 giờ ngày 01/01/2011. Như vậy, máy bay bay mất mấy giờ? Sau 21 giờ máy bay đến, máy bay đó bay về lại Việt Nam. Hỏi máy bay đó đến Hà Nội lúc mấy giờ, ngày nào? (Biết rằng thời gian bay về bằng thời gian bay đi).

Câu 3: (5,0 điểm)

a) Một ngọn núi có độ cao (tương đối) là 2500m, nhiệt độ ở vùng chân núi phía sườn đón gió là 20°C. Hãy tính nhiệt độ ở đỉnh núi.

b) So sánh địa hình bình nguyên và cao nguyên. Tại sao người ta xếp cao nguyên vào địa hình núi?

Câu 4: (7,0 điểm)

a) Vẽ hình các đai khí áp và gió trên Trái Đất.

b) So sánh đặc điểm của gió Tín phong và gió Tây ôn đới.

c) Tại sao cùng xuất phát từ cao áp chí tuyến, nhưng gió mậu dịch nói chung khô và ít gây mưa, còn gió Tây ôn đới lại ẩm và gây mưa nhiều?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	**a) Khái niệm kinh độ, vĩ độ của một địa điểm. Ý nghĩa.**	**1,5**
	- Kinh độ của một địa điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc.	0,5
	- Vĩ độ của một địa điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc.	0,5
	- Ý nghĩa: Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi chung là tọa độ địa lí của địa điểm đó, dùng để xác định vị trí địa lí của một địa điểm trên bản đồ.	0,5
	b) Viết tọa độ địa lí của địa điểm A. A { 110^0Đ 30^0N	**1,5**
2	**a) Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.**	**2,5**
	- Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời diễn ra đồng thời với vận động tự quay quanh trục của Trái Đất.	0,5
	- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo quỹ đạo có hình elip gần tròn.	0,5
	- Trái đất chuyển động quanh Mặt Trời theo hướng từ Tây sang Đông (trùng với hướng tự quay quanh trục của Trái Đất).	0,5
	- Chu kì chuyển động của Trái Đất một vòng quanh Mặt Trời là 365 ngày 6 giờ.	0,5
	- Khi chuyển động quanh Mặt Trời độ nghiêng và hướng nghiêng của trục Trái Đất luôn không đổi. Sự chuyển động đó gọi là sự chuyển động tịnh tiến.	0,5
	b) Tính giờ.	**2,5**
	- Đức và Việt Nam chênh nhau: 7 - 1 = 6 múi giờ (6 giờ)	0,5
	- Khi Đức là 13 giờ ngày 01/01/2011 thì Việt Nam sẽ là: 13 + 6 = 19 giờ ngày 01/01/2011.	0,5
	- Vậy máy bay bay từ Hà Nội đến Đức mất: 19 – 8 = 11 giờ.	0,5
	- Sau 21 giờ máy bay bay từ Đức về Việt Nam, khi máy bay cất cánh lúc đó ở Việt Nam đang là: (19 + 21) – 24 = 16 giờ ngày 02/01/2011.	0,5
	- Do thời gian bay không đổi nên máy bay đến Hà Nội lúc: (16 +11) –	0,5

	24 = 3 giờ ngày 3/01/2011.	
3	**a. Tính nhiệt độ ở đỉnh núi**	**2,0**
	- Biết ngọn núi cao 2500m, nhiệt độ ở chân núi phía sườn đón gió là 20°C và cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6°C, nên tá có:	0,5
	- Số nhiệt độ bị giảm đi khi đi từ chân núi đến đỉnh núi là: 2500 x 0,6 : 100 = 15°C.	1,0
	- Nhiệt độ tại đỉnh núi là: 20 – 15 = 5°C.	0,5
	b. So sánh bình nguyên và cao nguyên. Giải thích.	**3,0**
	+Giống nhau:	
	- Có bề mặt tương đối bằng phẳng hay gợn sóng.	0,5
	- Thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.	0,5
	+ Khác nhau:	
	- Về độ cao: bình nguyên thường có độ cao dưới 200m, cao nguyên thường có độ cao trên 500m và có sườn dốc.	0,5
	- Về nguyên nhân hình thành: bình nguyên có loại bình nguyên bồi tụ(châu thổ), cao nguyên không có cao nguyên bồi tụ.	0,5
	* Người ta xếp cao nguyên vào dạng địa hình núi do:	1,0
	- Địa hình cao nguyên có những nét tương đồng với địa hình núi. Đều là địa hình cao, có độ cao tuyệt đối thường trên 500m và có sườn dốc.	
4	**a. Vẽ hình các đai khí áp và gió trên Trái Đất.**	**3,0**
	- Học sinh điền đầy đủ các loại gió trên trái đất: phải có đầy đủ các đai áp, hướng gió đúng... 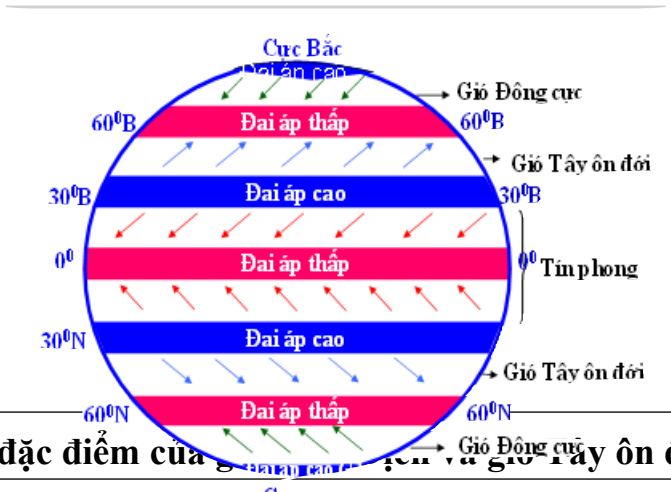	3,0
	b. So sánh đặc điểm của [illegible] và gió Tây ôn đới.	**2,5**
	- Giống nhau: là 2 loại gió hoạt động thường xuyên trên Trái Đất.	0,5

<table>
<tr><td></td><td>- Khác nhau:
<table>
<tr><th>Yếu tố</th><th>Gió Tín phong</th><th>Gió Tây ôn đới</th></tr>
<tr><td>Phạm vị</td><td>30^0 B và N về xích đạo.</td><td>30^0 B và N đến 60^0B và N ở mỗi bán cầu (áp cao cận nhiệt về hạ áp ôn đới).</td></tr>
<tr><td>Hướng</td><td>đông bắc ở Bắc bán cầu, đông nam ở Nam bán cầu.</td><td>Tây nam ở Bắc bán cầu, Tây bắc ở Nam bán cầu.</td></tr>
<tr><td>Nguyên nhân</td><td>chênh lệch khí áp giữa áp cao chí tuyến và áp thấp xích đạo.</td><td>chênh lêch khí áp giữa áp cao chí tuyến và áp thấp ôn đới.</td></tr>
<tr><td>Tính chất</td><td>khô, ít mưa.</td><td>ẩm, mang nhiều mưa.</td></tr>
</table></td><td>2,0</td></tr>
<tr><td></td><td>c. Giải thích</td><td>1,5</td></tr>
<tr><td></td><td>- Cùng xuất phát từ áp cao cận Chí tuyến nhưng gió Mậu dịch nói chung khô và ít gây mưa còn gió Tây ôn đới ẩm và gây mưa nhiều, nguyên nhân chủ yếu là do sự thay đổi nhiệt độ của các khu vực gió thổi đến.</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td></td><td>- Gió mậu dịch di chuyển đến các vùng có nhiệt độ trung bình cao hơn nên hơi nước càng tiến xa độ bão hòa, không khí càng trở nên khô.</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td></td><td>- Gió Tây ôn đới thổi về phía cực, vùng có khí hậu lạnh hơn nên sức chứa hơi nước giảm theo nhiệt độ, hơi nước nhanh chóng đạt tới độ bão hòa, vì thế gió Tây ôn đới luôn ẩm ướt và gây mưa.</td><td>0,5</td></tr>
</table>

.....HẾT.....

3. ĐỀ 3

Câu 1. 3 điểm

Tại sao lại có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất?

Câu 2. 1,5 điểm

Hình vẽ dưới đây thể hiện vị trí trái đất trên quỹ đạo vào ngày nào? Vì sao?

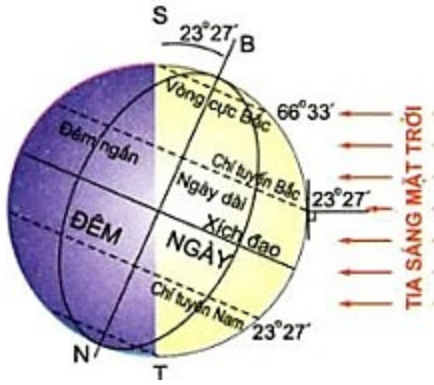

Câu 3. 2 điểm

Khoảng cách theo đường chim bay giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Nha Trang là 318km khoảng cách trên bản đồ đo được là 10,6cm. Vậy bản đồ đó có tỉ lệ là bao nhiêu?

Câu 4. 2,5 điểm

Em hãy vẽ hình thể hiện tám phương hướng chính được quy định trên bản đồ? Đối với các bản đồ không thể hiện các đường kinh tuyến, vĩ tuyến thì xác định phương hướng dựa vào đâu?

Câu 5. 4 điểm

Phân biệt sự giống và khác nhau giữa núi già và núi trẻ?

Câu 6. 3 điểm

Trình bày sự phân bố lượng mưa trên Trái Đất. Vì sao vùng xích đạo lại là nơi có lượng mưa nhiều nhất trên Trái Đất?

Câu7. 4 điểm

Đọc trích đoạn bài báo sau và kiến thức đã học hãy trả lời các câu hỏi sau:

a. Sông Mê Công bắt nguồn từ đâu? Dài bao nhiêu km và chảy qua những quốc gia nào? Vì sao ở Việt Nam sông này còn có tên là Cửu Long?

b. Nêu những thuận lợi mà sông Mê Công mang lại cho nước ta.

c. Người ta lo ngại điều gì về sông Mê Công trong thời gian gần đây? Theo em, cần làm gì để cứu vãn dòng sông này?

Dòng sông vĩ đại Mekong (Mê Công)

Sông Mekong uốn mình qua sáu nước Á châu và nuôi sống khoảng 100 triệu người, trong số đó có gần 100 nhóm dân và sắc tộc. Sông Mekong dài 4.350 km và là con sông dài nhất Đông Nam Á. Cũng vì chảy qua một số nước nên con sông này có

nhiều tên. Ở Việt Nam, sông này còn có tên là Cửu Long, nhưng tên phổ biến nhất là Mekong. Sông Mekong bắt nguồn từ sơn nguyên Tây Tạng. Nước chảy cuồn cuộn xuống sườn núi và tràn như sóng qua những hẻm núi sâu. Ở Trung Quốc, sông này được gọi là Lancang (Lạn Thương Giang). Đến khi rời đất nước này thì dòng sông đã chảy được gần nửa chiều dài và đổ xuống từ độ cao khoảng 4.500 mét. Phần sau của Sông Mekong chỉ đổ xuống từ độ cao 500 mét, vì vậy nước chảy êm hơn. Khi rời Trung Quốc, Sông Mekong trở thành biên giới của Myanmar và Lào, và cũng là phần lớn biên giới giữa Lào và Thái Lan. Tại Cam-pu-chia, Sông Mekong phân ra hai nhánh chảy vào Việt Nam gọi là sông Tiền và sông Hậu, rồi chia thành những nhánh nhỏ trước khi đổ ra Biển Đông.

Sông Mekong rất quan trọng cho nền kinh tế Đông Nam Á. Cả Vientiane, thủ đô của Lào, và Phnom Penh, thủ đô của Cam-pu-chia, đều là những thành phố cảng nằm bên sông. Vùng hạ lưu Sông Mekong là mạch sống của người Việt Nam tạo thành vùng đồng bằng rộng 40.000 kilômét vuông, với khoảng 3.200 kilômét đường sông. Sông đem nhiều nước và phù sa màu mỡ vào ruộng đồng, nhờ đó nông dân có thể gieo ba vụ lúa mỗi năm. Thật vậy, Việt Nam đứng hàng thứ nhì thế giới, chỉ sau Thái Lan về xuất khẩu gạo. Sông Mekong có khoảng 1.200 loại cá. Có một số loại, kể cả tôm, được người ta nuôi để kinh doanh ở Việt Nam. Năm 2005, người ta đã đánh lưới được một con cá tra Dầu trên sông Hậu nặng 290 kilôgam, có lẽ đó là con cá nước ngọt lớn nhất chưa từng thấy ở bất cứ nơi nào trên thế giới! Ngoài việc nuôi hàng triệu người, Sông Mekong còn là thủy lộ cho tàu bè đủ loại, từ đò đưa khách đến những thuyền lớn chở hàng và những chiếc tàu biển đầy hàng hóa qua lại trên sông. Con sông này cũng là nơi thu hút rất nhiều du khách. Nhiều người không chỉ đến Thác Khone, mà còn thích đi xa hơn nữa để đến Vientiane. Thành phố này nổi tiếng vì có những con kênh, những ngôi đền, và những căn nhà sàn. Vientiane cũng là trung tâm thương mại, chính trị và tôn giáo trong hơn 1.000 năm nay. Gần đây có những sự thay đổi dọc theo Sông Mekong làm người ta lo ngại. Đó là cách đánh cá bừa bãi, phá rừng, và xây những đập thủy điện khổng lồ. Người ta thấy dường như vô vọng trước tình trạng này. Tuy nhiên, tình thế còn có thể cứu vãn.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1

Khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày đêm kế tiếp nhau vì:

- Trái Đất có dạng hình cầu, do đó Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng đợc một nửa. Nửa chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. **1,5 điểm**

- Nhờ có sự vận động tự quay của Trái Đất từ Tây sang Đông nên ở khắp mọi nơi trên trái đất đều lần lợt có ngày và đêm. **1,5 điểm**

Câu 2

- Hình vẽ dưới đây thể hiện vị trí Trái Đất trên quỹ đạo vào ngày 22/6 **0,5 điểm**

- Vì ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến $23^0$27'B hay chí tuyến Bắc **1,0 điểm**

Câu 3

- Đổi: 318km = 31.800.000cm. **0,5 điểm**

- Bản đồ đã thu nhỏ số lần là: 31.800.000 : 10,6 = 3.000.000 (lần). **1 điểm**

Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:3.000.000. **0,5 điểm**

Câu 4

- Vẽ: **2 điểm**

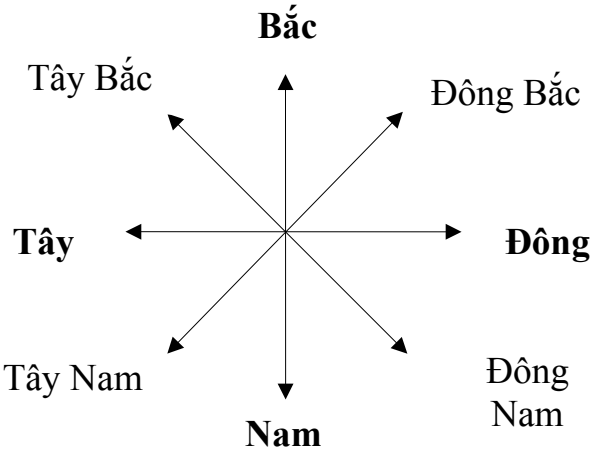

- Đối với các bản đồ không thể hiện các đường kinh tuyến, vĩ tuyến thì xác định phương hướng dựa vào mũi tên chỉ hướng Bắc trên bản đồ **0,5 điểm**

Câu 5

* Giống: **1 điểm**

- Đều là địa hình miền núi có độ cao trên 500m so với mực nước biển.
- Có thời gian hình thành hàng triệu năm.

* Khác: **3,0 điểm**

Núi trẻ	**Núi già**
- Hình thành cách đây khoảng vài chục triệu năm.	- Hình thành từ rất lâu, cách đây hàng trăm triệu năm.
- Đỉnh nhọn, cao	- Đỉnh tròn, thấp
- Sườn dốc	- Sườn thoải
- Thung lũng hẹp, sâu	- Thung lũng rộng.

Câu 6.

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều theo vĩ độ: Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo, mưa tương đối ít ở hai vùng chí tuyến Bắc và Nam, mưa nhiều ở hai vùng ôn đới, mưa càng ít, khi càng về gần hai cực Bắc và Nam. **1 điểm**

- Lượng mưa trên Trái Đất còn phân bố không đều do ảnh hưởng của đại dương: Mưa nhiều hay ít còn phụ thuộc vào vị trí gần hay xa đại dương và dòng biển nóng hay dòng biển lạnh chảy ven bờ. **1 điểm**

- Vùng xích đạo là nơi có lượng mưa nhiều nhất do:

+ Khí áp thấp, nhiệt độ cao, nước bốc hơi mạnh. **0,5 điểm**

+ Khu vực chủ yếu là đại dương và rừng xích đạo ẩm ướt chứa nhiều hơi ẩm. **0,5 điểm**

Câu 7.

a. Sông Mê Công bắt nguồn từ đâu? Dài bao nhiêu km và chảy qua những quốc gia nào? Vì sao ở Việt Nam sông này còn có tên là Cửu Long? 1,5 điểm

- Sông Mekong bắt nguồn từ sơn nguyên Tây Tạng, dài 4350km. **0,5 điểm**

- Sông chảy qua 6 nước: Trung Quốc, Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. **0,5 điểm**

- Ở Việt Nam sông Mê Công có tên là Cửu Long do các nhánh sông chảy ra biển Đông bằng 9 cửa nên được gọi là Cửu Long (chín con rồng): Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Bát Xắc, Định An và Tranh Đề. **0,5 điểm (thiếu tên cửa sông trừ 0,25 điểm)**

b. Nêu những thuận lợi mà sông Mê Công mang lại cho nước ta. 1,5 điểm gồm 6 ý, mỗi ý 0,25 điểm

- Sông Mekong là mạch sống của người Việt Nam tạo thành vùng đồng bằng rộng 40.000 kilômét vuông, với khoảng 3.200 kilômét đường sông.

- Sông đem nhiều nước và phù sa màu mỡ vào ruộng đồng, nhờ đó nông dân có thể gieo ba vụ lúa mỗi năm. Thật vậy, Việt Nam đứng hàng thứ nhì thế giới, chỉ sau Thái Lan về xuất khẩu gạo.

- Sông Mekong có khoảng 1.200 loại cá. Có một số loại, kể cả tôm, được người ta nuôi để kinh doanh ở Việt Nam.

- Năm 2005, người ta đã đánh lưới được một con cá tra Dầu trên sông Hậu nặng 250 kilôgam, có lẽ đó là con cá nước ngọt lớn nhất chưa từng thấy ở bất cứ nơi nào trên thế giới!

- Ngoài việc nuôi hàng triệu người, Sông Mekong còn là thủy lộ cho tàu bè đủ loại, từ đò đưa khách đến những thuyền lớn chở hàng và những chiếc tàu biển đầy hàng hóa qua lại trên sông.

- Con sông này cũng là nơi thu hút rất nhiều du khách.

c. Người ta lo ngại điều gì về sông Mê Công trong thời gian gần đây? Theo em, cần làm gì để cứu vãn dòng sông này? 1,0 điểm

- Lo ngại: cách đánh cá bừa bãi, phá rừng, và xây những đập thủy điện khổng lồ. Người ta thấy dường như vô vọng trước tình trạng này. **0,5 điểm**

- Biện pháp: **0,5 điểm** nêu được 2 trong các biện pháp sau: nghiêm cấm việc đánh cá bừa bãi, phá rừng; kiểm lâm, kiểm ngư chặt chẽ, trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn sông, tăng cường đàm phán giữa các nước để ngăn chặn việc xây đập thủy điện nhằm cứu vãn dòng sông này.

Hết

4. Đề 4

Câu 1: (2,5 điểm)

Muốn xác định phương hướng trên bản đồ ta phải làm gì?

Câu 2: (2 điểm)

Vì sao có hiện tượng các mùa nóng lạnh khác nhau trên Trái Đất?

Câu 3: (2 điểm)

Đất là gì? Trình bày đặc điểm 2 thành phần chính của đất?

Câu 4: (3 điểm)

Trình bày đặc điểm cấu tạo của lớp vỏ Trái Đất? Nêu rõ vai trò của nó đối với hoạt động sống của con người?

Câu 5: (3 điểm)

Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu, đó là những đới nào? Trình bày giới hạn, đặc điểm khí hậu của đới nóng? Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào?

Câu 6: (3 điểm)

Hãy trình bày khái quát hệ quả các chuyển động của Trái Đất?

Câu 7: (3 điểm)

Thế nào là nội lực, ngoại lực, hãy nêu tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất?

Câu 8: (2 điểm)

Khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B là 120km. Trên một bản đồ Việt Nam, khoảng cách đó đo được giữa hai thành phố là 20cm. Vậy bản đồ đó có tỉ lệ là bao nhiêu?

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: (2 điểm)

- Muốn xác định phương hướng trên bản đồ phải dựa vào các đường kinh tuyến, vĩ tuyến. (0,5 điểm)
- Đầu trên của kinh tuyến là hướng bắc, đầu phía dưới là hướng nam. (0,5 điểm)
- Đầu phía bên phải của vĩ tuyến là hướng đông, đầu phía bên trái là hướng tây. (0,5 điểm)
- Nếu bản đồ không vẽ kinh tuyến và vĩ tuyến ta phải dựa vào mũi tên chỉ hướng bắc sau đó xác định các hướng còn lại theo quy ước. (0,5 điểm)

Câu 2: (2 điểm)

- Khi chuyển động trên quỹ đạo trục Trái Đất có độ nghiêng không đổi và luôn hướng về một phía nên hai nửa cầu Bắc và Nam luân phiên nhau ngả về phía Mặt Trời. (1 điểm)
- Thời gian nửa cầu nào ngả về phía Mặt Trời thì có góc chiếu lớn, nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt là mùa nóng ở nửa cầu đó. (0,5 điểm)
- Nửa cầu nào chếch xa Mặt Trời thì có góc chiếu nhỏ, nhận được ít ánh sáng và nhiệt là mùa lạnh ở nửa cầu đó. (0,5 điểm)

Câu 3: (2 điểm)

- Lớp đất là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa. (0,5 điểm)
- Hai thành phần chính của đất là:
    - Thành phần khoáng:
        - Chiếm phần lớn trọng lượng của đất. (0,25 điểm)
        - Gồm những hạt khoáng có màu sắc loang lổ và kích thước to nhỏ khác nhau. (0,5 điểm)
    - Thành phần hữu cơ:
        - Chiếm một tỉ lệ nhỏ. (0,25 điểm)

- Tồn tại chủ yếu trong tầng trên cùng của lớp đất. Chất hữu cơ tạo thành chất mùn có màu đen hoặc xám thẫm. (0,5 điểm)

Câu 4: (3 điểm)

- Cấu tạo Lớp vỏ Trái Đất
  - Là lớp vỏ cứng, mỏng (độ dày dao động từ 5 km ở đại dương đến 70 km ở lục địa) chiếm 1% thể tích và 15% khối lượng của Trái Đất. (1 điểm)
- Càng xuống sâu nhiệt độ càng cao nhưng tối đa chỉ tới 1000^0C
  - Vỏ Trái Đất được cấu tạo do một địa mảng nằm kề nhau, các địa mảng này có bộ phận lồi cao trên mực nước biển là lục địa, các đảo, còn bộ phận trũng thấp nước bao phủ là đại dương. (1 điểm)
- Vai trò: đối với đời sống và hoạt động của con người là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên khác như: không khí, nước, sinh vật và là nơi sinh sống hoạt động của xã hội loài người. (1 điểm)

Câu 5: (3 điểm)

- Trên Trái Đất có 5 đới khí hậu: đó là đới nóng (nhiệt đới) hai đới hàn đới (ôn hoà) hai đới lạnh (hàn đới). (0,5 điểm)
- Giới hạn và đặc điểm: từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam. (0,5 điểm)
- Đặc điểm: Quanh năm góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời lúc giữa trưa tương đối lớn, thời gian chiếu sáng chênh nhau ít, lượng nhiệt nhận được trong năm lớn. (0,5 điểm)
- Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Tín phong. (0,5 điểm)
- Lượng mưa Tb từ 1000 - 2000 mm. (0,5 điểm)
- Việt Nam nằm trong đới nóng (Nhiệt đới) (0,5 điểm)

Câu 6: (3 điểm)

- Trái Đất cùng một lúc có hai vận động là chuyển động tự quay quanh trục và chuyển động quanh Mặt Trời (1 điểm)
- Hệ quả của các chuyển động :
  - Vận động tự quay: Hiện tượng ngày và đêm kế tiếp nhau không ngừng, ở khắp mọi nơi sự lệch hướng chuyển động của các vật thể. (1 điểm)
  - Chuyển động quanh Mặt Trời: Hiện tượng các mùa và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa. (1 điểm)

Câu 7: (3 điểm)

- Nội lực là: những lực sinh ra ở bên trong Trái Đất, có tác động nén ép vào các lớp đá làm cho chúng bị uốn nếp, đứt gãy hay đẩy các vật chất nóng chảy ở dưới sâu ra ngoài mặt đất thành hiện tượng núi lửa hoặc động đất. (1 điểm)
    - Tác động đến địa hình: có nơi được nâng cao hình thành các dãy núi, có nơi bị hạ thấp... làm cho địa hình gồ ghề. (0,5 điểm)
- Ngoại lực là: lực sinh ra bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất, chủ yếu gồm có hai quá trình: quá trình phong hoá các loại đá và quá trình xâm thực (do gió, nước chảy). (1 điểm)
    - Tác động của nhiệt độ, gió, mưa, nước chảy... nên bề mặt của địa hình bị bào mòn, hạ thấp.... (0,5 điểm)

Câu 8: (2 điểm)

Khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B là:

- Đổi 120km = 12.000.000cm. (0,5 điểm)

- 12.000.000cm : 20cm = 600.000 (1 điểm)

=> Vậy tỉ lệ bản đồ đó là : 1: 600.000 (0,5 điểm)

Hết

5. ĐỀ 5

Câu 1: (2,5 điểm)

Hãy vẽ một đường tròn tượng trưng cho Trái Đất và ghi trên đó: Cực Bắc, cực Nam, đường xích đạo, nửa cầu Bắc, nửa cầu Nam.

Câu 2: (2,5 điểm)

Nêu đặc điểm của gió Tây ôn đới.

Câu 3: (3 điểm)

Một bức điện tín được gửi đi từ Tô-ky-ô (múi 9) lúc 11h ngày 11/11/2017 đến Cai-rô. Sau 2h đã đến tay người nhận lúc 6h ngày 11/11/2017. Cho biết Cai-rô ở múi giờ thứ mấy?

Câu 4: (4 điểm)

Trên bề mặt trái đất có những dạng địa hình nào? Nêu sự giống và khác nhau giữa địa hình bình nguyên và cao nguyên? Địa phương em thuộc dạng địa hình nào?

Câu 5: (2 điểm)

Con người đã tác động như thế nào đến sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất?

Câu 6: (2 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

Thời gian	Nhiệt độ không khí
5 giờ	20°C
13 giờ	24°C
21 giờ	22°C

Hãy tính nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó tại Hà Nội và nêu cách tính?

Câu 7: (4 điểm)

Lớp vỏ khí được chia thành mấy tầng? Nêu vị trí, đặc điểm của tầng đối lưu?

---------- **Hết** ----------

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: 2,5 điểm

Vẽ mô hình Trái Đất. (Vẽ được vòng tròn 0,5đ, điền đúng mỗi ý đạt 0,5 đ)

Câu 2: 2,5 điểm

- Phạm vi hoạt động: 30^0 B và N đến 60^0 B và N ở mỗi bán cầu (áp cao cận nhiệt về hạ áp ôn đới). 0,5đ

- Thời gian: Gần như quanh năm. 0,5đ

- Hướng: Tây nam ở Bắc bán cầu, Tây nam ở Nam bán cầu. 0,5đ

- Nguyên nhân: chênh lêch khí áp giữa áp cao chí tuyến và áp thấp ôn đới. 0,5đ

- Tính chất: ẩm, mang nhiều mưa. 0,5đ

Câu 3: 3 điểm

- Sau 2h bức điện tín đến tay người nhận lúc 6h ngày 11/11/2017, vậy khi bức điện tín được gửi đi từ Tô-ky-ô thì giờ ở Cai-rô là 6h – 2h = 4h ngày 11/11/2017. 1,0đ

- Vậy ở cùng thời điểm khi bức điện tín được gửi đi thì giờ ở Tô-ky-ô sớm hơn Cai-rô và thời gian chênh lệch với Cai-rô là 11h ngày 11/11/2017 – 4h ngày 11/11/2017 = 7h. 1,0đ

- Vậy múi giờ ở Cai-rô = múi giờ ở Tô-ky-ô – khoảng thời gian chênh lệch giữa Tô-ky-ô và Cai-rô = 9 – 7 = 2. 1,0đ

Câu 4: 4 điểm

* Các dạng địa hình chủ yếu trên bề mặt trái đất: Có 4 dạng: Núi, cao nguyên, bình nguyên và đồi. (Mỗi ý đạt 0,25đ)

* Sự giống và khác nhau giữa bình nguyên và cao nguyên:

- Giống nhau**:** Đều có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng (0,5 điểm).

- Khác nhau**:**

+ Bình nguyên**:** Là dạng địa hình thấp thường có độ cao tuyệt đối dưới 200m. (0,75 điểm).

+ Bình nguyên do băng hà bào mòn hoặc do phù sa bồi tụ thuận lợi cho trồng cây lương thực và thực phẩm. (0,75 điểm).

+ Cao nguyên**:** Có độ cao tuyệt đối trên 500m sườn dốc, cao nguyên thuận lợi cho trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc. (0,5 điểm).

* Địa phương em thuộc địa hình đồng bằng (TPHCM) (0,5 điểm).

Câu 5: 2 điểm

- Tác động tích cực: con người đã mở rộng phạm vi phân bố của thực vật và động vật bằng cách mang các giống cây trồng vật nuôi từ nơi này đến nơi khác. (1 điểm)
- Tác động tiêu cực: con người đã thu hẹp nơi sinh sống của nhiều loài thực, động vật, việc khai thác rừng bừa bãi làm cho nhiều loài thực, động vật mất nơi cư trú, phải di chuyển đến nơi khác. (1 điểm)

Câu 6: 2 điểm

- Nhiệt độ Tb ngày của Hà Nội là (20 + 24 + 22) : 3 = 22^0C (1 điểm)
- Cách tính nhiệt độ trung bình ngày: cộng nhiệt độ của 3 thời điểm đã đo, sau đó chia cho 3. (1 điểm)

Câu 7: 4 điểm

- Lớp vỏ khí được chia thành ba tầng (0,25 điểm)
    - Tầng đối lưu (0,25 điểm)
    - Tầng bình lưu (0,25 điểm)

- Các tầng cao của khí quyển (0,25 điểm)

- Tầng đối lưu là tầng quan trọng nhất (0,5 điểm)
- Vị trí: 0 – 16km là tầng sát mặt đất (0,5 điểm)
- Đặc điểm:
  - Tập trung 90% không khí của khí quyển, không khí càng lên cao càng loãng (1 điểm)
  - Luôn có sự chuyển động của không khí theo chiều thẳng đứng. (0,5 điểm)
  - Trung bình, cứ lên cao 100m, thì nhiệt độ lại giảm $0,6^0$C. (0,5 điểm)
  - Là nơi sinh ra tất cả các hiện tượng như: mây, mưa, sấm, chớp…(0,5 điểm)

Hết

6. ĐỀ 6

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (6 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất: (**2 điểm**)

Câu 1: Khoáng sản nội sinh được hình thành do hoạt động của mắc ma trong lòng đất, gồm các loại như:

A. Than đá, cao lanh…
B. Đá vôi, hoa cương…
C. Đồng, chì, sắt…
D. Apatit, dầu khí…

Câu 2: Thành phần nào của không khí duy trì sự sống các sinh vật và sự cháy?

A. Hơi nước
B. Khí cacbonic
C. Khí nitơ
D. Khí Ôxi

Câu 3: Gió là sự chuyển động của không khí:

A.Từ nơi có khí áp cao đến nơi có khí áp thấp.
B. Từ vùng vĩ độ thấp đến vùng vĩ độ cao.
C. Từ nơi có nhiệt độ cao đến nơi có nhiệt độ thấp.
D. Từ biển vào đất liền.

Câu 4: Trên Trái đất có các loại gió nào thổi thường xuyên?

A. Gió mùa mùa hạ.

B. Gió tín phong, gió tây ôn đới, gió đông cực.

C. Gió đất và gió biển.

D. Gió mùa mùa đông.

Câu 5. Nối một ý ở cột A với một ý ở cột B sao cho phù hợp (**2 điểm**)

A (Các khối khí)	**Nối**	**B (vị trí hình thành)**
Nóng	A –	1: Ở các vùng có vĩ độ cao
Lạnh	B –	2: Ở các vùng có vĩ độ thấp
Đại dương	C –	3: Trên đất liền
Lục địa	D -	4: Trên biển và đại dương

Câu 6: Điền các cụm từ vào chỗ ba chấm (…) của các câu sau đây sao cho đúng: (**2 điểm**)

a. Nằm giữa hai chí tuyến là đới khí hậu……; ở đây có gió…..thổi thường xuyên.

b. Trên bề mặt Trái đất, ở các vùng có vĩ độ thấp thì có nhiệt độ không khí….; càng lên các vùng có vĩ độ cao, nhiệt độ không khí càng…

II. TỰ LUẬN: (14 điểm)

Câu 7. (3,5 điểm)

a. Khoảng cách từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105 km. Trên bản đồ Việt Nam khoảng cách giữa hai thành phố trên đo được 15cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?

b. Trên bản đồ có tỉ lệ số 1: 600.000. Tính 3cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km trên thực địa?

Câu 8: (**1,5 điểm**): Mưa là gì? Nêu các trường hợp dẫn đến mưa?

Câu 9: (**3 điểm**): Sông là gì? Hệ thống sông gồm những bộ phận nào? Kể tên một số hệ thống sông lớn ở nước ta mà em biết.

Câu 10: (**2 điểm**): Thủy triều là gì? Nguyên nhân sinh ra thủy triều?

Câu 11: (4 điểm): **Đọc trích đoạn bài báo sau đây, hãy trình bày về tiềm năng và thực trạng rừng Việt Nam theo dàn ý sau:**

a. Vì sao rừng được xem là nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia?

b. Nêu những nguyên nhân làm cho rừng Việt Nam bị thu hẹp.

c. Rừng bị thu hẹp đã gây ra những hậu quả gì?

d. Để khắc phục hậu quả trên, nhân dân ta cần có biện pháp gì?

Rừng Việt Nam trước và nay

Rừng không những là cơ sở phát triển kinh tế - xã hội mà còn giữ chức năng sinh thái cực kỳ quan trọng: rừng tham gia vào quá trình điều hoà khí hậu, đảm bảo chu chuyển ôxy và các nguyên tố cơ bản khác trên hành tinh, duy trì tính ổn định và độ màu mỡ của đất, hạn chế lũ lụt, hạn hán, ngăn chặn xói mòn đất, làm giảm nhẹ sức tàn phá khốc liệt của các thiên tai, bảo tồn nguồn nước mặt và nước ngầm và làm giảm mức ô nhiễm không khí và nước.

Trước đây phần lớn đất nước Việt Nam có rừng che phủ, nhưng chỉ khoảng một thế kỷ qua, rừng bị suy thoái nặng nề. Trong thời kỳ Pháp thuộc, nhiều vùng đất rộng lớn ở phía Nam đã bị khai phá để trồng cà phê, cao su, chè và một số cây công nghiệp khác. Vào khoảng giữa thế kỷ XX, hầu như các khu rừng thuộc châu thổ sông Hồng, một phần lớn châu thổ sông Cửu Long cùng với các khu rừng trên đất thấp ven biển đã bị khai phá để trồng trọt và xây dựng xóm làng. Vào lúc này độ che phủ của rừng còn lại 43% diện tích đất tự nhiên. Ba mươi năm chiến tranh tiếp theo là giai đoạn mà rừng Việt Nam bị thu hẹp lại khá nhanh. Trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay, chiều hướng biến động rừng cơ bản vẫn ở tình trạng suy thoái, còn xa mức ổn định và mức cần thiết để bảo vệ môi trường.

Sự mất mát và suy giảm rừng là không thể bù đắp được và đã gây ra nhiều tổn thất lớn về kinh tế, về công ăn việc làm và cả về phát triển xã hội một cách lâu dài. Những trận lụt rất lớn trong mấy năm qua ở hầu khắp các vùng của đất nước, từ Bắc chí Nam, từ miền núi đến miền đồng bằng, nhất là các trận lụt ở sáu tỉnh miền Trung, ở Đồng bằng sông Cửu Long, các trận lũ quét ở một số tỉnh miền Bắc, đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề về nhân mạng, mùa màng, nhà cửa, ruộng vườn, đường sá... một phần quan trọng cũng do sự suy thoái rừng, nhất là rừng đầu nguồn bị tàn phá quá nhiều.

Nhận thức được việc mất rừng là tổn thất nghiêm trọng đang đe dọa sức sinh sản lâu dài của nguồn tài nguyên có khả năng tái tạo, nhân dân Việt Nam đang thực hiện một chương trình rộng lớn nhằm xanh hóa những vùng đất bị tổn thất do chiến tranh và sửa chữa những sai lầm trong công cuộc phát triển thiếu quy hoạch của mình trong những năm qua.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (6 điểm)

Mỗi câu đúng 0,5 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	D	A	B

Câu 5: Nối đúng mỗi ý 0,5 điểm

A – 2 B – 1 C – 4 D – 3

Câu 6: Điền đúng mỗi ý 0,5 điểm

a: Nhiệt đới; Tín Phong

b: Cao; thấp

II. TỰ LUẬN (14 điểm)

Câu 7 (3,5 điểm)

a. Đổi 105km = 10.500.000cm (0,5 điểm)

- Bản đồ đã thu nhỏ: 10.500.000 : 15 = 700.000 (lần) (1 điểm)

- Vậy tỉ lệ bản đồ là: 1:700.000 (0,5 điểm)

b. Làm phép tính: 3cm x 600.000 = 1.800.000cm (1 điểm)

- Đổi ra km: 1.800.000cm = 18km (0,5 điểm)

Câu 8: (1,5 điểm)

Mưa là kết quả cuối cùng của sự ngưng tụ hơi nước. Có 2 trường hợp dẫn đến sự ngưng tụ và sinh ra mưa (0,5 điểm)

- Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước. (0,5 điểm)
- Không khí chưa bão hòa nhưng gặp lạnh nên co lại. (0,5 điểm)

Câu 9: (3 điểm)

- Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt đất (1 điểm)

- Hệ thống sông gồm: (1 điểm)

- Sông chính
- Các phụ lưu
- Các chi lưu

- Các hệ thống sông (HTS) lớn ở nước ta: HTS Hồng, HTS Cửu Long, HTS Thái Bình, HTS Đồng Nai (1 điểm)

Câu 10 (2 điểm)

- Thủy triều là hiện tượng nước biển lên xuống theo một quy luật (1 điểm)
- Nguyên nhân: Do lực hút giữa mặt trăng, mặt trời với Trái đất (1 điểm)

Câu 11 (4 điểm)

Nội dung	**Điểm**
a. Vì sao rừng được xem là nguồn tài nguyên quý giá của quốc gia? - Rừng tham gia vào quá trình điều hoà khí hậu, đảm bảo chu chuyển ôxy và	

các nguyên tố cơ bản khác trên hành tinh,	0,25
- Duy trì tính ổn định và độ màu mỡ của đất, hạn chế lũ lụt, hạn hán,	0,25
- Ngăn chặn xói mòn đất, làm giảm nhẹ sức tàn phá khốc liệt của các thiên tai,	0,25 0,25
- Bảo tồn nguồn nước mặt và nước ngầm và làm giảm mức ô nhiễm không khí và nước.	
b. Nêu những nguyên nhân làm cho rừng Việt Nam bị thu hẹp.	0,25
- Trong thời kỳ Pháp thuộc, nhiều vùng đất rộng lớn ở phía Nam đã bị khai phá để trồng cà phê, cao su, chè và một số cây công nghiệp khác.	0,5
- Vào khoảng giữa thế kỷ XX, hầu như các khu rừng thuộc châu thổ sông Hồng, một phần lớn châu thổ sông Cửu Long cùng với các khu rừng trên đất thấp ven biển đã bị khai phá để trồng trọt và xây dựng xóm làng.	0,25
- Ba mươi năm chiến tranh tiếp theo là giai đoạn mà rừng Việt Nam bị thu hẹp lại khá nhanh.	
c. Rừng bị thu hẹp đã gây ra những hậu quả gì?	0,25
- Gây ra nhiều tổn thất lớn về kinh tế, về công ăn việc làm và cả về phát triển xã hội một cách lâu dài.	0,5
- Những trận lụt rất lớn trong mấy năm qua ở hầu khắp các vùng của đất nước, từ Bắc chí Nam, từ miền núi đến miền đồng bằng, nhất là các trận lụt ở sáu tỉnh miền Trung, ở Đồng bằng sông Cửu Long,	0.25
- Các trận lũ quét ở một số tỉnh miền Bắc, đã gây ra nhiều tổn thất nặng nề về nhân mạng, mùa màng, nhà cửa, ruộng vườn, đường sá...	0,5
d. Để khắc phục hậu quả trên, nhân dân ta cần có biện pháp gì?	0,5
+ Thực hiện một chương trình rộng lớn nhằm xanh hóa những vùng đất bị tổn thất do chiến tranh.	
+ Sửa chữa những sai lầm trong công cuộc phát triển thiếu quy hoạch của mình trong những năm qua.	

Hết

7. ĐỀ 7

Câu 1: (3,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

Diện tích phần đất nổi các lục địa	Diện tích biển và đại dương	Tổng diện tích bề mặtTrái Đất
149 (triệu km^2)	361 (triệu km^2)	510 (triệu km^2)

Em hãy tính tỉ lệ phần trăm phần diện tích đất nổi và phần diện tích biển và đạidương so với tổng diện tích bề mặt Trái Đất?

Câu 2: (5,0 điểm)

a) Cho biết cấu tạo và vai trò của lớp vỏ Trái Đất? Lớp vỏ Trái Đất hình thành có mấy địa mảng lớn?

b) Tại sao người ta nói rằng nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau?

Câu 3: (2,0 điểm) Trên một bản đồ có tỉ lệ số là 1: 750 000, người ta đo được khoảng cách từ A đến B là 12 cm, từ A đến C là 15 cm. Em hãy cho biết trên thực tế khoảng cách từ A đến B và từ A đến C là bao nhiêu km?

Câu 4: (4,0 điểm)

a) Trình bày các hệ quả của sự chuyển động quanh trục và quanh Mặt Trời của Trái Đất?

b) Vì sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất?

Câu 5: (6,0 điểm)

a) Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ không khí?

b) Em hãy cho biết sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu?

c) Tại địa phương em vào ngày 8/3/2021 người ta đo được nhiệt độ trong ngày hôm đó như sau: Vào lúc 5 giờ là: 20^0C; lúc 13 giờ là 27^0C và lúc 21 giờ là 21^0C. Em hãy cho biết cách tính nhiệt độ trung bình ngày và tính nhiệt độ trung bình ngày hôm đó?

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: (3,0điểm)

- Tỉ lệ % diện tích đất nổi là: (1,5 điểm) (149 : 510) x 100 = 29,2 %

- Tỉ lệ % diện tích biển và đại dương là: (1,5 điểm) (361 : 510) x 100 = 70,8%.

Câu 2 : (5,0 điểm)

a)

- Cấu tạo và vai trò:

+ Lớp vỏ Trái Đất được cấu tạo do một số địa mảng nằm kề nhau. (0,5 điểm)

. Lớp này mỏng chỉ chiếm 1% thể tích và 0,5% khối lượng của Trái Đất. (0,5 điểm)

. Dày từ 5- 7km ở trạng thái rắn chắc. (0,5 điểm)

+ Vai trò: Lớp vỏ Trái Đất là nơi tồn tại các thành phần tự nhiên như: Không khí, nước, sinh vật...có vai trò quan trọng trong đời sống, sinh hoạt của sinh vật, con người trên Trái Đất. (0,5 điểm)

- Lớp vỏ Trái Đất hình thành do bảy địa mảng lớn. Và một số địa mảng nhỏ. (0,5 điểm)

b)

- Nội lực là lực sinh ra ở bên trong Trái Đất. (0,25 điểm)

+ Tác động nội lực làm cho bề mặt Trái Đất thêm gồ ghề có nơi nâng cao, có nơi hạ thấp. (0,5 điểm)

+ Làm cho các lớp đất đá bị uốn nếp, đứt gãy sinh ra hiện tượng núi lửa và động đất. (0,5 điểm)

- Ngoại lực là lực sinh ra ở bên ngoài, trên bề mặt Trái Đất. (0,25 điểm)

+ Chủ yếu gồm hai quá trình: phong hóa các loại đá và quá trình xâm thực. (0,5 điểm)

+ Tác động của ngoại lực thiên về san bằng, hạ thấp địa hình (0,5 điểm)

Câu 3: (2,0 điểm)

- Khoảng cách từ A đến B là: (1,0 điểm) 12 cm x 750 000 = 9 000 000 cm = 90 km

- Khoảng cách từ A đến C là: (1,0 điểm) 15 cm x 750 000 = 11 250 000 cm = 112,5 km

Câu 4: (4,0 điểm)

a) Hệ quả của sự chuyển động Trái Đất: (2,0 điểm)

- Tự quay quanh trục: (1,0 điểm)

+ Sinh ra sự luân phiên giữa ngày và đêm (0,5 điểm)

+ Sinh ra lực làm lệch các vật thể chuyển động (0,5 điểm)+

- Quay quanh Mặt Trời: (1,0 điểm)

+ Hiện tượng các mùa trong năm. (0,5 điểm)

+ Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ. (0,5 điểm)

b) Vì sao có hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất.

- Trái Đất có hình dạng cầu, do đó Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. (1,0 điểm)

- Do sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất từ Tây sang Đông nên ở khắp mọi nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm. (1,0 điểm)

Câu 5: (6,0 điểm)

* Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi của nhiệt độ không khí: (3,0 điểm)

- Vĩ độ địa lí: Không khí ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở vùng vĩ độ cao. (1,0 điểm)

- Độ cao: Trong tâng đối lưu càng lên cao nhiệt độ không khí càng giảm . (1,0 điểm) - Vị trí gần hay xa biển: Nhiệt độ không khí ở gần hay xa biển có sự khác nhau. (1,0 điểm)

* Sự khác nhau giữa thời tiết và khí hậu: (2,0 điểm)

- Thời tiết là sự biểu hiện của các hiện tượng khí tượng ở một địa phương, trong một thờigian ngắn. (1,0 điểm)

- Khí hậu là sự lặp đi lặp lại của tình hình thời tiết ở một địa phương trong nhiều năm (1,0 điểm)

* Nhiệt độ trung bình ngày:

- Cách tính: Nhiệt độ trung bình = Tổng nhiệt độ các lần đo chia cho số lần đo. (0,5 điểm)

- Tính nhiệt độ trung bình ngày 8/3: $(20^0C + 27^0C + 21^0C) : 3 = 22,6^0C$ (0,5 điểm)

Hết

8. ĐỀ 8

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. *(0,5 điểm)* Thành phần không khí bao gồm:

A. Nitơ 1%, Ôxi 21%, Hơi nước và các khí khác 78%.

B. Ni tơ 78%, Ôxi 1%, Hơi nước và các khí khác 21%.

C. Nitơ 78%, Ô xi 21%, Hơi nước và các khí khác 1%.

D. Nitơ 78%, Ô xi 1%, Hơi nước và các khí khác 21%

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong tầng đối lưu, càng lên cao thì nhiệt độ:

A. Càng giảm **B.** Tăng tối đa

C. Càng tăng **D.** Không đổi

Câu 3. *(0,5 điểm)* Lượng hơi nước trong không khí tuy nhỏ nhưng là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa, gió, bão. Hiện tượng này xảy ra ở:

A. Tầng đối lưu

B. Tầng bình lưu

C. Các Tầng cao của khí quyển

D. Tầng Ô dôn

Câu 4. *(0,5 điểm)* Dựa vào số ghi tỉ lệ bản đồ là 1:5.000.000, cho biết 2cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km trên thực địa:

A. 100cm

B. 100km

C. 10cm

D. 10km

Câu 5. *(0,5 điểm)* Gió là sự chuyển động của không khí từ:

A. Từ nơi khí áp cao đến nơi khí áp thấp

B. Từ vùng vĩ độ thấp đến vùng vĩ độ cao

C. Từ đất liền ra biển

D. Từ biển vào đất liền

Câu 6. *(0,5 điểm)* Trên Trái Đất có những loại gió thường xuyên nào?

A. Gió Tín Phong, Tây Ôn Đới, Đông Cực

B. Gió lào và gió mùa đông bắc

C. Gió Đông Cực và gió Tín Phong

D. Gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc

Câu 7. *(0,5 điểm)* Khối khí nóng hình thành:

A. Ở vĩ độ thấp

B. Ở vĩ độ cao

C. Ở lục địa

D. Ở biển và đại dương

Câu 8. *(0,5 điểm)* Đới khí hậu ôn hoà (ôn đới) là vùng có giới hạn:

A. Từ xích đạo đến hai chí tuyến bắc, nam.

B. Từ chí tuyến bắc đến chí tuyến nam.

C. Từ vòng cực bắc,nam đến cực bắc, nam.

D. Từ 2 chí tuyến đến hai vòng cực.

Câu 9. *(0,5 điểm)* Gió thổi thường xuyên quanh năm ở vùng Xích đạo là gió:

A. Gió tín phong

B. Gió tây ôn đới

C. Gió đông cực

D. Gió mùa

Câu 10. *(0,5 điểm)* Ảnh hưởng của con người đến sự mở rộng phân bố thực *không phải* là:

A. Lai tạo ra nhiều giống cây trồng

B. Mang cây trồng từ nơi này đến nơi khác

C. Khai thác rừng bừa bãi

D. Trồng và bảo vệ rừng

II. Phần Tự Luận (15 điểm)

Câu 11. (4,0 điểm) Một trận bóng đá giữa Liverpool và Realmandrid diễn ra ở sân vận động tại Anh (múi 0) lúc 20h ngày 15/3/2021. Hỏi thủ đô một số nước sau đây là ngày, giờ nào?

- Hà Nội (múi 7)

- Bắc Kinh (múi 8)

- Mat-xcơ-va (múi 3)

- Oa-sinh-tơn (múi -5)

Câu 12. (*3,0 điểm*) Hãy giải thích câu tục ngữ Việt Nam:

“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,

Ngày tháng mười chưa cười đã tối’’

Câu 13. *(2,5 điểm)* Trên Trái Đất có những loại khoáng sản nào? Nêu rõ công dụng của chúng và giải thích tại sao cần phải khai thác, sử dụng các mỏ khoáng sản một cách hợp lí và tiết kiệm?

Câu 14. (*3,0 điểm*) Nêu các loại địa hình chủ yếu trên bề mặt Trái Đất? Đồi và cao nguyên khác nhau như thế nào?

Câu 15. *(2,5 điểm)* Khí áp và gió là gì? Nguyên nhân nào sinh ra gió?

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm 5 điểm

Câu 1: (0,5 điểm)

Chọn: C.

Câu 2: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 3: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 4: (0,5 điểm)

Chọn: B.

Câu 5: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 6: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 7: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 8: (0,5 điểm)

Chọn: D.

Câu 9: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 10: (0,5 điểm)

Chọn: C.

II. Tự luận 15 điểm

Câu 11 (4 điểm)

* Tìm khoảng cách chênh lệch giữa múi giờ ở khu vực giờ gốc với múi giờ ở các thủ đô: mỗi ý 0,5 điểm x 4 = 2 điểm

- Do Hà Nội nằm ở phía Đông của khu vực giờ gốc nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 7 – 0 = 7 múi.

- Do Bắc Kinh nằm ở phía Đông của khu vực giờ gốc nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 8 – 0 = 8 múi.

- Do Mat-xcơ-va nằm ở phía Đông của khu vực giờ gốc nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 3 – 0 = 3 múi.

- Do Oa-sinh-tơn nằm ở phía Tây của khu vực giờ gốc nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 0 – (–5) = 5 múi.

* Tính giờ và ngày ở các thủ đô: mỗi ý 0,5 điểm x 4 = 2 điểm

- Khi khu vực giờ gốc là 20h ngày 15/3/2021 thì lúc đó giờ và ngày, tháng ở Hà Nội là 20h ngày 15/3/2021 + 7h = 27h ngày 15/3/2021 – 24h = 3h ngày 16/3/2021.

- Khi khu vực giờ gốc là 20h ngày 15/3/2021 thì lúc đó giờ và ngày, tháng ở Bắc Kinh là 20h ngày 15/3/2021 + 8h = 28h ngày 15/3/2021 – 24h = 4h ngày 16/3/2021.

- Khi khu vực giờ gốc là 20h ngày 15/3/2021 thì lúc đó giờ và ngày, tháng ở Mat-xcơ-va là 20h ngày 15/3/2021 + 3h = 23h ngày 15/3/2021.

- Khi khu vực giờ gốc là 20h ngày 15/3/2021 thì lúc đó giờ và ngày, tháng ở Oa-sinh-tơn là 20h ngày 15/3/2021 – 5h = 15h ngày 15/3/2021.

Câu 12 (3 điểm)

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất luôn nghiêng về một hướng không đổi nên lần lượt từng nửa cầu ngả về phía Mặt Trời còn nửa kia thì chếch xa. 1 điểm

- Vào khoảng tháng 5 âm lịch (nhằm tháng 6 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều nhất nên các vùng ở Bắc bán cầu nhận được nhiều nhiệt nhất, (là mùa hạ) đồng thời, thời gian ban ngày kéo dài, đêm ngắn hơn (Đêm tháng 5 chưa nằm đã sáng). 1 điểm

- Vào khoảng tháng 10 âm lịch (nhằm tháng 11 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc chếch xa Mặt Trời nhất nên nhận được ít nhiệt (là mùa Đông), lúc này thời gian ban ngày rất ngắn, đêm kéo dài (Ngày tháng 10 chưa cười đã tối). 1 điểm

Câu 13. (2,5 điểm)

- Các loại khoáng sản: 1 điểm

+ Khoáng sản năng lượng: than, dầu mỏ, khí đốt,...

+ Khoáng sản kim loại đen và màu: Kim loại đen gồm có sắt, mangan, titan, crom, ... và kim loại màu gồm có đồng, chì, kẽm,...

+ Khoáng sản phi kim loại: muối mỏ, apatit, đá vôi,...

- Công dụng: Dùng để làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp năng lượng, hóa chất, luyện kim, sản xuất phân bón, đồ gốm, vật liệu xây dựng,... 0,5 điểm

- Phải sử dụng hợp lí và tiết kiệm: Vì các mỏ khoáng sản không phải là vô tận, nếu không khai thác hợp lí và tiết kiệm dẫn đến lãng phí trong việc khai thác; chưa tận dụng hết công dụng của khoáng sản; bên cạnh đó còn ảnh hưởng đến môi trường, liên quan đến quá trình phát triển bền vững của đất nước. 1 điểm

Câu 14. (3 điểm)

- Các loại địa hình chủ yếu trên bề mặt Trái Đất: Núi, đồi, đồng bằng, cao nguyên… (1 điểm)

- Đồi và cao nguyên khác nhau.

+ Đồi là dạng địa hình thấp chuyển tiếp giữa đồng bằng và miền núi (0,5 điểm). Độ cao tương đối dưới 200m như vùng đồi trung du ở phía bắc nước ta. (0, 5 điểm)

+ Cao nguyên có dạng địa hình cao 500m trở lên, bằng phẳng như cao nguyên Lâm Đồng, Đăk Lăk ở nước ta (0,5 điểm). Các cao nguyên thường có sườn dốc. (0,5 điểm)

Câu 15 (2,5 điểm)

- Khí áp là sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất. 0,5 điểm

- Gió là sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp. 1 điểm

- Nguyên nhân là do sự chênh lệch khí áp giữa khí áp cao và khí áp thấp giữa hai vùng tạo ra. 1 điểm

Hết

9. ĐỀ 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. *(0,5 điểm)* Các mỏ khoáng sản như Đồng, Chì, vàng,... là các mỏ khoáng sản:

A. Năng lượng

B. Kim loại đen

C. Kim loại màu

D. Phi kim loại

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong không khí thì khí Oxi chiếm tỉ trọng lớn thứ 2 sau khí:

A. Khí cacbonic

B. Khí nito

C. Hơi nước

D. Hidro

Câu 3. *(0,5 điểm)* Nhiệt độ trung bình ngày thường được đo vào các thời điểm:

A. 9 giờ, 16 giờ, 24 giờ

B. 6 giờ, 14 giờ, 22 giờ

C. 5 giờ, 13 giờ, 21 giờ

D. 7 giờ, 15 giờ, 23 giờ

Câu 4. *(0,5 điểm)* Gió Tín Phong còn được gọi là gió:

A. Gió Đông cực

B. Gió biển

C. Gió Mậu Dịch

D. Gió Tây ôn đới

Câu 5. *(0,5 điểm)* Trên Trái Đất có các đới khí hậu là:

A. một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

B. hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

C. một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

D. hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

Câu 6. *(0,5 điểm)* Nhiệt độ không khí *không thay đổi* theo:

A. Độ cao

B. Vĩ độ

C. Mức độ gần hay xa biển

D. Màu nước biển

Câu 7. *(0,5 điểm)* Những nơi có lượng mưa lớn trên Trái Đất là:

A. Dọc hai chí tuyến

B. Vùng xích đạo và nơi đón gió

C. Dọc 2 bên đường vòng cực

D. Sâu trong nội địa

Câu 8. *(0,5 điểm)* Sóng biển là:

A. Là hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương

B. Là dòng chuyển động trên biển và đại dương

C. Là hình thức dao động dưới đáy biển sinh ra

D. Là hiện tượng nước biển có lúc dâng lên, lấn sâu vào đất liền

Câu 9. *(0,5 điểm)* Có mấy loại thủy triều:

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 10. *(0,5 điểm)* Trong sản xuất nông nghiệp, loại đất dùng để trồng cây công nghiệp lâu năm:

A. Đất cát pha

B. Đất xám

C. Đất phù sa bồi đắp

D. Đất đỏ badan

II. PHẦN TỰ LUẬN (15 điểm)

Câu 11. (4 điểm) Dựa vào bản đồ Hình 12 dưới đây, em hãy:

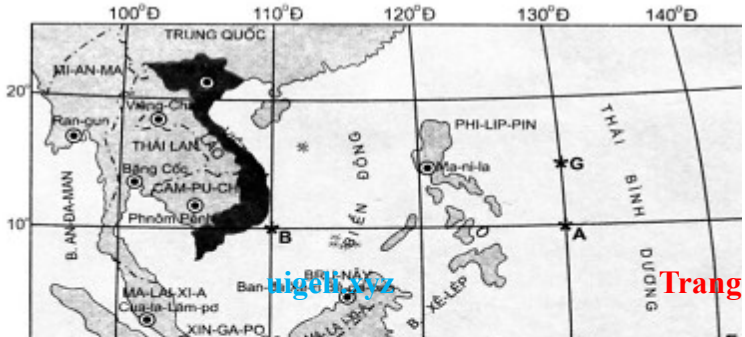

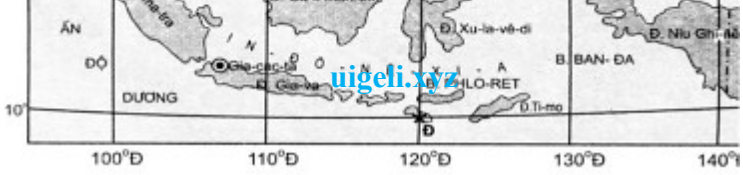

uigeli.xyz

Hình 12. Bản đồ thủ đô các nước ở khu vực Đông Nam Á

a. Cho biết các hướng bay từ Băng Cốc đến Ma-ni-la, Ran-gun, Viêng Chăn, Phnôm-pênh.

b. Ghi tọa độ địa lí của các điểm G, A, C, E.

Câu 12. *(2 điểm)* Tại sao về mùa hạ, những miền gần biển có không khí mát hơn và về mùa đông những miền gần biển lại có không khí ấm hơn trong đất liền?

Câu 13 (*4 điểm*): Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố mưa trên Trái Đất.

Câu 14 (*2 điểm*): Dòng biển là gì? Nguyên nhân nào sinh ra dòng biển?

Câu 15. *(3 điểm)* Thổ nhưỡng (lớp đất) là gì? Trong các nhân tố hình thành đất, quan trọng nhất là các nhân tố nào? Trình bày các nhân tố đó?

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm)

Chọn: C.

Câu 2: (0,5 điểm)

Chọn: B.

Câu 3: (0,5 điểm)

Chọn: C.

Câu 4: (0,5 điểm)

Chọn: C.

Câu 5: (0,5 điểm)

Chọn: C.

Câu 6: (0,5 điểm)

Chọn: D.

Câu 7: (0,5 điểm)

Chọn: B.

Câu 8: (0,5 điểm)

Chọn: A.

Câu 9: (0,5 điểm)

Chọn: B.

Câu 10: (0,5 điểm)

Chọn: D.

II. PHẦN TỰ LUẬN (15 điểm)

Câu 11. 4 điểm

a. mỗi ý đúng 0,5 điểm x 4 = 2 điểm

- Hướng bay từ Băng Cốc đến Ma-ni-la: đông
- Hướng bay từ Băng Cốc đến Ran-gun: tây bắc
- Hướng bay từ Băng Cốc đến Viêng Chăn: đông bắc
- Hướng bay từ Băng Cốc đến Phnôm-pênh: đông nam

b. Tọa độ địa lí của các điểm: mỗi ý đúng 0,5 điểm x 4 = 2 điểm

A $130^0Đ$ / 10^0B G $130^0Đ$ / 15^0B E $140^0Đ$ / 0^0

C $130^0Đ$ / 0^0B

Câu 12 2 điểm

- Về mùa hạ Mặt Trời chiếu sáng nhiều hơn, đất đá trên đất liền nhanh nóng hơn còn nước biển nóng chậm hơn vì thế nhiệt độ ở vùng gần biển mát hơn so với trong đất liền. 1 điểm

- Ngược lại, về mùa đông nước biển lạnh chậm hơn so với đất liền nên vùng ven biển ấm hơn so với trong đất liền. 1 điểm

Câu 13 4 điểm

- Khí áp: 1 điểm

+ Khu vực áp thấp thường mưa nhiều

+ Khu vực áp cao ít mưa hoặc không mưa.

- Frông: Frông đi qua thường có mưa nhiều. 0,5 điểm

- Gió: 1 điểm

+ Gió Tây ôn đới và gió mùa mưa nhiều.

+ Gió Mậu dịch ít mưa.

- Dòng biển: 0,5 điểm

+ Dòng biển nóng đi qua thường mưa nhiều

+ Dòng biển lạnh đi qua ít mưa.

- Địa hình: 1 điểm

+ Sườn đón gió mưa nhiều

+ Sườn khuất gió mưa ít hoặc không mưa.

Câu 14 2 điểm

- Dòng biển là hiện tượng chuyển động của lớp nước biển trên mặt, tạo thành các dòng chảy trong các biển và đại dương. 1 điểm

- Nguyên nhân sinh ra các dòng biển chủ yếu là các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như gió Tín phong, Tây ôn đới 1 điểm

Câu 15 3 điểm

- Khái niệm: Lớp đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt các lục địa. 0,5 điểm

- Trong các nhân tố hình thành đất, quan trọng nhất là: đá mẹ, sinh vật và khí hậu. 0,5 điểm

+ Đá mẹ là nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất. Đá mẹ ảnh hưởng đến mầu sắc và tính chất đất. 0,5 điểm

+ Sinh vật là nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ. 0,5 điểm

+ Khí hậu, đặc biệt là nhiệt độ và lượng mưa tạo điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng và chất hữu cơ trong đất. 0,5 điểm

+ Ngoài ba nhân tố chính trên, sự hình thành đất còn chịu ảnh hưởng của địa hình, thời gian hình thành đất và con người. 0,5 điểm

Hết

10. ĐỀ 10

Câu 1. 3,5 điểm

Một máy bay cất cánh tại Bắc Kinh (116^0Đ) lúc 2h ngày 2/2/2012 đến Bra-xi-li-a (48^0T) sau 22h bay, máy bay hạ cánh. Tính giờ và ngày, tháng máy bay hạ cánh tại Bra-xi-li-a.

Câu 2. 4,5 điểm

Hãy mô tả sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời. Nếu Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời nhưng không tự quay quanh trục thì sẽ có những hiện tượng gì xảy ra trên bề mặt Trái Đất?

Câu 3. 4 điểm

Địa hình và khí hậu có ảnh hưởng như thế nào đến phân bố thực vật? Cho ví dụ.

Câu 4. 4 điểm Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ và lượng mưa của TPHCM

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (^oC)	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7
Lượng mưa (mm)	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327	266,7	116,5	48,3

a. Vẽ biểu đồ cột kết hợp đường thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của TPHCM.

b. Xác định nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ cao nhất, nhiệt độ thấp nhất và biên độ nhiệt năm của TPHCM.

c. Xác định lượng mưa trung bình năm, lượng mưa cao nhất, lượng mưa thấp nhất của TPHCM.

Câu 5. 4 điểm

Đọc trích đoạn bài báo sau đây và vận dụng kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

a. Sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Đoạn chảy qua nước ta dài bao nhiêu km và chảy qua những tỉnh (thành phố) nào?

b. Kể tên các phụ lưu và chi lưu của sông Hồng? Xác định thời gian và độ dài mùa lũ trên sông Hồng.

c. Phân tích những giá trị kinh tế mà sông Hồng đem lại.

Sông Hồng

Sông Hồng, tên chữ Hán là Hồng Hà, là một con sông lớn chảy qua vùng đồng bằng Bắc Bộ ở Việt Nam. Sông bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ở độ cao 1.776m trên dãy Ngụy Sơn. Đoạn chảy trên lãnh thổ Trung Quốc có tên là Nguyên Giang. Sông vào lãnh thổ Việt Nam, tại Hà Khẩu thuộc tỉnh Lào Cai. Đoạn từ Lào Cai đến ngã ba Bạch Hạc, thuộc thành phố Việt Trì gọi là sông Thao, người Thái gọi là Nậm Tao. Đoạn qua Hà Nội, sông uốn cong như vành tai, nên gọi là Nhĩ Hà, đọc chệch thành Nhị Hà. Nước sông có màu đỏ ngầu, do chứa nhiều phù sa, vì thế, gọi chung là sông Hồng.

Sông dài khoảng 1.183 km, đoạn chảy qua nước ta là 650km, qua địa bàn các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình. Diện tích toàn lưu vực là 155.000 km2 chiếm 45.6% diện tích. Ngoài ra, sông Hồng còn có 614 phụ lưu, trong đó có những phụ lưu lớn như sông Đà, sông Lô, sông Chảy… Sông đổ ra biển ở cửa biển Ba Lạt, nằm giáp ranh giữa huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định. Lũ sông Hồng chủ yếu là do lũ các phụ lưu chính là sông Đà và sông Lô gây nên. Hàng năm, mùa lũ kéo dài từ tháng 6 đến tháng 10 dương lịch, tháng có lưu lượng nước bình quân lớn nhất tức đỉnh lũ là tháng 8, lượng nước bằng 15% tổng lượng cả năm va bằng tổng lượng nước cả 7 tháng mùa cạn (từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau). Tháng có lưu lượng nước nhỏ nhất là tháng 3. Ngày nay sông Hồng chảy qua Việt Nam có 1267km đê ở cả hai bên hữu ngạn và tả ngạn. Độ cao mặt đê tại Hà Nội là 14m. Sông Hồng góp phần quan trọng trong đời sống sinh hoạt cũng như trong sản xuất. Phù sa giúp cho đồng ruộng thêm màu mỡ, đồng thời bồi đắp và mở rộng vùng châu thổ. Nguồn cá bột của sông Hồng đã cung cấp cá giống đáng kể cho nghề nuôi cá nước ngọt ở đồng bằng sông Hồng. Sông Hồng, có rất nhiều phụ lưu và chi lưu ở cả hai bên tả ngạn và hữu ngạn. Từ Lào Cai đến Việt Trì có các phụ lưu bên phải là: ngòi Dun, ngòi Bo, ngòi Nhu, ngòi Hút, ngòi Thia, sông Bứa, ngòi Phát, sông Đà; phụ lưu bên trái có sông Lô, sông Chảy, sông Gâm. Từ khoảng giữa Sơn Tây và Hà Nội, sông Hồng tách ra nhiều chi lưu như: sông Đáy chảy đến Phủ Lý, lại tách ra một nhánh là Châu Giang gặp lại sông Hồng ở phía dưới thị xã Hưng Yên. Sông Hồng đến Độc Bộ, chia ra một nhánh về phải là sông Ninh Cơ chảy ra cửa Lạc; đến Ngã ba Ngô Đồng có sông Ngô Đồng chảy ra cửa Lạn. Sông Hồng, ở phía trên Hà Nội tách ra sông Đuống, chảy về phía Đông ra Phả Lại tạo thành sông Lục Đầu, thông với hệ thống sông Thái Bình. Ở phía dưới thị xã Hưng Yên, sông Hồng, lại tách ra sông Luộc nối liền với sông Thái Bình ở Quý Cao.

Việc đắp đê sông Hồng, đã được tiến hành từ lâu đời, như đê Cơ Xá quanh thành Thăng Long đã được đắp từ thế kỷ X. Nhà máy thuỷ điện ở Thác Bà trên sông Chảy và đập sông Đà trên sông Đà, điều tiết dòng chảy sông Hồng tránh được gây lũ, úng lụt ở phía hạ lưu, đồng thời, nhà máy thuỷ điện ở bên các đập trên cung cấp nguồn năng lượng lớn cho nông nghiệp và công nghiệp. Sông Hồng là cái nôi của nền văn minh đồ đồng (Đông Sơn) rực rỡ và nền văn minh lúa nước. Sông Hồng là một dòng sông của lịch sử và văn hoá. Hàng ngàn năm nay, vào dịp lễ hội mùa xuân và mùa thu, sông Hồng luôn rộn ràng tiếng trống, tiếng chiêng của những đoàn thuyền rồng ra tận giữa dòng sông rước nước về làm lễ mộc dục ở các đình, đền làng. Hơn nữa, sông Hồng là điểm đến của các tour du lịch sông nước thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước ngày nay và là nguồn cảm hứng vô tận của những tao nhân mặc khách xưa kia còn in dấu trong nhiều truyền thuyết và các áng thơ văn. Từ thời kì phong kiến, sông Hồng đã tạo nên một Thăng Long với sức sống mạnh mẽ của một trung tâm thương mại. Hàng hoá từ miền xuôi xuôi những bến bờ lên các tỉnh miền núi, hàng lâm sản miền núi lại theo sông Hồng về đồng bằng. Những bến bờ sông Hồng ấy đã sánh ngang với những bến cảng sầm uất của Châu Âu, các tàu buôn của Pháp, Nhật, Ý, Bồ Đào Nha… tấp nập cập bến sông Hồng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ. Và nhắc đến sông Hồng thì không thể không nhắc đến hệ thống làng nghề dọc hai bên bờ sông mà tiêu biểu nhất là làng gốm Bát Tràng đã tồn tại hàng mấy trăm năm.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1 3,5 điểm

* Tìm múi giờ của Bắc Kinh và Bra-xi-li-a

- Bắc Kinh thuộc Bán cầu Đông nên múi giờ ở Bắc Kinh là: $116^0 : 15^0 = 7,7$ làm tròn là 8. 0,5 điểm

- Bra-xi-li-a thuộc Bán cầu Tây nên múi giờ ở Bra-xi-li-a là: $24 – (48^0 : 15^0) = 20,8$ làm tròn là 21. 0,5 điểm

* Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ của Bắc Kinh và Bra-xi-li-a

Do Bắc Kinh và Bra-xi-li-a khác Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là: 8 + (24–21) = 11 múi 0,5 điểm

* Tính giờ và ngày, tháng ở Bra-xi-li-a

- Khi máy bay cất cánh tại Bắc Kinh thì giờ và ngày, tháng ở Bra-xi-li-a (phía Tây TPHCM) là: 2h ngày 2/2/2012 – 11h = – 9h ngày 2/2/2012 + 24h = 15h ngày 1/2/2012. 1,0 điểm

- Chuyến bay bay hết 22h mới đến Bra-xi-li-a. Lúc đó giờ và ngày, tháng ở Bra-xi-li-a là 15h ngày 1/2/2012 + 22h = 37h ngày 1/2/2012 – 24h = 13h ngày 2/2/2012. 1,0 điểm

Câu 2 4,5 điểm

* Mô tả Trái Đất quay quanh Mặt Trời:

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời theo một quỹ đạo có hình elip gần tròn. 0,5 điểm

- Thời gian chuyển động một vòng là 365 ngày 6 giờ. 0,5 điểm

- Khi chuyển động quanh Mặt Trời, Trái Đất vẫn đồng thời tự quay quanh trục. 0,5 điểm

- Trong khi chuyển động trên quỹ đạo (quanh Mặt Trời), Trái Đất lúc nào cũng giữ nguyên độ nghiêng, đồng thời hướng nghiêng của trục không đổi. Sự chuyển động đó gọi là sự chuyển động tịnh tiến. 0,5 điểm

* Nếu Trái Đất chuyển động tịnh tiến xung quanh Mặt Trời nhưng không tự quay quanh trục thì:

- Trái Đất vẫn có ngày và đêm. Một năm chỉ có một ngày và một đêm. 0,5 điểm

- Ngày dài sáu tháng, đêm dài sáu tháng. 0,5 điểm

- Ban ngày, mặt đất sẽ tích tụ một lượng nhiệt rất lớn và nóng lên dữ dội. Ban đêm trở nên rất lạnh. 0,5 điểm

- Sự chênh lệch nhiệt độ rất lớn giữa ngày và đêm gây ra sự chênh lệch rất lớn về khí áp giữa hai nửa cầu ngày và đêm. Từ đó, hình thành những luồng gió cực mạnh. 0,5 điểm

- Bề mặt Trái Đất sẽ không còn sự sống. 0,5 điểm

Câu 3 4 điểm

* Địa hình ảnh hưởng đến sự phân bố thực vật

- Độ cao: Lên cao nhiệt độ thay đổi, độ ẩm thay đổi, thực vật phân bố thành vành đai khác nhau. 0,5 điểm

- Hướng sườn: Hướng sườn có ánh sáng khác nhau, thực vật phân bố khác nhau. 0,5 điểm

- Ví dụ: đi từ độ cao 0 – 3000m ở dãy núi An-pơ ở châu Âu sẽ có các vành đai thực vật khác nhau: rừng hỗn hợp, rừng lá kim, cỏ và cây bụi, đồng cỏ núi cao, băng tuyết. 1,0 điểm

* Khí hậu ảnh hưởng đến phân bố thực vật

- Khí hậu có ảnh hưởng rõ rệt nhất đến sự phân bố thực vật: tùy theo đặc điểm khí hậu ở mỗi nơi mà có các loài thực vật khác nhau. Mức độ phong phú hay nghèo nàn của thực vật ở một nơi chủ yếu do khí hậu quyết định. 1,0 điểm

- Ví dụ: Khu vực xích đạo quanh năm có khí hậu nóng, ẩm nên rừng rậm phát triển với nhiều loại cây, mọc thành nhiều tầng; miền gần cực có khí hậu giá lạnh, thực vật phát triển khó khăn, chỉ có rêu, địa y... sinh trưởng trong mùa hạ. 1,0 điểm

Câu 4 4 điểm

a. Vẽ biểu đồ đầy đủ, chi tiết 2,0 điểm

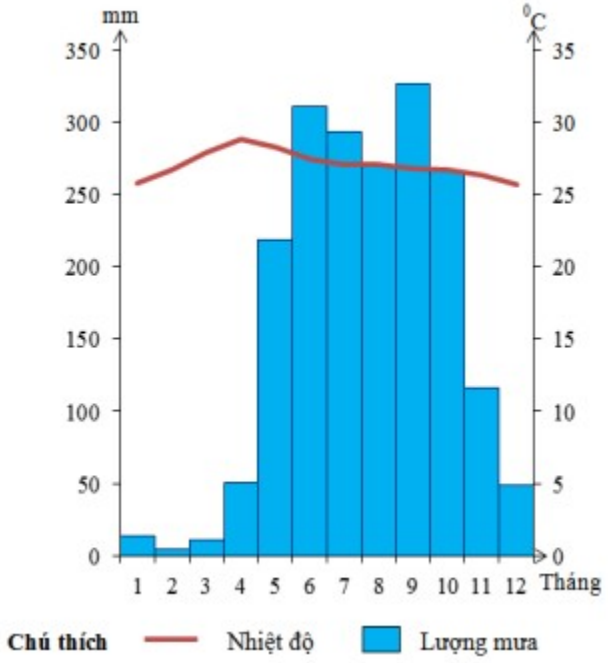

Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của TPHCM

b. 1,0 điểm

Nhiệt độ trung bình năm là 27,1^{0}C, nhiệt độ cao nhất là 28,9^{0}C (tháng 4), nhiệt độ thấp nhất là 25,7^{0}C (tháng 12), biên độ nhiệt năm là 3,2^{0}C.

c. 1,0 điểm

- Lượng mưa trung bình năm là 1931mm, lượng mưa cao nhất là 327mm (tháng 9), lượng mưa thấp nhất là 4,1mm (tháng 2).

Câu 5 4 điểm

a. 1,0 điểm

- Sông bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam, Trung Quốc ở độ cao 1.776m trên dãy Ngụy Sơn. 0,25 điểm

- Đoạn chảy qua nước ta là 650km. 0,25 điểm

- Sông chảy qua địa bàn các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Hà Nam, Thái Bình. 0,5 điểm (thiếu 4 tỉnh trừ 0,25 điểm)

b. 1,5 điểm

- Các phụ lưu:

+ Bên phải: ngòi Dun, ngòi Bo, ngòi Nhu, ngòi Hút, ngòi Thia, sông Bứa, ngòi Phát, sông Đà 0,25 điểm

+ Bên trái có sông Lô, sông Chảy, sông Gâm. 0,25 điểm

- Chi lưu: sông Đáy, sông Châu Giang, sông Ninh Cơ, sông Ngô Đồng, sông Lục Đầu, sông Đuống, sông Luộc. 0,5 điểm (thiếu 4 sông trừ 0,25 điểm)

- Thời gian mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10. 0,25 điểm

- Độ dài: 5 tháng 0,25 điểm

c. Giá trị kinh tế của sông Hồng: 1,5 điểm

- Phù sa giúp cho đồng ruộng thêm màu mỡ, đồng thời bồi đắp và mở rộng vùng châu thổ. 0,25 điểm

- Nguồn cá bột của sông Hồng đã cung cấp cá giống đáng kể cho nghề nuôi cá nước ngọt ở đồng bằng sông Hồng. **0,25 điểm**

- Nhà máy thuỷ điện ở bên các đập trên cung cấp nguồn năng lượng lớn cho nông nghiệp và công nghiệp. **0,25 điểm**

- Sông Hồng là điểm đến của các tour du lịch sông nước thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước. **0,25 điểm**

- Những bến bờ sông Hồng ấy đã sánh ngang với những bến cảng sầm uất của Châu Âu. **0,25 điểm**

- Hệ thống làng nghề dọc hai bên bờ sông mà tiêu biểu nhất là làng gốm Bát Tràng đã tồn tại hàng mấy trăm năm. **0,25 điểm.**

Hết